Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

HỎA TỐC

MẪU SỐ 01

HỒ SƠ MỜI THẦU
MUA SẮM HÀNG HÓA QUA MẠNG ĐẤU THẦU QUỐC GIA, MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI
TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT THIẾT BỊ VIETTEL

viettel manufacturing

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu:	**03-09/VMC/2026 Mua sắm thiết bị gia công sau đúc**
Dự án:	**09/VMC/2025-DA Dự án dây chuyền Đúc mẫu chảy chân không vật liệu Inconel**

CHỦ ĐẦU TƯ
[Ký tên, đóng dấu pháp nhân]

CÔNG TY TNHH MỘT TV TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT THIẾT BỊ VIETTEL
M.S.D.N: 0500141369 - C.T.T.N.H.H - H.HOÀI ĐỨC - TP HÀ NỘI

Đại tá Nguyễn Thế Nghĩa

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Quy định LCNT	Quy định về lựa chọn nhà thầu tại Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel (Ban hành kèm theo Quyết định số 1748/QĐ-VMC ngày 26/01/2026 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel). Quy định này được đăng tải trên website: Dauthau.viettel.com.vn
Tập đoàn hoặc Viettel	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội
Tổng Công ty	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel
Hệ thống	Hệ thống là Hệ thống Mạng đấu thầu quốc gia (muasamcong.mpi.gov.vn).
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu
E-TBMT	Thông báo mời thầu
E-CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
KQLCNT	Kết quả lựa chọn nhà thầu

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng.

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT);
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu);
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật);
- Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính);
- Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)).

Chương III. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa (nếu có) được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu, dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT, E-HSDT.

Chương V. Hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng.

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

396327_Doan Thi Hong Ngoc _ 14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư **Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel** phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hóa theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu: **03-09/VMC/2026 Mua sắm thiết bị gia công sau đúc.** 1.3. Dự án: **09/VMC/2025-DA Dự án dây chuyền Đúc mẫu chảy chân không vật liệu Inconel**, 1.4. Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập): **Gói thầu không chia phần**. **1.5. Việc tổ chức LCNT gói thầu này thực hiện theo Quy định LCNT.**
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu: **35% vốn vay và 65% vốn góp của chủ sở hữu**
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận hoặc môi giới hối lộ; 4.2. Can thiệp trái pháp luật hoặc trái quy định của Tổng Công ty vào hoạt động lựa chọn nhà thầu; 4.3. Dàn xếp, thông thầu, gian lận, che giấu hoặc hành vi cố ý khác làm sai lệch thông tin, KQLCNT. Khái niệm những hành vi này được hiểu theo quy định của Luật đấu thầu; 4.4. Chia nhỏ gói thầu trái quy định để chỉ định thầu hoặc để không hình thành gói thầu; 4.5. Tiết lộ, lợi dụng thông tin nội bộ và các thông tin liên quan trong quá trình tổ chức LCNT nhằm trục lợi; 4.6. Không trung thực trong cung cấp hồ sơ, tài liệu; 4.7. Cản trở, đe dọa, mua chuộc thành viên Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định hoặc cá nhân khác có liên quan; 4.8. Chuyển nhượng thầu bao gồm việc (i) nhà thầu tự ý chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu vượt quá giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng, hoặc chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT, HSĐX mà không được Chủ đầu tư chấp thuận hoặc (ii) Chủ đầu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	tư chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc thuộc gói thầu vượt quá giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng. 4.9. Đưa thông tin thất thiệt, không đúng sự thật lên các phương tiện truyền thông gây ảnh hưởng, mất uy tín của Tổng Công ty; 4.10. Lợi dụng việc phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo để gửi đơn thư sai sự thật, gây ảnh hưởng, mất uy tín của Tổng Công ty.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; b) Hạch toán tài chính độc lập; c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký thành lập, hoạt động; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu của Tổng Công ty hoặc của Tập đoàn, các Đơn vị thành viên của Tập đoàn tổ chức theo quy định của pháp luật về đấu thầu, quy định mua sắm thường xuyên, quy định, quy chế về lựa chọn nhà thầu của Tổng Công ty và của Tập đoàn; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật về đấu thầu; f) Có tên trong Danh sách ngắn đối với trường hợp đã lựa chọn được Danh sách ngắn; 5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Các điều kiện tại điểm e, f Mục 5.1. 5.3. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân; b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định; c) Các điều kiện tại điểm d, e Mục 5.1. 5.4. Các nhà thầu có thể liên danh trên cơ sở thỏa thuận liên danh để tham dự thầu, đứng tên dự thầu. Trong trường hợp liên danh, thỏa thuận

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	liên danh phải quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh đối với toàn bộ phạm vi của gói thầu. 5.5. Tập đoàn và các Đơn vị thành viên của Tập đoàn được phép tham dự thầu các gói thầu của Tổng Công ty và được mặc định là có tư cách hợp lệ . 5.6. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định: **Không áp dụng** - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: + Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng: Không có. + Tư vấn kiểm định: Không có *+ Tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp đến việc kiểm soát chất lượng trong quá trình thực hiện gói thầu (nếu cần thiết, trừ hoạt động giám sát tác giả): Không có* - Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)[1]. - Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau: $$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^{n} Xi \times Yi$$ Trong đó: X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh
6. Nội dung của E-HSMT	6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Chương I, Chương II, Chương III, Chương IV, Chương V cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT;

[1] Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	- Chương III. Yêu cầu về kỹ thuật; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu, dự thầu; - Chương V. Hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng. 6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT	7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 3 ngày làm việc trước ngày đóng thầu. Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. 7.3. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu. 7.4. Hội nghị tiền đấu thầu: **Không thực hiện** Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	7.5. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT. 7.6. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT: Theo quy định của hệ thống. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt (trừ trường hợp catalogue đính kèm của hãng sản xuất/nhà sản xuất không có phiên bản tiếng Việt thì chấp nhận bằng tiếng Anh). Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung bản dịch tiếng Việt (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 02 (02A hoặc 02B) và Bản cam kết tính hợp lệ theo Mẫu số 02A.1 hoặc 02B.1, Chương IV của E-HSMT; 10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 chương IV của E-HSMT (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT; 10.4. Bản kê khai năng lực thực hiện gói thầu của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT; 10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT; 10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT; 10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có); 10.8. Các tài liệu khác nộp cùng E-HSDT như sau: **10.8.1. Văn bản cam kết an toàn thông tin với nội dung sau: "- Nhà thầu cam kết chưa có các hoạt động gây cản trở, gây rối loạn, gây mất an toàn thông tin, an ninh mạng, mất an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, mạng công nghệ thông tin tại Việt Nam và trên thế giới. - Nhà thầu cam kết tất cả các hàng hóa cung cấp theo gói thầu này không có khả năng cản trở, gây rối loạn, gây mất an toàn thông tin, an ninh**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	mạng, mất an toàn cơ sở hạ tầng mạng viễn thông, mạng công nghệ thông tin tại Việt Nam và trên thế giới. Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện hoặc cơ quan nhà nước phát hiện và thông báo bất kỳ sản phẩm nào của hãng sản xuất thiết bị, phần mềm của nhà sản xuất mà nhà thầu chào thầu gây ra hoặc có nguy cơ cản trở, gây rối loạn, gây mất an toàn thông tin, an ninh mạng, mất an toàn cơ sở hạ tầng mạng viễn thông, mạng công nghệ thông tin tại Việt Nam hoặc trên thế giới thì nhà thầu chấp nhận: (i) – Trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà thầu được công bố trúng thầu, chưa ký hợp đồng hoặc đã ký hợp đồng nhưng hợp đồng chưa có hiệu lực, E-HSDT của nhà thầu không hợp lệ và bị loại, hợp đồng sẽ bị huỷ không được thực hiện; (ii) – Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng và nhà thầu chịu phạt 8% giá trị hợp đồng, bồi thường mọi thiệt hại có liên quan theo quy định của pháp luật; (iii) – Nhà thầu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật và phí tổn liên quan". **10.8.2. Bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hàng hoá chào thầu.** **10.8.3. Bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu kiểm tra và thử nghiệm.** **10.8.4. Danh mục chi tiết của hàng hoá chào thầu trên cơ sở đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật trong E-HSMT, trong đó thể hiện đầy đủ thông tin về nhãn mác, ký mã hiệu và xuất xứ hàng hóa/thành phần của hàng hóa (nếu có).** **10.8.5. Catalog/Datasheet, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa chào thầu (Catalog//Datasheet, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa chào thầu được công bố trên Web, nhà thầu viện dẫn đường link Web cụ thể hoặc Catalog//Datasheet, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa chào thầu có xác nhận của hãng sản xuất).** **10.8.6. Cung cấp tuyên bố đáp ứng các Điều kiện hợp đồng và các điều khoản của hợp đồng mẫu.** **10.8.7. Các tài liệu khác theo yêu cầu tại Chương II, Chương III**
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành E-HSDT. Nhà thầu chịu trách nhiệm thống nhất các thông tin kê khai trên Hệ thống với E-HSDT đính kèm. Trường hợp có sự sai khác giữa các thông tin kê khai trên Hệ thống và thông tin trong E-HSDT đính kèm thì thông tin kê khai trên Hệ thống là căn cứ để đánh giá E-HSDT (ngoại trừ Bảo lãnh dự thầu).
12. Đề xuất phương án kỹ	12.1. Nhà thầu **không được phép** nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

thuật thay thế trong E-HSDT	Trường hợp Nhà thầu "được phép" nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét. 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để tổ chuyên gia có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương II.
13. Giá dự thầu và giảm giá	13.1. Giá dự thầu cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: a) Giá dự thầu là giá trong đơn dự thầu (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11.1 Chương IV vào đơn dự thầu. b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu; c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng. d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột "Danh mục hàng hóa", "Mô tả dịch vụ" theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV. 13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây: a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự). b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần. 13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp E-HSDT có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 7 Điều 36 của Quy định LCNT. 13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. 13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan	15.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương III. Các tài liệu này là một phần của E-HSDT. 15.2. Thuật ngữ "hàng hóa" được hiểu gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm và các loại hàng hóa khác. 15.3. Thuật ngữ "xuất xứ" được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu. 15.4. Thuật ngữ "dịch vụ liên quan" bao gồm các dịch vụ như bảo hiểm[1], lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ…. 15.5. Nhà thầu phải kê khai ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất của hàng hóa trong Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV. - Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho nhiều hơn một đơn vị tính của hàng hóa (hai cái, hai chiếc…) thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định số lượng tương ứng với từng hãng sản xuất. - Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho một đơn vị tính

[1] Bảo hiểm cho các hạng mục dịch vụ liên quan, ví dụ: bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa…

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	của hàng hóa (một cái, một chiếc…) thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá. 15.6. Yêu cầu về xuất xứ, nhãn hiệu hàng hóa (nếu có) thực hiện theo Mẫu số 01A, 01B, 01C Chương IV. - Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ thì nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ. Nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT thì sẽ bị loại. - Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa thì nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ; nhà thầu chào hàng hóa không có nhãn hiệu, xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT thì sẽ bị loại. - Xuất xứ hàng hóa: Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc…) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này 15.7. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương III. 15.8. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả, nhà cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng, vật tư tiêu hao... (sau đây gọi là vật tư, phụ tùng thay thế) cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn: **05 năm** 15.9. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalogue do Chủ đầu tư quy định tại Chương III chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalogue khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Chủ đầu tư, tổ chuyên gia thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương III.
16. Tài liệu chứng minh năng lực thực hiện gói thầu của nhà thầu	16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực thực hiện gói thầu theo yêu cầu tại Chương II. Trường hợp nhà thầu được mời thương thảo hợp đồng, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	16.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu thực hiện như sau: **Không áp dụng**
17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	17.1. Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ **120 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. 17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
18. Bảo đảm dự thầu	18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể như sau: - Giá trị bảo đảm dự thầu: **88.000.000 VNĐ** - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: **150 ngày** tính từ ngày đóng thầu Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó). 18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	18.4. Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: **14 ngày**, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực. 18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư: a) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng; b) Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây: - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu rút E-HSDT hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT; - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 9 của Quy định LCNT hoặc có hành vi khác dẫn đến phải hủy thầu; - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 44 của Quy định LCNT; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng. 18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong E-HSDT. 18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây: a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm. 18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết (Theo Mẫu số 02A.1 hoặc 02A.2) là nếu được mời vào thương thảo hợp đồng hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời thương thảo hợp đồng và được tính từ ngày thực hiện thương thảo hợp đồng). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi thương thảo hợp đồng nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết trong E-HSDT của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này. 18.9. Đối với gói thầu đấu thầu trước, không được bắt buộc nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu, nhưng nhà thầu phải cam kết về trách nhiệm dự thầu.
19. Thời điểm đóng thầu	19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại **E-TBMT.** 19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá. 20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá là không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. 20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu.
21. Mở thầu	21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 36 Quy định LCNT; Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Quy định LCNT. 21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đóng thầu, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu;

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	- Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.
22. Bảo mật	22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
23. Làm rõ E-HSDT	23.1. Sau khi mở thầu, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp E-HSDT của nhà thầu thiếu tài liệu về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện gói thầu, Chủ đầu tư gửi yêu cầu làm rõ để nhà thầu bổ sung, làm rõ để chứng minh các thông tin này đã tồn tại trước thời điểm đóng thầu, không làm thay đổi các nội dung cơ bản đã chào trong E-HSDT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Đối với thỏa thuận liên danh, được phép làm rõ các nội dung liên quan đến công việc và tỷ lệ thực hiện của các thành viên trong liên danh. 23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống. 23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	23.4. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT. 23.5. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.
24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	24.1. "Sai khác" là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT; 24.2. "Đặt điều kiện" là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT; 24.3. "Bỏ sót nội dung" là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.
25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT	25.1. Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT. 25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của E-HSMT. 25.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT và Mục 16 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong E-HSMT đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.
26. Sai sót không nghiêm trọng	26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT. 26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư. 26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.
27. Nhà thầu phụ	27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan. 27.2. Trường hợp có yêu cầu dịch vụ liên quan quy định tại Mẫu số 01D Chương IV, Chủ đầu tư có thể cho phép nhà thầu được sử dụng nhà thầu phụ. Việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ thực hiện theo Mẫu số 09A Chương IV. 27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). 27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ liên quan. 27.5. Nhà thầu không được thực hiện hành vi chuyển nhượng thầu: a) Nhà thầu tự ý chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng. b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất mà không được chủ đầu tư chấp thuận.
28. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch	28.1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong E-HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây: a) Lỗi số học bao gồm nhưng lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp có sự

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi; b) Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi khi cộng trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở để sửa lỗi; c) Trường hợp không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ thì giá dự thầu ghi bằng chữ là cơ sở để sửa lỗi, trừ trường hợp giá ghi bằng chữ không có nghĩa; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học thì giá ghi bằng số là cơ sở cho việc sửa lỗi sau khi được chuẩn xác (nếu có) theo điểm a và điểm b khoản này; d) Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định theo nguyên tắc này khác với số lượng nêu trong E-HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục 28.2 E-CDNT; đ) Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của E-HSMT. e) Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc về đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi. 28.2. Hiệu chỉnh sai lệch về phạm vi cung cấp: a) Sai lệch về phạm vi cung cấp đối với phần hàng hóa: Trường hợp nhà thầu liệt kê hạng mục công việc theo yêu cầu trong E-HSMT nhưng không ghi đơn giá dự thầu và thành tiền cho một hoặc một số hạng mục công việc thì **được coi** là sai lệch thiếu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng E-HSDT. Trường hợp hạng mục công việc nêu trong E-HSMT không được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu thi được coi là phần chào thiếu trong E-HSDT và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng các E-HSDT. Hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	nhưng khối lượng ít hơn hoặc nhiều hơn so với yêu cầu của E-HSMT được coi là phần chào thiếu hoặc chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này. Hạng mục công việc được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu không thuộc phạm vi công việc nêu trong E-HSMT được coi là phần chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này; b) Hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp: Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thiếu một hoặc một số hạng mục theo quy định tại điểm a khoản này và không có đơn giá của các hạng mục này thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục này trong số các E-HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong E-HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu để hiệu chỉnh sai lệch, làm cơ sở so sánh, xếp hạng nhà thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch thiếu chỉ nhằm mục đích so sánh, xếp hạng E-HSDT. Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thiếu khối lượng so với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị của phần công việc chào thiếu được cộng thêm theo đơn giá tương ứng trong E-HSDT. Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thừa khối lượng so với yêu cầu trong E-HSMT thì giá trị của phần công việc chào thừa sẽ bị trừ đi theo đơn giá tương ứng trong E-HSDT. 28.3. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. 28.4. Áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu đối với nhà thầu xếp hạng thứ nhất: Trường hợp E-HSDT của nhà thầu có sai lệch thiếu sau khi hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Mục 28.2 E-CDNT vẫn được xếp hạng thứ nhất và E-HSDT của nhà thầu này không có đơn giá của phần sai lệch thiếu thì đơn giá đề nghị trúng thầu của phần sai lệch thiếu sẽ lấy theo thứ tự ưu tiên: đơn giá tương ứng có giá trị thấp nhất trong các E-HSDT vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, đơn giá trong dự toán gói thầu, đơn giá hình thành giá gói thầu (trong trường hợp không có dự toán gói thầu). 28.5. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu theo quy định tại các Mục 28.1, 28.2, 28.3, 28.4 E-CDNT, chủ

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá đối với E-HSDT của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của chủ đầu tư. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của chủ đầu tư thì E-HSDT của nhà thầu đó bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá của chủ đầu tư không phù hợp, chính xác.
29. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu: Áp dụng	29.1. Nguyên tắc ưu đãi: a) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi hoặc các nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (Đối với phương pháp giá thấp nhất) hoặc giá đánh giá (Đối với phương pháp giá đánh giá) hoặc điểm kỹ thuật (đối với phương pháp giá cố định) không bằng nhau thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng. b) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục 29.2 CNDT. 29.2. Việc xác định ưu đãi được thực hiện trong quá trình xếp hạng E-HSDT. Cách áp dụng ưu đãi được thực hiện như sau: - Trường hợp các nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (Đối với phương pháp giá thấp nhất) hoặc giá đánh giá (Đối với phương pháp giá đánh giá) hoặc điểm kỹ thuật (đối với phương pháp giá cố định) bằng nhau, ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi dưới đây: + Sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; + Nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với hồ sơ mời thầu; + Nhà thầu là cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền công nhận; trung tâm đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tổ chức khoa học và công nghệ; trung tâm nghiên cứu và phát triển; tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao và pháp luật khác có liên quan. - Hàng hóa có xuất xứ Việt Nam là hàng hóa có tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước ≥ 30%. Việc xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam áp dụng công thức trực tiếp hoặc công thức gián tiếp sau: Công thức trực tiếp: D (%) = G*/G x 100% Công thức gián tiếp: D (%) = (G - C)/G x 100% Trong đó: G*: Là chi phí sản xuất trong nước; G: Là giá chào của hàng hóa trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trừ đi giá trị thuế; đối với nhà thầu là nhà sản xuất thì G là giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa; C: Là giá trị của các chi phí nhập ngoại, không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu; D: Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa. D ≥ 30%.
30. Đánh giá E-HSDT	30.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định sau để đánh giá E-HSDT. Phương pháp đánh giá E-HSDT là: **- Đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu: Đạt/Không đạt.** **- Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt** **- Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất** 30.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 30.1 E-CDNT, tổ chuyên gia chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT quy định tại Mục 30.3 hoặc Mục 30.4 Mục này cho phù hợp để đánh giá E-HSDT. 30.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với tất cả phương pháp đánh giá): a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu. b) Bước 2: Đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu theo quy định tại Mục 2 Chương II - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực thực hiện gói thầu thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương II. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính. d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương II. Việc so sánh, xếp hạng E-HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có). đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	hiện theo quy định sau: Xếp hạng nhà thầu: **- Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Trường hợp chỉ có một nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật thì không phải xác định danh sách xếp hạng nhà thầu.** e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 31 E-CDNT. 30.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp "giá thấp nhất", các E-HSDT đều không phải sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất). a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu theo biên bản mở thầu trên Hệ thống, nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Tổ chuyên gia tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất. b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 30.3 E-CDNT. c) Bước 3: Đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu theo quy định tại điểm b Mục 30.3 E-CDNT. d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 30.3 E-CDNT. đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 31 E-CDNT. Trường hợp E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo. 30.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT: a) Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận; b) Bảo đảm dự thầu: Thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) là căn cứ để đánh giá; c) Trường hợp các thông tin, tài liệu chứng minh năng lực thực hiện gói thầu mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, không đính kèm hoặc kê khai, đính kèm nhưng không đầy đủ, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thông tin, tài liệu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	chứng minh năng lực thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại; d) Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự chủ chốt khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Quy định LCNT. Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu. đ) Tại bước đánh giá về tài chính, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin về đối tượng được hưởng ưu đãi thì nhà thầu sẽ không được hưởng ưu đãi; e) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng, phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng mà không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng hoặc thương thảo hợp đồng nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.
31. Đối chiếu tài liệu và thương thảo	31.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực thực hiện gói thầu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

hợp đồng	cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư[1] tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm: a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT; b) Tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm gần nhất. c) Tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV; d) Các tài liệu chứng minh về năng lực thực hiện gói thầu mà nhà thầu đã kê khai, đính kèm trong E-HSDT như: Hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật…); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất); hoặc tài liệu chứng minh năng lực thực hiện gói thầu khác đã kê khai trong E-HSDT. đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt (nếu có): bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT; e) Tài liệu khác (nếu có). 31.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng. Nhà thầu thương thảo thành công sẽ được xét duyệt trúng thầu. 31.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời thương thảo hợp đồng đến nhà thầu. Trong Thông báo phải ghi rõ thời gian, địa điểm thương thảo hợp đồng trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến theo yêu cầu của Chủ đầu tư. 31.4. Nguyên tắc thương thảo, nội dung thương thảo: a) Nguyên tắc thương thảo: - Chỉ thương thảo những điểm chưa rõ, chưa thống nhất giữa E-HSDT và E-HSMT. Không thương thảo những nội dung đã rõ, đã thống nhất giữa E-HSDT và E-HSMT. b) Nội dung thương thảo hợp đồng: - Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong thực hiện hợp đồng;

[1] Trường hợp trong hợp đồng ký giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn có nội dung thuê đơn vị tư vấn thực hiện đối chiếu tài liệu thì tổ chuyên gia do đơn vị tư vấn thành lập còn phải thực hiện trách nhiệm đối chiếu tài liệu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	- Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong E-HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong E-HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế; - Thương thảo về nhân sự: Trường hợp có lý do chính đáng thì nhà thầu có thể thay đổi nhân sự thực hiện gói thầu nhưng phải đảm bảo nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu; - Thương thảo các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu; - Thương thảo về giá (nếu có). Trong trường hợp này, giá sau thương thảo là giá đề nghị trúng thầu. - Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.
32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 32.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II; 32.2. Có năng lực thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương II; 32.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương II; 32.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định sau: **- Nhà thầu có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất** Đối với gói thầu được chia làm nhiều phần (lô), việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm: giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần. 32.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt và thương thảo hợp đồng thành công. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.
33. Hủy thầu	33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT hoặc không có nhà thầu trúng thầu; b) E-HSMT không tuân thủ quy định dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; c) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	bị cấm quy định tại Điều 9 của Quy định LCNT dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; d) Đấu thầu trước nhưng Dự án/khoản đầu tư không được phê duyệt theo khoản 5 Điều 25 của Quy định LCNT. e) Hủy thầu theo quy định tại khoản 15 Điều 36 Quy định LCNT. 33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Quy định LCNT dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c Mục 33.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 27 của Quy định LCNT.
34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu. c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu. 34.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	34.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
35. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ	35.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ ***(Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 30%; Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 30%)*** và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT.
36. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 16 Chương IV cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.
37. Điều kiện ký kết hợp đồng	37.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 37.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng. 37.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
38. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	38.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Chương IV. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Chương IV hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	38.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
39. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	39.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 37 và 38 của Quy định LCNT. 39.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ sau: - Người có thẩm quyền: Tổng Giám đốc Nguyễn Thế Nghĩa + Địa chỉ: Công ty TNHH Một thành viên Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel. Thôn An Bình – Xã An Khánh – Thành phố Hà Nội. + E-mail: Vmc_Thau @viettel.com.vn.

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

CHƯƠNG II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Giá dự thầu kê khai trong Đơn dự thầu phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu nêu tại Bảng tổng hợp giá dự thầu đính kèm theo E-HSDT, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư.

2. Có bảo đảm dự thầu[1] không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết theo Mẫu số 02A.1 hoặc 02B.1.

3. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV hoặc theo Bảng danh mục hàng hóa chi tiết theo yêu cầu của E-HSMT (nếu có) hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực thực hiện gói thầu theo quy định tại Bảng số 01. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung gồm: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai

[1] Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

thuế, nộp thuế; năng lực tài chính gồm giá trị tài sản ròng, doanh thu; khả năng thực hiện gói thầu (nếu có) để đánh giá năng lực thực hiện gói thầu của nhà thầu; nhân sự chủ chốt (nếu có yêu cầu);

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực thực hiện gói thầu.

Năng lực của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng thương mại ngoại thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Bảng số 01

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC THỰC HIỆN GÓI THẦU

Các tiêu chí năng lực thực hiện gói thầu			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	**Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu**	Từ ngày **01 tháng 01 năm 2023** (2) đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu(3).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	**Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế**	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế(4) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong E-HSDT
3	**Năng lực tài chính (5*)**					
3.1	**Kết quả hoạt động tài chính(5)**	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	**Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)**	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của **05** (6)năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là **7.800.000.000**(7)VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Các tiêu chí năng lực thực hiện gói thầu			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
4	**Khả năng thực hiện gói thầu:**					
4.1	**Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự, Năng lực sản xuất hàng hoá:**	Nhà thầu là nhà sản xuất hàng hóa có thể tùy chọn chứng minh khả năng thực hiện gói thầu theo tiêu chí 4.1a hoặc 4.1b hoặc kết hợp cả 2 tiêu chí này trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của E-HSMT và đề xuất kỹ thuật của nhà thầu.				
a	**Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự**	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ[8] trong khoảng thời gian kể từ ngày **01 tháng 01 năm 2021**[9] đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: đáp ứng một trong các tiêu chí sau: **+ Tiêu chí 1: Hợp đồng cung cấp các thiết bị công nghiệp gia công cơ khí hoặc thiết bị thử nghiệm môi trường rung động**	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05A

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Các tiêu chí năng lực thực hiện gói thầu			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		+ Tiêu chí 2: Hợp đồng cung cấp hàng hóa có HScode 8479, Hscode 8424 và Hscode 8461 (10); - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: **+ Tiêu chí 1: 4.368.000.000 VNĐ** **+ Tiêu chí 2: Có quy mô (giá trị) tối thiểu : 4.188.000.000 VNĐ. Trong đó:** **Hscode 8479: 2.881.000.000 VNĐ** **Hscode 8424: 610.000.000 VNĐ** **Hscode 8461: 697.000.000 VNĐ** (11).				
b	**Năng lực sản xuất hàng hoá**(12)	Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây: - Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu: **0,24 sản phẩm/ 1 tháng. Trong đó:** Hscode 8479: 0,08 máy/ 1 tháng; Hscode 8424: 0,08 máy/ 1 tháng; Hscode 8461: 0,08 máy/ 1 tháng;	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05B

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Các tiêu chí năng lực thực hiện gói thầu			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		Hoặc: - Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: **0,24 sản phẩm**. Trong đó: Hscode 8479: 0,08 máy/ 1 tháng; Hscode 8424: 0,08 máy/ 1 tháng; Hscode 8461: 0,08 máy/ 1 tháng;				

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Ghi chú:

Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu để đối chiếu khi được mời vào thương thảo hợp đồng. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

Đối với nhà thầu có thời gian thành lập dưới 01 năm và không phải kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu thì không đánh giá tiêu chí này.

(5*) Nhà thầu là cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền công nhận; trung tâm đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tổ chức khoa học và công nghệ; trung tâm nghiên cứu và phát triển; tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao và pháp luật khác có liên quan không phải đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

(5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.

Đối với nhà thầu có thời gian thành lập dưới 01 năm, việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính kỳ gần nhất.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại. Đối với nhà thầu có thời gian thành lập dưới 01 năm, doanh thu bình quân hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong năm tính đến thời điểm nộp thầu trên cơ sở báo cáo tài chính kỳ gần nhất.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là 1,5.

(8) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Tương tự về tính chất: Chủ đầu tư, tổ chuyên gia lựa chọn một trong hai cách thức để quy định trong E-HSMT như sau:

a) Cách 1: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (chủ đầu tư, tổ chuyên gia nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...) **hoặc**

b) Cách 2: E-HSMT quy định theo 2 tiêu chí

(i) Tiêu chí 1: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (chủ đầu tư, tổ chuyên gia nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...)

(ii) Tiêu chí 2: là hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS – Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS). Mã HS căn cứ theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính (được Tổng Cục Hải quan đăng tải trên trang thông tin điện tử: https://www.customs.gov.vn).

Nhà thầu cung cấp hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát do E-HSMT yêu cầu (Tiêu chí 1) hoặc cùng 4 số đầu tiên mã HS (Tiêu chí 2) đều được coi là có tính chất tương tự với hàng hóa thuộc gói thầu. Trường hợp một hạng mục hàng hóa có nhiều mã HS khác nhau, E-HSMT quy định các mã HS này, nhà thầu có hàng hóa đáp ứng một trong các mã HS này được coi là đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

Ví dụ: hàng hóa thuộc gói thầu là máy tính xách tay có mã HS là 84.71.30.20 thì các hàng hóa có mã HS là 84.71.xx.xx được coi là có tính chất tương tự. Trường hợp hàng hóa thuộc gói thầu chưa được công bố mã HS, nhà thầu phải kê khai các hợp đồng cung cấp hàng hóa có cùng lĩnh vực tổng quát theo yêu cầu của E-HSMT (Tiêu chí 1).

- Đối với gói thầu mua trang thiết bị y tế, mã HS được xác định theo Thông tư số 14/2018/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Y tế, hàng hóa tương tự theo mã HS (xác định theo tiêu chí 2) là trang thiết bị y tế cùng nhóm hàng hóa (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BYT.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT).

- Trường hợp chủ đầu tư, tổ chuyên gia khó khăn trong việc xác định mã HS của hàng hóa theo Tiêu chí 2, E-HSMT được đưa ra quy định tương tự về lĩnh vực tổng quát (theo Tiêu chí 1). Trong trường hợp này, nếu nhà thầu xác định được mã HS của hàng hóa theo yêu cầu của gói thầu và mã HS của hàng hóa trong hạng mục, hợp đồng đã thực hiện (nghiệm thu) cùng nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) thì hạng mục, hợp đồng này được coi là tương tự để xem xét, đánh giá (được coi như nhà thầu đáp ứng Tiêu chí 2).

- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục thì có thể chỉ quy định lĩnh vực tổng quát, mã HS cho các hạng mục chính của gói thầu.

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục hàng hóa thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục hàng hóa để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

cầu đối với mỗi hạng mục hàng hóa chính hoặc mỗi hạng mục hàng hóa.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có khối lượng, số lượng công việc căn cứ nhu cầu theo các năm và thời gian thực hiện gói thầu dài hơn 1 năm thì E-HSMT yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) mà không xác định yêu cầu theo tổng số năm.

Ví dụ: gói thầu cung cấp vật tư X cho nhu cầu của chủ đầu tư trong 02 năm 2024-2025 (từ 01/01/2024 đến 31/12/2025), giá gói thầu là 100.000.000.000 đồng (tính cho nhu cầu trong 02 năm). Yêu cầu giá trị của hợp đồng tương tự là: 50% x 100.000.000.000/2 =25.000.000.000 đồng.

Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **Y** (hoặc **Y/1,25** nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu hoặc

(ii) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

Trong đó:

+ Hạng mục hàng hóa đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng hàng hóa trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục hàng hóa đã thực hiện để xác định hạng mục hàng hóa tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ hàng hóa đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

Trường hợp một số hạng mục hàng hóa trong gói thầu có cùng mã Chương, mã Nhóm (mã A) thì việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

(iii) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **K** (hoặc **K/1,25** nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó **K** bằng 50% tổng giá trị các hạng mục không có cùng mã Chương, mã Nhóm (không có mã A) và giá trị cao nhất của các hạng mục có cùng chung mã A (giá trị hạng mục theo giá gói thầu, dự toán được duyệt) hoặc

(iv) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự không có mã A đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), đối với hạng mục hàng hóa tương tự có cùng mã A thì chỉ cần giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị cao nhất của hạng mục hàng hóa cùng mã A trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn). Không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

* Ví dụ cho ghi chú số (10), (11):

- Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp 500.000 cái bơm tiêm dùng một lần có mã HS **9018**.31.10 (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 1.000.000.000 đồng và 100 chiếc đèn mổ treo trần có mã HS **9405**.10.20 (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 2.000.000.000 đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 2 máy thở có mã HS **9018**.90.30, trong đó đã bàn giao 1 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 900.000.000 đồng (> 50% giá trị hạng mục bơm tiêm dùng một lần) và có hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 200 chiếc đèn phẫu thuật có mã HS **9405**.40.91, trong đó đã bàn giao 80 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 1.450.000.000 đồng (> 50% giá trị hạng mục đèn mổ treo trần) thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về hợp đồng tương tự của gói thầu này.- Ví dụ 2: Phạm vi cung cấp gói thầu là mua xe Ben tự đổ kèm theo 20 cái lốp xe dự phòng; giá gói thầu được phê duyệt là 1,8 tỷ đồng (trong đó giá trị của xe Ben là 1,64 tỷ đồng và 20 lốp dự phòng có giá trị 0,16 tỷ đồng). Như vậy, trong trường hợp này thì hàng hóa chính của gói thầu là xe Ben tự đổ và quy mô của hợp đồng tương tự được xác định bằng 50% x 1,64 tỷ đồng.

- Ví dụ 3: Phạm vi cung cấp của gói thầu đang xét gồm 50 máy điều hòa (mã HS 8415; giá dự toán 2 tỷ đồng); 20 máy tính xách tay (mã HS 8507; giá dự toán 400 triệu đồng); 20 máy in Laser (mã HS 8443; giá dự toán 100 triệu đồng), giao hàng trong thời gian 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nhà thầu tham dự thầu là nhà thầu Liên danh A – B trong đó thành viên A là nhà sản xuất máy điều hòa đảm nhận phần công việc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

cung cấp máy điều hòa (80% giá trị công việc gói thầu), thành viên B là nhà thương mại đảm nhận phần công việc cung cấp máy tính xách tay và máy in của gói thầu (20% giá trị công việc gói thầu). Trong trường hợp này, nhà thầu Liên danh A – B được coi là đáp ứng yêu cầu về năng lực sản xuất và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng nếu:

+ Thành viên A cung cấp được tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền thiết bị sản xuất máy điều hòa đạt tối thiểu 12,5 máy điều hòa/tháng (1,5 x 50 máy x 30 /180 ngày) hoặc sản lượng sản xuất máy điều hòa của 01 tháng cao nhất trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng hoặc lớn hơn 12,5 máy/tháng;

+ Thành viên B đã thực hiện cung cấp các mã hàng hóa 8507, 8443 trong cùng 01 hợp đồng hoặc ở 02 hợp đồng khác nhau nhưng bảo đảm giá trị mã hàng hóa 8507 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy tính xách tay (tức là ≥50% x 400 triệu đồng), giá trị mã hàng hóa 8443 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy in laser (tức là ≥ 50% x 100 triệu đồng).

- Ví dụ 4: Phạm vi cung cấp gói thầu mua sắm hàng hóa Q như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Hàng hóa B	9030	8.000.000.000
3	Hàng hóa C	9030	12.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà thầu A tham dự gói thầu mua sắm hàng hóa Q nêu trên được coi là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự nếu:

+ Cung cấp 01 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030 và tổng giá trị của mã hàng hóa 9025, 9030 trong hợp đồng đã hoàn thành với giá trị tối thiểu là 11 tỷ đồng (50% x (10 tỷ đồng + 12 tỷ đồng)) hoặc

+ Cung cấp 01 hợp đồng trong đó đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị tối thiểu 5 tỷ đồng (50% x 10 tỷ đồng) và 01 hợp đồng đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9030 với giá trị tối thiểu 6 tỷ đồng [50% x 12 tỷ đồng)].".

Trường hợp nhà thầu A cung cấp 02 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030, trong đó hợp đồng số 01: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 5 tỷ đồng và hợp đồng số 02: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 4 tỷ đồng thì được coi là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự.

- Ví dụ 5: Gói thầu mua sắm hàng hóa chia thành nhiều phần (ví dụ chia thành 03 phần) như sau:

STT	Tên phần (lô)	Phạm vi cung cấp	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Lô số 01	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Lô số 02	Hàng hóa B	9025	20.000.000.000

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

3	Lô số 03	Hàng hóa C	9025	30.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà thầu tham dự thầu đối với cả 03 phần của gói thầu mua sắm hàng hóa nêu trên có 01 hợp đồng cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị đã thực hiện là Z được đánh giá như sau:

+ Trường hợp 1: nếu Z < 5.000.000.000 VND thì được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với cả 03 phần (Lô số 01, 02, 03) nhà thầu tham dự thầu.

+ Trường hợp 2: nếu 5.000.000.000 ≤ Z < 10.000.000.000 VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với Lô số 01.

+ Trường hợp 3: nếu 10.000.000.000 ≤ Z < 15.000.000.000 VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với Lô số 01 và Lô số 02.

+ Trường hợp 4: nếu Z ≥ 15.000.000.000 VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với cả 03 phần (Lô số 01, 02, 03) nhà thầu tham dự thầu.".

(12) Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, tương ứng với yêu cầu về hạng mục chính hoặc tất cả hàng hóa của gói thầu đối với nhà thầu là nhà thương mại.

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng: k x (Số lượng yêu cầu của gói thầu x 30/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)). Thông thường k = 1,5.

Ví dụ: Số lượng hàng hóa cần mua là 12.000 hộp sữa, thời gian thực hiện gói thầu là 20 ngày, hệ số k = 1,5 thì công suất thiết kế tối thiểu trong 01 tháng/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 tháng của nhà thầu là: 1,5 x (12.000 x 30/20) = 27.000 hộp sữa

Nhà thầu có thể sử dụng các tài liệu như hóa đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho… để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 tháng; sử dụng tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất để chứng minh năng lực sản xuất.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Bảng X

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KHẢ NĂNG THỰC HIỆN GÓI THẦU

(Áp dụng đối với gói thầu cung cấp hàng hóa chia thành nhiều phần)

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Mã hàng hóa (HS)	Lĩnh vực, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự ** (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (***)

Đối với các nội dung lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính áp dụng theo quy định tại Bảng số 01 Chương này.

Ghi chú:

(*) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về doanh thu căn cứ trên tổng giá trị doanh thu bình quân yêu cầu đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ cần đáp ứng yêu cầu doanh thu của phần đó.

(**) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về hợp đồng tương tự tương ứng với từng phần mà nhà thầu tham dự, nhà thầu không phải đáp ứng tổng quy mô hợp đồng tương tự đối với các phần mà nhà thầu tham dự.

(***) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về năng lực sản xuất hàng hóa căn cứ trên tổng năng lực sản xuất hàng hóa yêu cầu đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ cần đáp ứng yêu cầu năng lực sản xuất hàng hóa của phần đó.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Bảng Y

BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ, NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA

(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều loại hàng hóa)

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS(1)	Chủng loại, lĩnh vực(2)	Giá trị được coi là tương tự (VND)(3)	Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu(4)

Ghi chú:

(1), (2) Nội dung tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc tại ghi chú số (10) Bảng số 01 Chương này.

(3) Giá trị tại cột này được chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (11) Bảng số 01 Chương này.

(4) Giá trị tại cột này được chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (13) Bảng số 01 Chương này.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: Không áp dụng

Không được yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt đối với phần công việc cung cấp hàng hóa. Đối với hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường, không đòi hỏi nhân sự thực hiện dịch vụ liên quan (như: lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ…) phải có trình độ cao thì không yêu cầu về nhân sự chủ chốt. Chỉ được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các dịch vụ liên quan có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có hiểu biết, nhiều kinh nghiệm đảm nhận.

Trường hợp E-HSMT yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B, 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận và bị xử lý theo quy định tại Điều 9 Quy định LCNT.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (1)

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn(2)
1			*tối thiểu__năm hoặc tối thiểu___hợp đồng*	
2			*tối thiểu__năm hoặc tối thiểu___hợp đồng*	
…				

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp dịch vụ liên quan có yêu cầu phải có chứng chỉ chuyên môn.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt. Chi tiết nội dung đánh giá:

Nội dung đánh giá		**Tiêu chí đánh giá**
1. Phạm vi cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan	Đúng, đủ danh mục hàng hóa/ dịch vụ liên quan theo quy định tại **Mẫu số 01A Chương IV, Mẫu số 01D Chương IV**	Đạt
	Không đúng, không đủ danh mục hàng hóa/ dịch vụ liên quan theo quy định tại **Mẫu số 01A Chương IV, Mẫu số 01D Chương IV**	Không đạt
2. Tiến độ cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan	Đáp ứng tiến độ theo quy định tại **Mẫu số 01A Chương IV, Mẫu số 01D Chương IV**	Đạt
	Không đáp ứng tiến độ theo quy định tại **Mẫu số 01A Chương IV, Mẫu số 01D Chương IV**	Không đạt
3. Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa	Toàn bộ hàng hóa dự thầu được đánh giá là đạt theo yêu cầu tại **Chương III**	Đạt
	Có bất kỳ hàng hóa dự thầu nào được đánh giá là không đạt theo yêu cầu tại **Chương III**	Không đạt
4. Đáp ứng các yêu cầu khác		
4.1. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa	Nhà thầu tuyên bố đáp ứng tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa theo yêu cầu tại **Chương III**	Đạt
	Nhà thầu tuyên bố không đáp ứng tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa theo yêu cầu tại **Chương III**	Không đạt
4.2. Điều kiện thanh toán	Có điều kiện thanh toán đáp ứng quy định tại E-HSMT	Đạt
	Có điều kiện thanh toán không đáp ứng quy định tại E-HSMT	Không đạt
4.3. Kiểm tra và nghiệm thu	Nhà thầu tuyên bố đáp ứng phương pháp kiểm tra và nghiệm thu theo yêu cầu tại **Chương III**	Đạt
	Nhà thầu tuyên bố không đáp ứng phương pháp kiểm tra và nghiệm thu theo yêu cầu tại **Chương III**	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Bước 3: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: **Không áp dụng**

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có): Không áp dụng

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

CHƯƠNG III. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về Dự án, gói thầu

Thông tin Dự án:

- Tên Dự án: 09/VMC/2025-DA Dự án dây chuyền Đúc mẫu chảy chân không vật liệu Inconel;

- Tổng mức đầu tư (đã bao gồm các loại thuế phí): 519.404.946.684 VNĐ;

- Tên chủ đầu tư: Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel;

- Nguồn vốn: 35% vốn vay và 65% vốn góp của chủ sở hữu;

- Tiến độ thực hiện Dự án: Từ Quý 4 năm 2025 đến Quý 4 năm 2028;

- Địa điểm đầu tư: Khu Công nghiệp Bắc Phú Cát, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội;

Thông tin gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu 03-09/VMC/2026 Mua sắm thiết bị gia công sau đúc thuộc dự án 09/VMC/2025-DA Dự án dây chuyền Đúc mẫu chảy chân không vật liệu Inconel.

- Giá gói thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí): **8.735.372.580 VNĐ** Bằng chữ: Tám tỷ bảy trăm ba mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm tám mươi đồng ./.

- Nguồn vốn: 35% vốn vay và 65% vốn góp của chủ sở hữu.

- Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, qua mạng, Một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 90 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 558 ngày.

- Tùy chọn mua thêm: Không có.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Đánh giá về kỹ thuật chi tiết: áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí"Đạt"/ "Không đạt". Hàng hóa dự thầu được đánh giá là "Đạt" về mặt kỹ thuật khi đạt đồng thời:

+ 100% các Chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết cơ bản (CTCB) được đánh giá là "Đạt"

+ 100% các Chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết không cơ bản (KCB) được đánh giá là "Đạt" hoặc "Chấp nhận được".

Trong đó:

* Chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết cơ bản: là các chỉ tiêu chính, cơ bản và quan trọng bắt buộc phải đáp ứng. Có 02 mức đánh giá: Đạt, Không Đạt.

*Chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết không cơ bản: là các chỉ tiêu không thực sự quan trọng. Có 03 mức đánh giá: Đạt, Chấp nhận được, Không Đạt.

Yêu cầu kỹ thuật chi tiết như sau:

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật/Mô tả	Chỉ tiêu cơ bản (CTCB)/Không cơ bản (KCB)	Tiêu chuẩn đánh giá
1	Máy sốc	Theo CTKT đính kèm E-HSMT	CTCB	Đạt: Đáp ứng toàn bộ CTCB thuộc CTKT đính kèm đính kèm E-HSMT. Không đạt: Không đáp ứng CTCB thuộc CTKT đính kèm E-HSMT
2	Máy phun bi	Theo CTKT đính kèm E-HSMT	CTCB	Đạt: Đáp ứng toàn bộ CTCB thuộc CTKT đính kèm đính kèm E-HSMT. Không đạt: Không đáp ứng CTCB thuộc CTKT đính kèm E-HSMT
3	Máy cưa vòng bán tự động	Theo CTKT đính kèm E-HSMT	CTCB	Đạt: Đáp ứng toàn bộ CTCB thuộc CTKT đính kèm đính kèm E-HSMT. Không đạt: Không đáp ứng CTCB thuộc CTKT đính kèm E-HSMT

*** Bảo hành:**

+ Thời gian bảo hành: 24 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư ký Chứng nhận nghiệm thu kỹ thuật (TAC).

+ Địa điểm bảo hành: Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel (Hà Nội, Việt Nam).

1.3. Các yêu cầu khác

Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa

- [Đối với hàng hóa nhập khẩu] Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu hoặc nước thứ ba phát hành: 01 bản gốc và 01 bản sao chứng thực; hoặc 02 bản sao chứng thực. Đối với C/O được cấp dưới dạng điện tử, C/O cần phải xác minh được thông tin trên trang web của cơ quan có thẩm quyền cấp C/O: 02 bản sao;

- [Đối với hàng hóa sản xuất trong nước] Giấy chứng nhận xuất xưởng do nhà sản xuất phát hành: 01 bản gốc và 01 bản sao chứng thực; hoặc 02 bản sao chứng thực;

- Phiếu đóng gói chi tiết (Packing list) do nhà sản xuất hoặc nhà thầu phát hành: 01 bản gốc;

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) do nhà sản xuất hoặc đại diện của nhà sản xuất cấp: 01 bản gốc và 01 bản sao chứng thực; hoặc 02 bản sao chứng thực;

Yêu cầu về điều kiện thanh toán

Tạm ứng: Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu 30% giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đồng thời Chủ đầu tư nhận được hồ sơ theo quy định tại Hợp đồng.

Thanh toán: Thanh toán theo hình thức chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam vào tài khoản chính thức của Nhà thầu, cụ thể như sau:

Đợt 1: Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán 70% giá trị Hợp đồng trừ đi giá trị tạm ứng 30% giá Hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được Công văn đề nghị thanh toán đợt 1 của Nhà thầu với điều kiện hai bên ký Biên bản bàn giao hàng hóa tổng thể.

Đợt 2: Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng trong vòng 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được Công văn đề nghị thanh toán đợt 2 của Nhà thầu với điều kiện hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng đồng thời Nhà thầu bàn giao đầy đủ chứng từ, tài liệu theo quy định tại Hợp đồng

Mục 2. Bản vẽ, chỉ tiêu kỹ thuật

E-HSMT này gồm có 03 chỉ tiêu kỹ thuật đính kèm E-HSMT.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Nội dung	Phương pháp đánh giá tại giai đoạn đấu thầu	Phương pháp đánh giá tại giai đoạn kiểm tra, nghiệm thu
Kiểm tra và thử nghiệm thiết bị	Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu	Phương pháp đánh giá tuân thủ theo Chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị đính kèm E-HSMT

MẪU BẢNG TUYÊN BỐ ĐÁP ỨNG CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

Stt	Yêu cầu của Bên mời thầu		Nhà thầu chào					Ghi chú
	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Mã nhà sản xuất	Nhà sản xuất	Thông số kỹ thuật	Tuyên bố đáp ứng	Tham chiếu	
I	**Thông tin chung**			**Ghi rõ thông tin chung gói thầu**				
	- Tên gói thầu: Gói thầu 03-09/VMC/2026 Mua sắm thiết bị gia công sau đúc - Thời gian thực hiện gói thầu: 558 ngày			- Tên gói thầu: Gói thầu 03-09/VMC/2026 Mua sắm thiết bị gia công sau đúc - Thời gian thực hiện gói		Ghi rõ Đáp ứng hoặc Không đáp ứng		

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	- Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghệ cao Hòa Lạc– TP Hà Nội			thầu: 558 ngày - Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghệ cao Hòa Lạc– TP Hà Nội			
II	**Yêu cầu kỹ thuật**						
1	….	….			Ghi rõ Đáp ứng hoặc Không đáp ứng	Ghi rõ trong tài liệu nào, trang, dòng bao nhiêu.	
2	….	….			Ghi rõ Đáp ứng hoặc Không đáp ứng	Ghi rõ trong tài liệu nào, trang, dòng bao nhiêu.	
	….	….					
III	**Các yêu cầu khác**		**Nhà thầu tuyên bố đáp ứng/ không đáp ứng**				
…	Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa	….					
	Yêu cầu về điều kiện thanh toán						
IV	**Bản vẽ/ Chỉ tiêu kỹ thuật**		**Nhà thầu tuyên bố đáp ứng/ không đáp ứng**				
V	**Kiểm tra, nghiệm thu**		**Nhà thầu tuyên bố đáp ứng/ không đáp ứng**				
					Đại diện hợp pháp của nhà thầu		
					[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]		

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

viettel manufacturing	**TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT THIẾT BỊ VIETTEL**	Mã hiệu: CTKT.VMC.KTCN.67
	CHỈ TIÊU KỸ THUẬT MÁY CỬA VÒNG BÁN TỰ ĐỘNG	Ngày hiệu lực: 11 /03/2026 Lần ban hành: 03 Trang: 1/23

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI

STT	*Trang*	*Nội dung sửa đổi*	*Ngày có hiệu lực*
		Ban hành lần ba	11/03/2026

	Nhóm biên soạn	**Kiểm tra**	**Thẩm định**	**Phê duyệt**
Chữ ký	Phan Đình Mạnh Nguyễn Văn Hữu	Nguyễn Xuân Hưng	Nguyễn Văn Ty	Thượng tá Phạm Đồng Khởi

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:24 12/03/2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

I. Mục đích

Xây dựng bộ chỉ tiêu kỹ thuật làm cơ sở thực hiện việc mua sắm, đầu tư, nghiệm thu thiết bị tại Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel (VMC) đáp ứng nhu cầu sản xuất cơ khí.

II. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Bộ chỉ tiêu kỹ thuật máy cưa vòng bán tự động cho Dự án dây chuyền đúc mẫu chảy chân không vật liệu Inconel tại VMC.

III. Tài liệu liên quan

- Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chỉ tiêu kỹ thuật cho sản phẩm, hàng hóa (QT.VMC.KTCN.4.4.5).

IV. Định nghĩa và từ viết tắt

- CTKT: Chỉ tiêu kỹ thuật
- NSX: Nhà sản xuất
- CB: Chỉ tiêu cơ bản
- KCB: Chỉ tiêu không cơ bản
- VMC: Viettel Manufacturing Corporation - Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel;
- VAC: Volts Alternating Current – Điện áp xoay chiều.
- CO: Certificate of Original – Chứng nhận xuất xứ.
- CQ: Certificate of Quality – Chứng nhận chất lượng.
- Các quốc gia thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế OECD:
  + Châu Mỹ: Hoa Kỳ, Canada, Mexico, Chile, Colombia, Costa Rica.
  + Châu Âu: Áo, Bỉ, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hungary, Iceland, Italia, Latvia, Luxembourg, Hà Lan, Na Uy, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Vương quốc Anh.
  + Châu Á và Châu Đại Dương: Israel, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, New Zealand.

396327_Doan Thi Hong Ngoc - 24/12/03/2026 12:56:54
396327_Doan Thi Hong Ngoc 12:...
Tổng Giám đốc Nguyễn Thanh Nghị ký ngày 12/03/2026 12:56:54

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

V. Nội dung chỉ tiêu kỹ thuật

1. Chỉ tiêu kỹ thuật

1.1. Bảng chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị.

A. Hàng hóa

TT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)
I	**Mô tả tính năng chung**							
1	Máy cưa vòng bán tự động là thiết bị cắt hợp kim cứng của Niken với các thao tác như kẹp phôi, hạ lưỡi và cắt được thực hiện tự động. Máy có kết cấu chắc chắn, sử dụng lưỡi cưa vòng và được trang bị hệ thống làm mát để tăng độ bền và độ chính xác khi cắt.							
II	**Các chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết**							
1	**Cơ cấu cắt và truyền động**							
1.1	Cơ cấu giữ và định hướng lưỡi cưa	Số lượng: ≥ 01 bộ	CB	- **Đạt**: Số lượng: ≥ 01 bộ; - **Không Đạt**: Số lượng: < 01 bộ;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Thực tế sản phẩm		**x**
1.2	Động cơ lưỡi cưa	Số lượng: ≥ 01 bộ	CB	- **Đạt**: Số lượng: ≥ 01 bộ; - **Không Đạt**: Số lượng: < 01 bộ;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Thực tế sản phẩm		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
1.3	Công suất động cơ lưỡi cưa	≥ 10 HP (7,5 kW)	CB	- **Đạt**: Công suất động cơ lưỡi cưa ≥ 10 HP; - **Không Đạt**: Công suất động cơ lưỡi cưa < 10 HP;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	- Kiểm tra thông tin trên động cơ.		**x**
1.4	Cơ cấu nâng hạ lưỡi cưa	Số lượng: ≥ 01 bộ	CB	- **Đạt**: Số lượng: ≥ 01 bộ; - **Không Đạt**: Số lượng: < 01 bộ;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Thực tế sản phẩm		**x**
1.5	Cơ cấu truyền động nâng hạ lưỡi cưa bằng thủy lực	Đáp ứng	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
1.6	Lưỡi cưa	Số lượng: ≥ 01 bộ	CB	- **Đạt**: Số lượng: ≥ 01 bộ; - **Không Đạt**: Số lượng: < 01 bộ;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Thực tế sản phẩm		**x**

Doan Thi Hong Ngoc 12:24 12/03/2026
396327_Doan Thi Hong Ngoc 12:24 12/03/2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
1.7	Vật liệu lưỡi cưa	M42 bi-metal hoặc tốt hơn về khả năng cắt hợp kim Inconel	CB	- **Đạt**: M42 bi-metal hoặc tốt hơn về khả năng cắt hợp kim inconel; - **Không Đạt**: Vật liệu loại khác;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	- Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị. - Kiểm tra giấy chứng nhận/ phiếu xác nhận do nhà sản xuất cung cấp.		**x**
1.8	Bề rộng lưỡi cưa	Trong dải 53 mm đến 560mm	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
1.9	Bề dày lưỡi cưa	Trong dải 1,6 mm đến 6mm	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
1.10	Chiều dài lưỡi cưa	Trong dải 5800 mm đến 12000mm	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị	**x**	

Doan Thi Hong Ngoc 12:24 12/03/2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
2	**Cơ cấu kẹp và cấp phôi**							
2.1	Hệ thống thủy lực	Số lượng: ≥ 01 bộ	CB	- **Đạt**: Số lượng: ≥ 01 bộ; - **Không Đạt**: Số lượng: < 01 bộ;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Thực tế sản phẩm		**x**
2.2	Công suất động cơ hệ thống thủy lực	≥ 3 HP	CB	- **Đạt**: ≥ 3 HP; - **Không Đạt**: < 3 HP;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	- Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất. - Kiểm tra thông tin trên động cơ.		**x**
2.3	Ê tô kẹp phôi	Số lượng: ≥ 01 bộ	CB	- **Đạt**: Số lượng: ≥ 01 bộ; - **Không Đạt**: Số lượng: < 01 bộ;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Thực tế sản phẩm		**x**

396327_Doan Thi Hong Ngoc 12:24 12/03/2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
2.4	Cơ cấu kẹp của ê tô kẹp phôi	Thủy lực	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
2.5	Lực kẹp tối đa của Ê tô	≥ 30 Kg/cm2	CB	- **Đạt**: ≥ 30 Kg/cm2; - **Không Đạt**: < 30 Kg/cm2;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra test report của nhà sản xuất/ bên thứ 3 có chức năng đo kiểm.		**x**
2.6	Bộ căng lưỡi cưa tự động	Số lượng: ≥ 01 bộ	CB	- **Đạt**: Số lượng: ≥ 01 bộ; - **Không Đạt**: Số lượng: < 01 bộ;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Thực tế sản phẩm		**x**
2.7	Cơ cấu điều khiển độ căng lưỡi	Thủy lực	CB	- **Đạt**: Thủy lực hoặc cơ cấu điều khiển tự động có độ ổn định và độ chính xác duy trì lực căng tương đương hoặc cao hơn;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
				- **Không Đạt**: Cơ chế khác;				
3	**Cơ cấu làm mát và làm sạch**							
3.1	Phương pháp làm mát	Làm mát tuần hoàn bằng dung dịch cắt, phun trực tiếp vào vùng cắt giữa lưỡi cưa và phôi	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra thực tế quá trình làm mát khi vận hành		**x**
3.2	Bơm nước làm mát	Số lượng: ≥ 01 chiếc	CB	- **Đạt**: Số lượng: ≥ 01 chiếc; - **Không Đạt**: Số lượng: < 01 chiếc;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm đếm số lượng thực tế		**x**
3.3	Công suất bơm nước làm mát	Đảm bảo cung cấp dung dịch làm mát liên tục và ổn định tới vùng cắt trong suốt quá trình cắt.	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet	- Kiểm tra thông tin trên động cơ. - Kiểm tra thực tế quá trình cắt thử tại các bài kiểm tra		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
					có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.			
3.4	Dung tích thùng chứa dung dịch làm mát	≥ 48 lít	CB	- **Đạt**: ≥ 48 lít - **Không Đạt**: < 48 lít	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra thể tích dung dịch làm mát để đổ đầy thùng chứa		**x**
3.5	Chổi làm sạch	Số lượng: ≥ 01 bộ	CB	- **Đạt**: Số lượng: ≥ 01 bộ; - **Không Đạt**: Số lượng: < 01 bộ;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm đếm số lượng thực tế		**x**
3.6	Loại chổi làm sạch	Chổi sợi thép hoặc tương đương	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	- Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị.		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
4	**Tủ điện và điều khiển**							
4.1	Tủ điện và bảng điều khiển	Số lượng: ≥ 01 bộ	CB	- **Đạt**: ≥ 01 bộ; - **Không Đạt**: < 01 bộ;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm đếm số lượng thực tế		**x**
4.2	Hiển thị thông số tốc độ vòng quay lưỡi cưa	Đáp ứng	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
4.3	Có nút dừng khẩn cấp và khi nhấn nút thì thiết bị dừng lại ngay	Đáp ứng	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	- Kiểm tra trực quan nút dừng khẩn cấp; - Thực hiện thao tác nhấn nút dừng khẩn cấp khi thiết bị vận hành để xác nhận thiết bị dừng ngay.		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
4.4	Ngôn ngữ vận hành	Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt	CB	- **Đạt**: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật; - **Không Đạt**: Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
4.5	Đèn làm việc	Số lượng: ≥ 01 chiếc	CB	- **Đạt**: ≥ 01 chiếc; - **Không Đạt**: < 01 chiếc;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm đếm số lượng thực tế		**x**
III	**Các chỉ tiêu máy cưa vòng bán tự động sau lắp đặt**							
1	Thiết bị hoạt động bình thường với điện áp nguồn 3 pha cấp đầu vào trong đoạn 400 VAC ± 10% hoặc 1 pha 230 VAC ± 10%, tần số danh định 50 Hz	Đáp ứng	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	- Kiểm tra điện áp nguồn sử dụng theo tài liệu do Nhà sản xuất cung cấp, đảm bảo đáp ứng yêu cầu. - Cấp điện áp nguồn phù hợp với thiết bị: – Nếu thiết bị 3 pha, cấp điện áp 3 pha 400 VAC ±10% (pha – pha), tần số danh định 50 Hz.		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
						– Nếu thiết bị 1 pha, cấp điện áp 230 VAC ±10% (pha – trung tính), tần số danh định 50 Hz. Kiểm tra khả năng vận hành của thiết bị		
2	Loại bàn cưa vòng	Cưa vòng bàn ngang	CB	- **Đạt**: Loại cưa vòng bàn ngang; - **Không Đạt**: Loại cưa vòng khác;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
3	Máy có thể vận hành được ở chế độ điều khiển bằng nút nhấn (manual) và chế độ bán tự động (semi-automatic).	Đáp ứng	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
4	Vật liệu có thể cắt	Tối thiểu cắt được Hợp kim Niken	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	- Kiểm tra trực tiếp khi cắt mẫu thử có đường kính ≥ 130 mm bằng vật liệu Inconel 718 hoặc Inconel 713 LC		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
5	Khả năng điều chỉnh tốc độ lưỡi cắt	Bao dải 20 đến 65 m/phút	CB	- **Đạt**: Bao dải 20 đến 65 m/phút; - **Không Đạt**: Không bao dải 20 đến 65 m/phút;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra trực tiếp khả năng điều chỉnh tốc độ lưỡi cắt khi vận hành thiết bị		**x**
6	Tốc độ cắt tối đa khi cắt hợp kim niken	≥ 30 cm²/min.	CB	- **Đạt**: ≥ 30 cm²/min; - **Không Đạt**: < 30 cm²/min;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra trực tiếp khi cắt mẫu thử có đường kính ≥ 130 mm bằng vật liệu Inconel 718 hoặc Inconel 713 LC. Ghi lại thông số thời gian, diện tích cắt và tính toán		**x**
7	Đường kính phôi tròn tối đa có thể cắt	≥ 560 mm	CB	- **Đạt**: ≥ 560 mm; - **Không Đạt**: < 560 mm;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	- Kiểm tra khoảng kẹp bằng thước dây/mét - Kiểm tra trực tiếp khi kẹp và cắt mẫu bằng thép có đường kính ≥ 560 mm		**x**
8	Kích thước chiều rộng phôi vuông có thể cắt	≥ 560 mm	CB	- **Đạt**: ≥ 560 mm - **Không Đạt**: < 560 mm	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet	- Kiểm tra khoảng kẹp bằng thước dây/mét		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
					có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.			
9	Tải trọng sản phẩm tối đa	≥1000 kg	CB	- **Đạt**: ≥ 1000 kg; - **Không Đạt**: < 1000 kg;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra test report của nhà sản xuất/ bên thứ 3 có chức năng đo kiểm hoặc kiểm tra trực tiếp khi đặt tải ≥ 1000 kg lên thiết bị và vận hành, đảm bảo thiết bị hoạt động bình thường		**x**
10	Có chức năng dừng tự động khi lưỡi cưa bị gãy, cánh báo hoặc tự động dừng khi lưỡi cưa bị kẹt.	Đáp ứng	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra test report của nhà sản xuất/ bên thứ 3 có chức năng đo kiểm.		**x**
11	Có đầy đủ bộ dụng cụ bảo trì đi kèm thiết bị, bao gồm các dụng cụ chuyên dùng và thông dụng cần thiết cho việc tháo lắp, vệ sinh, kiểm tra và	Đáp ứng	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet	- Kiểm đếm số lượng theo hồ sơ của nhà thầu - Kiểm tra trong quá trình hướng dẫn, bảo trì bảo dưỡng		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
	thay thế các chi tiết trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng định kỳ				có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.			
12	Vận hành thực tế: Thiết bị hoạt động ổn định, đúng trình tự, không có lỗi, an toàn và đáp ứng các thông số theo tài liệu kỹ thuật của Nhà sản xuất	Đáp ứng	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất.	Kiểm tra quá trình vận hành thực tế thiết bị khi kiểm tra các bài đo.		**x**
IV	**Các chỉ tiêu khác**							
1	Năm sản xuất	≥ 2026	CB	- **Đạt:** Năm sản xuất ≥ 2026; - **Không Đạt:** Năm sản xuất < 2026;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu	- Kiểm tra thông tin trên tem thiết bị. - Kiểm tra theo cam kết của Nhà thầu.	**x**	
2	Tình trạng	Mới 100%	CB	- **Đạt:** Tình trạng mới 100%; - **Không Đạt:** Đã qua sử dụng;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu.	Cam kết tính trạng do nhà thầu cung cấp	**x**	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
3	Bảo hành (tính từ ngày chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu kỹ thuật TAC)	≥ 24 tháng	CB	- **Đạt:** ≥ 24 tháng; - **Không Đạt:** < 24 tháng;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu	Kiểm tra cam kết bảo hành do nhà thầu cung cấp	**x**	**x**
4	Nhà sản xuất đã cung cấp Model máy tham gia đấu thầu hoặc model có kích thước lớn hơn cho ít nhất 1 thị trường tại các quốc gia trong tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD)	Đáp ứng	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu	Kiểm tra hồ sơ chứng minh do Nhà thầu cung cấp; tài liệu phải hợp lệ, thể hiện tối thiểu tên hoặc mã khách hàng, quốc gia và năm giao hàng; được phép che thông tin bảo mật nhưng phải có xác nhận của Nhà sản xuất.	**x**	

396327_Doan Thi Hong Ngoc 12:24 12/03/2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

B. Dịch vụ liên quan

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
1	Nhà thầu cung cấp biện pháp thi công, bản vẽ layout lắp đặt và được chủ đầu tư chấp thuận trước khi thi công hệ thống	Đáp ứng	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu	Kiểm tra Hồ sơ biện pháp thi công, bản vẽ layout lắp đặt được chủ đầu tư chấp thuận.	**x**	
2	Hướng dẫn tối thiểu 03 nhân sự vận hành thành thạo các chức năng máy, 02 nhân sự bảo dưỡng tại địa điểm bên Chủ đầu tư, có biên bản nghiệm thu kết quả hướng dẫn vận hành	Đáp ứng	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu	- Đánh giá, kiểm tra nhân sự được hướng dẫn; - Kiểm tra biên bản nghiệm thu kết quả sau hướng dẫn vận hành		**x**
3	- Nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục hải quan hoặc giấy tờ liên quan tới việc cung cấp thiết bị và lắp đặt tại vị trí trong nhà xưởng do Chủ đầu tư chỉ định; - Nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế,	Đáp ứng	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu	- Kiểm tra hiện trạng thiết bị tại điểm giao hàng; - Đối chiếu danh mục kiện hàng; lập biên bản giao nhận.	**x**	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
	phí theo quy định của pháp luật Việt Nam và thống nhất trong hợp đồng giữa 2 bên. - Trong quá trình vận chuyển đảm bảo thiết bị không hư hỏng, biến dạng, rỉ sét hoặc mất mát.							
4	Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt toàn bộ thiết bị theo đúng sơ đồ bố trí được Chủ đầu tư phê duyệt, đảm bảo khả năng vận hành của thiết bị. - Nhà thầu cung cấp phương án, biện pháp thi công. - Phương tiện, dụng cụ, thiết bị nâng hạ và lắp đặt phải phù hợp tải trọng và đặc tính thiết bị, đảm bảo an toàn. - Quá trình lắp đặt phải được kiểm tra, căn chỉnh, đấu nối, vệ sinh và hoàn thiện trước	Đáp ứng	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu	- Kiểm tra trực tiếp tại hiện trường; - Lập biên bản nghiệm thu lắp đặt, an toàn và sẵn sàng chạy thử.		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
	khi chuyển sang giai đoạn chạy thử không tải.							
5	- Nhà thầu chịu trách nhiệm trọn gói, bằng chi phí và nguồn lực của mình, tổ chức và thực hiện đầy đủ các hoạt động vận chuyển, lắp đặt, kiểm tra, căn chỉnh, đấu nối, hoàn thiện, chạy thử, hướng dẫn và nghiệm thu thiết bị tại nhà xưởng của Chủ đầu tư. Nhà thầu tự đảm bảo toàn bộ vật tư, nguyên liệu, công cụ, thiết bị đo kiểm và các nguồn lực cần thiết, ngoại trừ các hạng mục hạ tầng điện, nước sạch, khí nén do Chủ đầu tư đảm bảo tại mục 1.2.	Đáp ứng	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu.	Giám sát quá trình thực hiện các bài kiểm tra nghiệm thu		**x**
6	- Nhà thầu cung cấp bộ Tài liệu hướng dẫn sử dụng, sơ đồ hệ thống điện, bảo dưỡng	Đáp ứng	CB	- **Đạt**: Đáp ứng; - **Không Đạt**: Không đáp ứng;	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu	Chủ đầu tư cung cấp biểu mẫu, Nhà thầu xây dựng bộ hồ sơ đáp ứng các yêu cầu		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
	bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt của nhà sản xuất máy; - Nhà thầu xây dựng, cung cấp bộ tài liệu hướng dẫn vận hành, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị theo biểu mẫu của Chủ đầu tư cung cấp.					sau: - Nội dung và độ chính xác: Phải đầy đủ thông tin, bao quát tất cả các khía cạnh được yêu cầu như: giới thiệu thiết bị, lắp đặt, vận hành, bảo trì, khắc phục sự cố... Các nội dung phải khớp với thiết bị thực tế và được cập nhật mới nhất. - Cấu trúc và tổ chức: Bộ tài liệu phải có tính logic và dễ theo dõi, tra cứu. Sử dụng cấu trúc phân cấp thứ tự theo quy trình sử dụng. Các nội dung có tính nhất quán: thuật ngữ thống nhất,		

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

396327_Doan Thi Hong Ngoc_12:24 12/03/2026

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
						định dạng đồng đều... - Ngôn ngữ và trình bày: + Bộ tài liệu từ NSX máy phải sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Bộ tài liệu theo biểu mẫu của chủ đầu tư phải sử dụng ngôn ngữ Tiếng Việt. + Sử dụng từ ngữ phổ thông, có chú thích các nội dung viết tắt hoặc thuật ngữ chuyên ngành. Yêu cầu có hình ảnh minh họa đối với các bước thực hiện với các mô tả rõ ràng. - Bộ tài liệu theo biểu mẫu của chủ đầu tư		

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

396327_Doan Thi Hong Ngoc_12:24 12/03/2026

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
						phải tuân thủ theo biểu mẫu yêu cầu.		

Đánh giá:

- Thiết bị được coi là **Đạt** chỉ tiêu kỹ thuật khi tất cả các chỉ tiêu cơ bản (CB) là **Đạt.**
- Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu kiểm tra lại các chỉ tiêu đã được đánh giá ở các giai đoạn trước khi nghiệm thu cuối cùng.
- Catalog/Datasheet/tài liệu kỹ thuật khác của thiết bị khi cung cấp cho Chủ đầu tư phải trùng khớp với nội dung công bố trên Website của Nhà sản xuất (Nhà thầu cung cấp đường link Website để Chủ đầu tư kiểm tra)/ hoặc được nhà sản xuất cam kết, xác nhận tính chính xác.

1.2. Điều kiện Chủ đầu tư đảm bảo

+ Nguồn điện: 3 pha xoay chiều, 400 V ± 10%, tần số danh định 50 Hz và nguồn điện 1 pha xoay chiều, 230 V ± 10%, tần số danh định 50 Hz ;

+ Nguồn khí nén áp suất danh định 6 – 8 barg;

+ Nguồn nước sạch công nghiệp đạt QCVN 01-1:2024/BYT;

+ Một số thiết bị kiểm tra cơ bản như: Thước mét, thước cặp, đồng hồ đo thời gian, đồng hồ vạn năng, đồng hồ đo điện trở cách điện.

+ Hạ tầng cơ khí cơ bản: nền, sàn, móng máy, kết cấu chịu tải, không gian thao tác, chiếu sáng và hệ thống thoát nước.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

2. Bài đo chi tiết

2.1. Danh mục công cụ, dụng cụ, vật tư sử dụng

Bảng 1: Danh mục công cụ dụng cụ kiểm tra trong bài đo

STT	Công cụ, dụng cụ	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị đảm bảo
1	Thước mét	- Khoảng đo: Bao dải 0 đến 4.000mm - Độ chia: ≤ 1mm	Chiếc	01	VMC
2	Thước cặp điện tử	- Khoảng đo: Bao dải 0 đến 200mm - Độ phân giải: ≤ 0,01mm	Chiếc	01	VMC
3	Đồng hồ đo thời gian	- Độ phân giải: ≤ 0,1 giây	Chiếc	01	VMC

Yêu cầu: Các thiết bị đo tiêu chuẩn dùng để đo kiểm cần được kiểm định/hiệu chuẩn và còn hiệu lực.

Bảng 2: Danh mục vật tư chính sử dụng trong bài đo

STT	Vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị đảm bảo
1	Phôi tròn 1	- Đường kính: ≥ 130 mm - Chiều dài: ≥ 150 mm - Vật liệu: Inconel 718 hoặc Inconel 713LC	Chiếc	01	Nhà thầu
2	Phôi tròn 2	- Đường kính: ≥ 560 mm - Chiều dài: ≥ 150 mm - Vật liệu: Thép hoặc vật liệu tương đương	Chiếc	01	Nhà thầu

396327_Doan Thi Hong Ngoc 12:23:12/03/2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT THIẾT BỊ VIETTEL	Mã hiệu: CTKT.VMC.KTCN.65
viettel manufacturing	CHỈ TIÊU KỸ THUẬT MÁY SỐC PHÁ KHUÔN	Ngày hiệu lực: 23/ 01/ 2026
		Lần ban hành: 02
		Trang: 1/22

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI

STT	*Trang*	*Nội dung sửa đổi*	*Ngày có hiệu lực*
		Ban hành lần hai	*23/01/2026*

	Nhóm biên soạn	**Kiểm tra**	**Thẩm định**	**Phê duyệt**
Chữ ký	Phan Đình Mạnh Nguyễn Văn Hữu	Nguyễn Tuấn Hưng	Nguyễn Văn Ty	Thượng tá Phạm Đồng Khởi

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

I. Mục đích

Xây dựng bộ chỉ tiêu kỹ thuật làm cơ sở thực hiện việc mua sắm, đầu tư, nghiệm thu thiết bị tại Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel đáp ứng sản xuất cho dự án đúc mẫu chảy chân không vật liệu inconel.

II. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Bộ chỉ tiêu kỹ thuật áp dụng cho thiết bị Máy sốc phá khuôn cho Dây chuyền đúc mẫu chảy chân không vật liệu inconel.

III. Tài liệu liên quan

- Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chỉ tiêu kỹ thuật cho sản phẩm, hàng hóa – QT.VMC.KT.05-4.4.5;

IV. Định nghĩa và từ viết tắt

- CTKT: Chỉ tiêu kỹ thuật
- NCC: Nhà cung cấp
- NSX: Nhà sản xuất
- VMC: Viettel Manufacturing Corporation (Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel)
- CB: Chỉ tiêu cơ bản
- KCB: Chỉ tiêu không cơ bản
- TAC: Technical Acceptance Certificate (Biên bản nghiệm thu kỹ thuật)
- YCKT: Yêu cầu kỹ thuật
- VAC: Điện áp xoay chiều (Volt Alternating Current)
- CO: Chứng nhận xuất xứ (Certificate of Original)
- CQ: Chứng nhận chất lượng (Certificate of Quality)

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

V. Nội dung chỉ tiêu kỹ thuật

1. Chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết

1.1. Bảng chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị

A. Hàng hóa

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	**Mô tả tính năng chung**							
	Máy sốc phá khuôn là thiết bị có chức năng sử dụng búa khí nén có tần số rung cao để phá bỏ lớp khuôn vỏ gốm bên ngoài chi tiết sau khi hoàn thành công đoạn đúc.							
II	**Chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết**							
1	**Thân vỏ thiết bị**							
1.1	Vật liệu vỏ thiết bị	Thép hoặc vật liệu cơ tính tương đương	CB	- **Đạt:** Vật liệu vỏ thiết bị là thép hoặc vật liệu cơ tính tương đương - **Không đạt:** Vật liệu vỏ thiết bị là vật	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/	Kiểm tra giấy chứng nhận/phiếu xác nhận vật liệu do nhà thầu cung cấp	**x**	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
				liệu khác không đáp ứng YCKT	Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất			
1.2	Kích thước cửa buồng làm việc (rộng x cao)	≥ 700 x 800 mm	CB	- **Đạt:** Kích thước cửa buồng làm việc đáp ứng đồng thời chiều rộng ≥ 700 và chiều cao ≥ 800 mm - **Không đạt:** Kích thước cửa buồng làm việc không đáp ứng đồng thời chiều rộng ≥ 700 và chiều cao ≥ 800 mm	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Sử dụng thước kiểm tra trực tiếp sản phẩm	x	
1.3	Dải chiều cao sản phẩm có thể xử lý	Bao dải từ 500 đến 800 mm	CB	- **Đạt:** Dải chiều cao sản phẩm có thể xử lý bao dải từ 500 đến 800 mm - **Không đạt:** Dải chiều cao sản phẩm có thể xử lý không	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận	Đo kích chiều cao sản phẩm mà máy có thể kẹp		x

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
				bao dải từ 500 đến 800 mm	chính thức của Nhà sản xuất			
1.4	Dải chiều dài sản phẩm có thể xử lý	Bao dải từ 250 đến 800 mm	CB	- **Đạt:** Dải chiều dài sản phẩm có thể xử lý bao dải từ 250 đến 800 mm - **Không đạt:** Dải chiều dài sản phẩm có thể xử lý không bao dải từ 250 đến 800 mm	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
1.5	Dải chiều rộng sản phẩm có thể xử lý	Bao dải từ 250 đến 800 mm	CB	- **Đạt:** Dải chiều rộng sản phẩm có thể xử lý bao dải từ 250 đến 800 mm - **Không đạt:** Dải chiều rộng sản phẩm có thể xử lý không bao dải từ 250 đến 800 mm	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
1.6	Khối lượng sản phẩm tối đa có thể xử lý	≥ 100 kg	CB	- **Đạt:** Khối lượng sản phẩm tối đa có thể xử lý ≥ 100 kg - **Không đạt:** Khối lượng sản phẩm tối đa có thể xử lý < 100 kg	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
2	**Hệ thống kẹp giữ và búa phá**							
2.1	Loại cơ cấu kẹp giữ	Kẹp bằng cơ cấu xilanh khí nén hoặc thủy lực	CB	- **Đạt:** Kẹp bằng cơ cấu xilanh khí nén hoặc thủy lực - **Không đạt:** Kẹp bằng cơ cấu khác	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
2.2	Loại búa phá	Búa sử dụng khí nén để vận hành	CB	- **Đạt:** Búa sử dụng khí nén để vận hành - **Không đạt:** Loại búa phá không phải là búa sử dụng khí nén để vận hành	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
2.3	Dải tần số rung của búa có thể điều chỉnh	Bao dải 0 đến 950 lần/phút	CB	- **Đạt:** Dải tần số rung của búa có thể điều chỉnh bao dải 0 đến 950 lần/phút - **Không đạt:** Dải tần số rung của búa có thể điều chỉnh không bao dải 0 đến 950 lần/phút	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	- Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet/ Test Report có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	**x**	
3	**Hệ thống điện điều khiển**							
3.1	Chức năng cửa liên động	Có chức năng không cho búa phá hoạt động khi cửa buồng chưa được đóng kín	CB	- **Đạt:** Có chức năng không cho búa phá hoạt động khi cửa buồng chưa được đóng kín - **Không đạt:** Không có chức năng không cho búa phá hoạt động khi	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
				cửa buồng chưa được đóng kín	của Nhà sản xuất			
3.2	Có thể cài đặt thời gian vận hành của búa	Có thể cài đặt thời gian vận hành của búa phá bao dải từ 0 đến 600 giây và bước nhỏ nhất cài đặt ≤1 giây.	CB	- **Đạt:** Có thể cài đặt thời gian vận hành của búa phá bao dải từ 0 đến 600 giây và bước nhỏ nhất cài đặt ≤1 giây. - **Không đạt:** Không thể cài đặt thời gian vận hành của búa phá bao dải từ 0 đến 600 giây. Hoặc không cài được bước nhỏ nhất ≤1 giây.	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

396327_Doan Thi Hong Ngoc 08:00 29/01/2026

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
3.3	Thiết bị hoạt động bình thường với điện áp nguồn 3 pha cấp đầu vào trong đoạn 400 VAC ± 10% hoặc 1 pha 230 VAC ± 10%, tần số danh định 50 Hz	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	- Cấp điện áp 3 pha cấp đầu vào trong đoạn 400 VAC ± 10% hoặc 1 pha 230 VAC ± 10%, tần số danh định 50 Hz phù hợp với yêu cầu của nhà sản xuất kiểm tra hoạt động của thiết bị		**x**
III	**Chỉ tiêu kỹ thuật sau khi lắp đặt hoàn thiện**							
1	Vận hành thực tế	Sản phẩm không móp méo, biến dạng. Khối lượng vỏ gốm còn bám lại trên vật đúc ≤ 10% trên tổng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - **Không đạt:** Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu	Kiểm tra trực tiếp khi vận hành thiết bị (chi tiết theo bài đo mục 2.2)		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
		khối lượng vỏ gốm						
2	Độ ồn của thiết bị (cách thiết bị 1 m)	≤ 85 dB	CB	- **Đạt:** Độ ồn của thiết bị (cách thiết bị 1 m) ≤ 85 dB - **Không đạt:** Độ ồn của thiết bị (cách thiết bị 1 m) > 85 dB	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Sử dụng thiết bị kiểm tra độ ồn để kiểm tra chỉ tiêu		**x**
IV	**Các chỉ tiêu khác**							
1	Năm sản xuất	≥ 2026	CB	- **Đạt:** Năm sản xuất ≥ 2026 - **Không đạt:** Năm sản xuất < 2026	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu	- Kiểm tra thông tin trên tem thiết bị.	**x**	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
						- Kiểm tra theo cam kết của Nhà thầu.		
2	Tình trạng	Mới 100%	CB	- **Đạt:** Tình trạng mới 100% - **Không đạt:** Đã qua sử dụng	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu	Kiểm tra cam kết tình trạng do nhà thầu cung cấp	**x**	
3	Bảo hành (tính từ ngày chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật TAC)	≥ 24 tháng	CB	- **Đạt:** ≥ 24 tháng - **Không đạt:** < 24 tháng	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu	- Kiểm tra cam kết của nhà thầu cho chỉ tiêu kỹ thuật	**x**	**x**
4	Nhà sản xuất đã cung cấp Model máy tham gia đấu thầu hoặc model có kích thước lớn hơn cho ít nhất 1 thị trường tại các quốc gia trong tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD)	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Tuyên bố Đáp ứng của nhà thầu	Kiểm tra hồ sơ chứng minh Nhà sản xuất đã cung cấp thiết bị cho các nước thuộc tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) do Nhà thầu cung cấp; tài liệu phải hợp lệ, thể hiện tối thiểu tên hoặc mã khách hàng, quốc gia và	**x**	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
						năm giao hàng; được phép che thông tin bảo mật nhưng phải có xác nhận của Nhà sản xuất.		

396327_Doan Thi Hong Ngoc _ 08:00 29/03/2026
Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel ký 26/01/2026 14:02:36:46

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

B. Dịch vụ liên quan

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
1	Nhà thầu cung cấp biện pháp thi công, bản vẽ layout lắp đặt và được chủ đầu tư chấp thuận trước khi thi công hệ thống	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu	- Kiểm tra Hồ sơ biện pháp thi công, bản vẽ layout lắp đặt được chủ đầu tư chấp thuận	**x**	
2	Hướng dẫn tối thiểu 03 nhân sự vận hành thành thạo các chức năng máy, 02 nhân sự bảo dưỡng tại địa điểm bên VMC, có biên bản nghiệm thu kết quả hướng dẫn vận hành	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng nhà thầu	Kiểm tra biên bản nghiệm thu kết quả sau hướng dẫn vận hành		**x**
3	- Nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục hải quan hoặc giấy tờ liên quan tới việc cung cấp thiết bị và lắp đặt tại vị trí trong nhà xưởng do Chủ đầu tư chỉ định; - Nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế, phí theo quy	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của Nhà thầu	- Kiểm tra hiện trạng thiết bị tại điểm giao hàng; - Đối chiếu danh mục kiện hàng; lập biên bản giao nhận.	**x**	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
	định của pháp luật Việt Nam và thống nhất trong hợp đồng giữa 2 bên. - Trong quá trình vận chuyển, đảm bảo thiết bị không hư hỏng, biến dạng, rỉ sét hoặc mất mát.							
4	Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt toàn bộ thiết bị theo đúng sơ đồ bố trí được Chủ đầu tư phê duyệt, đảm bảo khả năng vận hành của thiết bị. - Nhà thầu chuẩn bị phương tiện, dụng cụ, thiết bị nâng hạ và lắp đặt phải phù hợp tải trọng và đặc tính thiết bị, đảm bảo an toàn. - Quá trình lắp đặt phải được kiểm tra, căn chỉnh, đấu nối, vệ sinh và hoàn thiện trước khi chuyển	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Biện pháp thi công, sơ đồ lắp đặt, và cam kết an toàn của nhà thầu.	- Kiểm tra trực tiếp tại hiện trường; - Lập biên bản nghiệm thu lắp đặt, an toàn và sẵn sàng chạy thử.		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
	sang giai đoạn chạy thử không tải.							
5	Nhà thầu chịu trách nhiệm trọn gói, bằng chi phí và nguồn lực của mình, tổ chức và thực hiện đầy đủ các hoạt động vận chuyển, lắp đặt, kiểm tra, căn chỉnh, đấu nối, hoàn thiện, chạy thử, chế tạo sản phẩm mẫu, hướng dẫn và nghiệm thu thiết bị, dây chuyền tại nhà xưởng của Chủ đầu tư; Nhà thầu tự đảm bảo toàn bộ vật tư, nguyên liệu, công cụ, thiết bị đo kiểm và các nguồn lực cần thiết, ngoại trừ các hạng mục hạ tầng điện, nước sạch, khí nén do Chủ đầu tư đảm bảo tại mục 1.2.	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu	- Giám sát quá trình thực hiện các bài Kiểm tra nghiệm thu		**x**
6	- Nhà thầu cung cấp bộ Tài liệu hướng dẫn sử	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng nhà thầu	Bộ hồ sơ được Chủ đầu tư chấp thuận		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
	dụng, sơ đồ hệ thống điện, bảo dưỡng bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt của nhà sản xuất máy; - Nhà thầu xây dựng, cung cấp bộ tài liệu hướng dẫn vận hành, bảo trì bảo dưỡng thiết bị theo biểu mẫu của Chủ đầu tư cung cấp			**- Không đạt:** Không đáp ứng		phải đáp ứng các yêu cầu sau: - Nội dung và độ chính xác: Phải đầy đủ thông tin, bao quát tất cả các khía cạnh được yêu cầu như: giới thiệu thiết bị, lắp đặt, vận hành, bảo trì, khắc phục sự cố. Các nội dung phải khớp với thiết bị thực tế và được cập nhật mới nhất. - Cấu trúc và tổ chức: Bộ tài liệu phải có tính logic và dễ theo dõi, tra cứu. Sử dụng cấu trúc phân cấp thứ tự theo quy trình sử dụng. Các nội dung có tính nhất quán:		

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
						thuật ngữ thống nhất, định dạng đồng đều. - Ngôn ngữ và trình bày: + Bộ tài liệu từ NSX máy phải sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Bộ tài liệu theo biểu mẫu của chủ đầu tư phải sử dụng ngôn ngữ Tiếng Việt. + Sử dụng từ ngữ phổ thông, có chú thích các nội dung viết tắt hoặc thuật ngữ chuyên ngành. Yêu cầu có hình ảnh minh họa đối với các bước thực hiện với các mô tả rõ ràng.		

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
						- Bộ tài liệu theo biểu mẫu của chủ đầu tư phải tuân thủ theo biểu mẫu yêu cầu.		

396327_Doan Thi Hong Ngoc _ 08:00 29/03/2026
396327_Doan Thi Hong Ngoc _ 08:00 29/03/2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Đánh giá:

❖ Thiết bị được coi là **Đạt** chỉ tiêu kỹ thuật khi tất cả các chỉ tiêu cơ bản (CB) được đánh giá là **Đạt.**

❖ Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu kiểm tra lại các chỉ tiêu đã được đánh giá ở các giai đoạn trước khi nghiệm thu cuối cùng.

❖ Catalog/Datasheet thiết bị khi cung cấp cho chủ đầu tư phải trùng khớp với nội dung công bố trên Website của Nhà sản xuất (Nhà thầu cung cấp đường link Website để Chủ đầu tư kiểm tra)/ hoặc được nhà sản xuất cam kết, xác nhận tính chính xác.

1.2 Điều kiện Chủ đầu tư đảm bảo

- Điều kiện hạ tầng cơ bản tại nhà máy lắp đặt thiết bị do Chủ đầu tư đảm bảo, cụ thể:

+ Nguồn điện: 3 pha xoay chiều, 400 V ± 10%, tần số danh định 50 Hz và nguồn điện 1 pha xoay chiều, 230 V ± 10%, tần số danh định 50 Hz;

+ Nguồn khí nén áp suất danh định 6 – 8 barg;

+ Nguồn nước sạch công nghiệp đạt QCVN 01-1:2024/BYT;

+ Một số thiết bị kiểm tra cơ bản như: Thước, thước cặp, đồng hồ đo thời gian, đồng hồ vạn năng.

096327_Doan Thi Hong Ngoc _ 08:00 29/03/2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

2. Bài đo chi tiết

2.1 Danh mục công cụ, dụng cụ, vật tư sử dụng

Bảng 1: Danh mục công cụ dụng cụ kiểm tra trong bài đo tương ứng chỉ tiêu kỹ thuật máy sốc phá khuôn

STT	Công cụ, dụng cụ	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị đảm bảo
1	Thước	- Khoảng đo: Bao dải 0mm đến 4000mm - Độ chia: ≤ 1mm	Chiếc	01	VMC
2	Đồng hồ vạn năng	- Khoảng đo: Bao dải 0 VAC đến 500 VAC - Độ chính xác: Trong đoạn ± 1%	Chiếc	01	VMC
3	Máy kiểm tra độ ồn	- Khoảng đo: Bao dải 0 dB đến 100 dB - Độ phân giải: ≤ 0.5 dB	Chiếc	01	Nhà thầu
4	Cân	- Khoảng đo: Bao dải 0 Kg đến 250 Kg - Độ phân giải: ≤ 0,1 Kg	Chiếc	01	Nhà thầu

Bảng 12: Danh mục vật tư chính sử dụng để kiểm tra trong bài đo tương ứng chỉ tiêu kỹ thuật máy sốc phá khuôn

STT	Vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị đảm bảo
1	Mẫu phá vỏ khuôn	Mẫu sau công đoạn đúc mẫu chảy: - Vật liệu vỏ: Khuôn vỏ được làm từ một hoặc hỗn hợp các loại vật liệu sau: Alumina (Al_2O_3), Zircon/ Zircon - Silica ($ZrSiO_4$/ $ZrO_2 + SiO_2$), Zirconia (ZrO_2), Mullite ($3Al_2O_3.2SiO_2$), Fused Silica/ Silica (SiO_2), Yttria (Y_2O_3) hoặc vật liệu khác được VMC chấp thuận. - Vật liệu đúc: Một trong số các kim loại hoặc hợp kim của: Thép, Niken, Titan	Chiếc	01	Nhà thầu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

2.2 Chi tiết bài vận hành thực tế máy sốc phá khuôn.

Bước 1: Vệ sinh buồng làm việc của máy: Loại bỏ gốm, vật liệu thừa tại vị trí kẹp sản phẩm.

Bước 2: Kẹp sản phẩm.

Bước 3: Đóng cửa.

Bước 4: Bật phá khuôn.

Bước 5: Sử dụng dữ liệu khối lượng vỏ khuôn trước khi đúc (mK), khối lượng cây đúc gồm vỏ gốm và kim loại sau sốc phá vỏ (mKKL), khối lượng cây đúc sau khi làm sạch vỏ gốm (mKL) để tính % khối lượng vỏ gốm còn bám lại trên vật đúc sau khi sốc phá vỏ (%mG) bằng công thức:

$$\%mG = \frac{\text{mKKL} - \text{mKL}}{\text{mK}} * 100$$

Bước 6: Đánh giá chỉ tiêu có số thứ tự **III.1.** tại Bảng chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị: Vận hành thực tế

- Sản phẩm không bị móp méo, biến dạng và khối lượng vỏ gốm còn bám lại trên vật đúc ≤ 10% trên tổng khối lượng vỏ gốm: Đánh giá **Đạt**

- Sản phẩm bị móp méo, hoặc biến dạng hoặc khối lượng vỏ gốm còn bám lại trên vật đúc > 10% trên tổng khối lượng vỏ gốm: Đánh giá **Không đạt**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 48/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 28/03/2026

viettel manufacturing	**TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT THIẾT BỊ VIETTEL**	Mã hiệu: CTKT.VMC.KTCN.66
	CHỈ TIÊU KỸ THUẬT MÁY PHUN BI	Ngày hiệu lực: 23/ 01/ 2026
		Lần ban hành: 02
		Trang: 1/25

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI

STT	*Trang*	*Nội dung sửa đổi*	*Ngày có hiệu lực*
		Ban hành lần hai	*23/01/2026*

	Nhóm biên soạn	**Kiểm tra**	**Thẩm định**	**Phê duyệt**
Chữ ký	Phan Đình Mạnh Nguyễn Văn Hữu	Nguyễn Xuân Hưng	Nguyễn Văn Ty	Thượng tá Phạm Đồng Khởi

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

I. Mục đích

Xây dựng bộ chỉ tiêu kỹ thuật làm cơ sở thực hiện việc mua sắm, đầu tư, nghiệm thu thiết bị tại Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel đáp ứng sản xuất cho dự án đúc mẫu chảy chân không vật liệu inconel.

II. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Bộ chỉ tiêu kỹ thuật áp dụng cho thiết bị Máy phun bi cho Dây chuyền đúc mẫu chảy chân không vật liệu inconel.

III. Tài liệu liên quan

- Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chỉ tiêu kỹ thuật cho sản phẩm, hàng hóa – QT.VMC.KT.05-4.4.5;

IV. Định nghĩa và từ viết tắt

- CTKT: Chỉ tiêu kỹ thuật
- NCC: Nhà cung cấp
- NSX: Nhà sản xuất
- VMC: Viettel Manufacturing Corporation (Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel)
- CB: Chỉ tiêu cơ bản
- KCB: Không cơ bản
- TAC: Technical Acceptance Certificate (Biên bản nghiệm thu kỹ thuật)
- YCKT: Yêu cầu kỹ thuật
- VAC: Điện áp xoay chiều (Volt Alternating Current)
- CO: Chứng nhận xuất xứ (Certificate of Original)
- CQ: Chứng nhận chất lượng (Certificate of Quality)

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

V. Nội dung chỉ tiêu kỹ thuật

1. Chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết

1.1. Bảng chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị

A. Hàng hóa

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	**Mô tả tính năng chung**							
	Máy phun bi là thiết bị dùng để loại bỏ vỏ gốm còn sót lại trên bề mặt chi tiết sau công đoạn rung sốc phá vỡ vỏ gốm, đồng thời cũng dùng để tạo độ nhám cho bề mặt chi tiết để chuẩn bị cho công đoạn mạ, cromat bề mặt nếu sản phẩm có yêu cầu.							

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
II	**Chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết**							
1	**Hệ thống buồng phun**							
1.1	Kích thước buồng phun (Dài x rộng x cao)	≥ 1000 x 900 x 900 (mm)	CB	- **Đạt:** Kích thước buồng phun bi đáp ứng đồng thời chiều dài ≥ 1000 mm, chiều rộng ≥ 900 mm và chiều cao ≥ 900 mm - **Không đạt:** Kích thước buồng phun bi không đáp ứng đồng thời chiều dài ≥ 1000 mm, chiều rộng ≥ 900 mm và chiều cao ≥ 900 mm	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Sử dụng thước kiểm tra trực tiếp sản phẩm		**x**
1.2	Kích thước vật liệu phun có thể sử dụng	Bao dải từ 0,1mm đến 0,4mm	CB	- **Đạt:** Kích thước vật liệu phun có thể sử dụng bao dải từ 0,1mm đến 0,4mm - **Không đạt:** Kích thước vật liệu phun có thể sử dụng	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Phun thử nghiệm với các kích cỡ hạt 0,1; 0,2; 0,3; 0,4 mm		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
				không bao dải từ 0,1mm đến 0,4mm				
1.3	Vật liệu phun	Bao gồm các vật liệu: Bi thép, cát, oxit nhôm	CB	- **Đạt:** Vật liệu phun Bao gồm các vật liệu: Bi thép, cát, oxit nhôm - **Không đạt:** Vật liệu phun không bao gồm 1 trong các vật liệu: Bi thép, cát, oxit nhôm	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	- Kiểm tra khả năng phun từng loại vật liệu		**x**
1.4	Vật liệu buồng phun	Thép hoặc vật liệu cơ tính tốt hơn	CB	- **Đạt:** Vật liệu buồng phun là thép hoặc vật liệu cơ tính tốt hơn - **Không đạt:** Vật liệu buồng phun là vật liệu có cơ tính kém hơn thép	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra giấy chứng nhận/phiếu xác nhận vật liệu do nhà thầu cung cấp	**x**	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
1.5	Chiều dày lớp cao su bảo vệ buồng phun	≥ 5mm	CB	- **Đạt:** Chiều dày lớp cao su bảo vệ buồng phun ≥ 5mm - **Không đạt:** Chiều dày lớp cao su bảo vệ buồng phun < 5mm	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	- Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet/ Test Report có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	**x**	
1.6	Số lượng cửa kính quan sát	Số lượng: ≥ 1 chiếc	CB	- **Đạt:** Số lượng cửa kính quan sát ≥ 1 chiếc - **Không đạt:** Số lượng cửa kính quan sát < 1 chiếc	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
1.7	Số lượng lỗ tay thao tác	Số lượng: ≥ 2 lỗ	CB	- **Đạt:** Số lượng lỗ tay thao tác ≥ 2 lỗ - **Không đạt:** Số lượng lỗ tay thao tác < 2 lỗ	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
1.8	Số lượng súng phun bi	Số lượng: ≥ 1 chiếc	CB	- **Đạt:** Số lượng súng phun bi ≥ 1 chiếc - **Không đạt:** Số lượng súng phun bi < 1 chiếc	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
1.9	Số lượng súng xịt khí	Số lượng: ≥ 1 chiếc	CB	- **Đạt:** Số lượng súng xịt khí ≥ 1 chiếc - **Không đạt:** Số lượng súng xịt khí < 1 chiếc	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
1.10	Đèn chiếu sáng buồng phun	Công suất ≥ 24 W	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
2	**Hệ thống thu bụi và thu hồi hạt thép**							
2.1	Lưu lượng khí lọc	≥ 1500 m³/h	CB	- **Đạt:** Lưu lượng khí lọc ≥ 1500 m³/h - **Không đạt:** Lưu lượng khí lọc < 1500 m³/h	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	- Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet/ Test Report có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	**x**	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
2.2	Có Gioăng cao su đảm bảo kín bụi tại cửa và lỗ tay thao tác	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
2.3	Có tính năng rung rũ bụi tự động	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Có tính năng rung rũ bụi tự động - **Không đạt:** Không có tính năng rung rũ bụi tự động	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
2.4	Công suất thu hồi vật liệu phun	≥ 10 kg/phút	CB	- **Đạt:** Công suất thu hồi vật liệu phun ≥ 10 kg/phút - **Không đạt:** Công suất thu hồi vật liệu phun < 10 kg/phút	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
3	**Hệ thống bàn chứa sản phẩm**							
3.1	Đường kính bàn xoay sản phẩm	≥ 550 mm	CB	- **Đạt:** Đường kính bàn xoay ≥ 550 mm - **Không đạt:** Đường kính bàn xoay < 550 mm	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Sử dụng thước kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
3.2	Tải trọng bàn xoay	≥ 200 kg	CB	- **Đạt:** Tải trọng bàn xoay ≥ 200 kg - **Không đạt:** Tải trọng bàn xoay < 200 kg	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**
3.3	Bàn phụ có ray trượt để bàn xoay có thể di chuyển	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Bàn phụ có ray trượt để bàn xoay có thể di chuyển	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
				- **Không đạt:** Bàn phụ không có ray trượt để bàn xoay có thể di chuyển	nhận chính thức của Nhà sản xuất			
3.4	Tải trọng bàn phụ	≥ 250 kg	CB	- **Đạt:** Tải trọng bàn phụ ≥ 250 kg - **Không đạt:** Tải trọng bàn phụ < 250 kg	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	- Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet/ Test Report có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	**x**	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
3.5	Vật liệu làm bàn xoay và bàn phụ	Thép cacbon hoặc vật liệu cơ tính tốt hơn	CB	- **Đạt:** Vật liệu làm bản xoay và bàn phụ là thép cacbon hoặc vật liệu cơ tính tốt hơn - **Không đạt:** Vật liệu khác	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra giấy chứng nhận/phiếu xác nhận vật liệu do nhà thầu cung cấp	**x**	
4	**Hệ thống điện điều khiển**							
4.1	Có thể điều chỉnh áp suất phun	Bao dải từ 0 bar đến 10 bar	CB	- **Đạt:** Có thể điều chỉnh áp suất phun bao dải từ 0 bar đến 10 bar - **Không đạt:** Không có thể điều chỉnh áp suất phun bao dải từ 0 bar đến 10 bar	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên đồng hồ đo áp suất của thiết bị		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
4.2	Chức năng dừng khẩn cấp	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Có chức năng dừng khẩn cấp - **Không đạt:** Không có chức năng dừng khẩn cấp	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Nhấn nút dừng khẩn cấp khi thiết bị hoạt động		**x**
4.3	Số lượng bàn đạp điều khiển súng phun	Số lượng: ≥ 1 chiếc	CB	- **Đạt:** ≥ 1 chiếc - **Không đạt:** < 1 chiếc	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
4.4	Có tính năng cửa buồng phun đóng kín mới cho phép phun hạt làm sạch	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	Kiểm tra trực tiếp trên thiết bị		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
4.5	Thiết bị hoạt động bình thường với điện áp nguồn 3 pha cấp đầu vào trong đoạn 400 VAC ± 10% hoặc 1 pha 230 VAC ± 10%, tần số danh định 50 Hz	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu - Kiểm tra trên Catalogue/ Datasheet có xác nhận chính thức của Nhà sản xuất	- Cấp điện áp 3 pha cấp đầu vào trong đoạn 400 VAC ± 10% hoặc 1 pha 230 VAC ± 10%, tần số danh định 50 Hz phù hợp với yêu cầu của nhà sản xuất kiểm tra hoạt động của thiết bị		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
III	**Chỉ tiêu kỹ thuật sau khi lắp đặt hoàn thiện**							
1	Vận hành thực tế	Sản phẩm không còn dính vỏ gốm.	CB	- **Đạt:** Sản phẩm không còn dính vỏ gốm. - **Không đạt:** Sản phẩm còn dính vỏ gốm.	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu	- Kiểm tra trực tiếp khi vận hành thiết bị (chi tiết theo bài đo mục 2.2)		**x**
IV	**Các chỉ tiêu khác**							
1	Năm sản xuất	≥ 2026	CB	- **Đạt:** Năm sản xuất ≥ 2026 - **Không đạt:** Năm sản xuất < 2026	Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu	- Kiểm tra thông tin trên tem thiết bị. - Kiểm tra theo cam kết của Nhà thầu.	**x**	
2	Tình trạng	Mới 100%	CB	- **Đạt:** Tình trạng mới 100% - **Không đạt:** Đã qua sử dụng	Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu	Kiểm tra cam kết tình trạng do nhà thầu cung cấp	**x**	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Nội dung CTKT	Yêu cầu kỹ thuật	CB /KCB	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
3	Bảo hành (tính từ ngày chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật TAC)	≥ 24 tháng	CB	- **Đạt:** ≥ 24 tháng - **Không đạt:** < 24 tháng	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu	- Kiểm tra cam kết của nhà thầu cho chỉ tiêu kỹ thuật	**x**	**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

B. Dịch vụ liên quan

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
1	Nhà thầu cung cấp biện pháp thi công, bản vẽ layout lắp đặt và được chủ đầu tư chấp thuận trước khi thi công hệ thống	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu	- Kiểm tra Hồ sơ biện pháp thi công, bản vẽ layout lắp đặt được chủ đầu tư chấp thuận	**x**	
2	Hướng dẫn tối thiểu 03 nhân sự vận hành thành thạo các chức năng máy, 02 nhân sự bảo dưỡng tại địa điểm bên VMC, có biên bản nghiệm thu kết quả hướng dẫn vận hành	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng nhà thầu	Kiểm tra biên bản nghiệm thu kết quả sau hướng dẫn vận hành		**x**
3	- Nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện vận chuyển và lắp đặt thiết bị tại vị trí trong nhà xưởng do VMC chỉ định; - Nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế, phí theo quy định của pháp luật Việt Nam và thống nhất trong hợp đồng giữa 2 bên. - Trong quá trình vận chuyển, đảm bảo thiết bị	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng nhà thầu	- Kiểm tra hiện trạng thiết bị tại điểm giao hàng; - Đối chiếu danh mục kiện hàng; lập biên bản giao nhận.	**x**	

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
	không hư hỏng, biến dạng, rỉ sét hoặc mất mát.							
4	Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt toàn bộ thiết bị theo đúng sơ đồ bố trí được Chủ đầu tư phê duyệt, đảm bảo khả năng vận hành của thiết bị. - Nhà thầu chuẩn bị phương tiện, dụng cụ, thiết bị nâng hạ và lắp đặt phải phù hợp tải trọng và đặc tính thiết bị, đảm bảo an toàn. - Quá trình lắp đặt phải được kiểm tra, căn chỉnh, đấu nối, vệ sinh và hoàn thiện trước khi chuyển sang giai đoạn chạy thử không tải.	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng nhà thầu	- Kiểm tra trực tiếp tại hiện trường; - Lập biên bản nghiệm thu lắp đặt, an toàn và sẵn sàng chạy thử.		**x**
5	Nhà thầu chịu trách nhiệm trọn gói, bằng chi phí và nguồn lực của mình, tổ chức và thực hiện đầy đủ các hoạt động vận chuyển, lắp đặt, kiểm tra, căn chỉnh, đấu nối, hoàn thiện, chạy thử, chế tạo sản phẩm mẫu, hướng dẫn và	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng của nhà thầu	- Giám sát quá trình thực hiện các bài Kiểm tra nghiệm thu		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
	nghiệm thu thiết bị, dây chuyền tại nhà xưởng của Chủ đầu tư; Nhà thầu tự đảm bảo toàn bộ vật tư, nguyên liệu, công cụ, thiết bị đo kiểm và các nguồn lực cần thiết, ngoại trừ các hạng mục hạ tầng điện, nước sạch, khí nén do Chủ đầu tư đảm bảo tại mục 1.2.							
6	- Nhà thầu cung cấp bộ Tài liệu hướng dẫn sử dụng, sơ đồ hệ thống điện, bảo dưỡng bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt của nhà sản xuất máy; - Nhà thầu xây dựng, cung cấp bộ tài liệu hướng dẫn vận hành, bảo trì bảo dưỡng thiết bị theo biểu mẫu của Chủ đầu tư cung cấp	Đáp ứng	CB	- **Đạt:** Đáp ứng - **Không đạt:** Không đáp ứng	- Tuyên bố đáp ứng nhà thầu	Bộ hồ sơ được Chủ đầu tư chấp thuận phải đáp ứng các yêu cầu sau: - Nội dung và độ chính xác: Phải đầy đủ thông tin, bao quát tất cả các khía cạnh được yêu cầu như: giới thiệu thiết bị, lắp đặt, vận hành, bảo trì, khắc phục sự cố. Các nội dung phải khớp với thiết bị thực tế và được cập nhật mới nhất.		**x**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
						- Cấu trúc và tổ chức: Bộ tài liệu phải có tính logic và dễ theo dõi, tra cứu. Sử dụng cấu trúc phân cấp thứ tự theo quy trình sử dụng. Các nội dung có tính nhất quán: thuật ngữ thống nhất, định dạng đồng đều. - Ngôn ngữ và trình bày: + Bộ tài liệu từ NSX máy phải sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Bộ tài liệu theo biểu mẫu của chủ đầu tư phải sử dụng ngôn ngữ Tiếng Việt. + Sử dụng từ ngữ phổ thông, có chú thích các nội dung viết tắt hoặc thuật ngữ chuyên ngành. Yêu cầu có hình ảnh		

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

STT	Yêu cầu dịch vụ	Yêu cầu đáp ứng	CB/ KCB	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá giai đoạn hồ sơ dự thầu	Phương pháp đánh giá giai đoạn nghiệm thu	Giai đoạn kiểm tra	
							Kiểm tra khi giao hàng	Kiểm tra sau lắp đặt, nghiệm thu
						minh họa đối với các bước thực hiện với các mô tả rõ ràng. - Bộ tài liệu theo biểu mẫu của chủ đầu tư phải tuân thủ theo biểu mẫu yêu cầu.		

396327_Doan Thi Hong Ngoc _ 08:00 29/03/2026
396327_Doan Thi Hong Ngoc 08:...
Tổng Giám đốc Nguyễn Thanh Nghị ký ngày 26/01/2026 14:02:46
Phòng Giám đốc Ngọc Phan Thị Hồng Nghị ký ngày 26/01/2026 14:02:46

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Đánh giá:

❖ Thiết bị được coi là **Đạt** chỉ tiêu kỹ thuật khi tất cả các chỉ tiêu cơ bản (CB) được đánh giá là **Đạt.**

❖ Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu kiểm tra lại các chỉ tiêu đã được đánh giá ở các giai đoạn trước khi nghiệm thu cuối cùng.

❖ Catalog/Datasheet thiết bị khi cung cấp cho chủ đầu tư phải trùng khớp với nội dung công bố trên Website của Nhà sản xuất (Nhà thầu cung cấp đường link Website để Chủ đầu tư kiểm tra)/ hoặc được nhà sản xuất cam kết, xác nhận tính chính xác.

1.2 Điều kiện Chủ đầu tư đảm bảo

- Điều kiện hạ tầng cơ bản tại nhà máy lắp đặt thiết bị do Chủ đầu tư đảm bảo, cụ thể:

+ Nguồn điện: 3 pha xoay chiều, 400 V ± 10%, tần số danh định 50 Hz và nguồn điện 1 pha xoay chiều, 230 V ± 10%, tần số danh định 50 Hz;

+ Nguồn khí nén áp suất danh định 6 – 8 barg;

+ Nguồn nước sạch công nghiệp đạt QCVN 01-1:2024/BYT;

+ Một số thiết bị kiểm tra cơ bản như: Thước, thước cặp, đồng hồ đo thời gian, đồng hồ vạn năng.

Doan Thi Hong Ngoc 08:00 29/01/2026 396327

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

2. Bài đo chi tiết

2.1. Danh mục công cụ, dụng cụ, vật tư sử dụng

Bảng 1: Danh mục công cụ dụng cụ kiểm tra được trình bày trong bảng sau:

STT	Công cụ, dụng cụ	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị đảm bảo
1	Thước	- Khoảng đo: Bao dải 0mm đến 4000mm - Độ chia: ≤ 1mm	Chiếc	01	VMC
2	Đồng hồ vạn năng	- Khoảng đo: Bao dải 0 VAC đến 500 VAC - Độ chính xác: Trong đoạn ±1%	Chiếc	01	VMC
3	Cân	- Khoảng đo: Bao dải 0 kg đến 250 kg - Độ phân giải: ≤ 0,1 kg	Chiếc	01	Nhà thầu
4	Vật nặng	- Khối lượng 200 kg - Có thể đặt tại bàn xoay và đưa vào trong buồng phun	Bộ	01	Nhà thầu

Bảng 2: Danh mục vật tư chính sử dụng để kiểm tra được trình bày trong bảng sau:

STT	Vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị đảm bảo
1	Vật liệu phun	- Vật liệu gồm các loại: Cát, oxit nhôm, bi thép - Kích thước: có các cỡ hạt 0,1; 0,2; 0,3; 0,4 mm	Kg	Theo thực tế	Nhà thầu
2	Mẫu phun	- Sản phẩm đúc mẫu chảy - Đã xử lý sốc phá khuôn vỏ gốm - Vật liệu inconel 718	Chiếc	3	Nhà thầu

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

2.2 Chi tiết bài đo vận hành thực tế máy phun bi

Bước 1: Cấp vật liệu phun vào buồng chứa.

Bước 2: Đặt sản phẩm vào bàn xoay và đưa vào buồng phun.

Bước 3: Tiến hành phun toàn bộ bề mặt sản phẩm.

Bước 4: Lặp lại bước 2 và 3 với hai mẫu phun còn lại.

Bước 5: Đánh giá chỉ tiêu có số thứ tự **III.1.** tại Bảng chỉ tiêu kỹ thuật thiết bị: Vận hành thực tế

- Sản phẩm không còn dính vỏ gốm: Đánh giá **Đạt**
- Sản phẩm còn dính vỏ gốm: Đánh giá **Không đạt**

96327_Doan Thi Hong Ngoc _ 08:00 29/03/2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI
TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT THIẾT BỊ VIETTEL
VIETTEL GROUP
VIETTEL MANUFACTURING CORPORATION

HƯỚNG DẪN BẢO DƯỠNG

……..

Mã số/*Code*: HD.VMC……
Lần ban hành/*Revision No* : 01
Ngày hiệu lực/*Issue date*:

PHÂN PHỐI TÀI LIỆU/*DISTRIBUTE TO*

1. Phòng Chính trị	☐	9. Văn phòng	☐
2. Phòng Công nghệ thông tin	☐	10. Trung tâm Đầu tư – Mua sắm	☐
3. Phòng Kế hoạch chiến lược	☐	11. Trung tâm Kinh doanh	☐
4. Phòng Kỹ thuật – Công nghệ	☒	12. Trung tâm Nghiên cứu PTSP	☐
5. Phòng Pháp chế &KSNB	☐	13. XN Cáp quang & phụ kiện VT	☐
6. Phòng Quản lý chất lượng	☒	14. XN Cơ khí	☒
7. Phòng Tài chính	☐	15. XN Lắp ráp và THHT	☐
8. Phòng Tổ chức lao động	☐	16. XN Linh kiện & thiết bị điện tử	☐

PHÊ DUYỆT/ ***APPROVED BY***	**THẨM ĐỊNH/** ***REVIEWED BY***	**SOẠN THẢO/** ***PREPARED BY***

SAMPLE

THÀNH PHẦN THAM GIA XEM XÉT/*CONSIDERED PARTICIPANTS*:

TT/ *No*	HỌ VÀ TÊN/ *NAME*	CHỨC VỤ/ *POSITION*	ĐƠN VỊ/ *DEPARTMENT*	CHỮ KÝ/ *SIGNATURE*
1				
2				
3				
4				

TÓM TẮT SỬA ĐỔI TÀI LIỆU/*REVISION HISTORY*

LẦN SỬA/ *REVISION NO.*	NGÀY SỬA/ *REVISION DATE*	NỘI DUNG SỬA ĐỔI/ *DESCRIPTION OF CHANGES*
		Ban hành lần đầu/ *First issue.*

I. MỤC ĐÍCH/*PURPOSE*

……..

II. PHẠM VI/ *SCOPE*

……..

III. TÀI LIỆU VIỆN DẪN/*REFERENCE*

Hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng của nhà sản xuất.

IV. ĐỊNH NGHĨA VÀ VIẾT TẮT/*DEFINITIONS & ACRONYMS*

1. Định nghĩa/ *Definitions*

…….

STT	Thông số máy/ Specs	Giá trị/ Value
1		
2		
3		

2. Viết tắt/*Acronyms*

STT	Chữ viết tắt	Giải nghĩa
1	NV	Nhân viên
2	HD	Hướng dẫn
3	QĐ	Quy định

V. NỘI DUNG/*CONTENT*

1. Lưu đồ/*Flow chart*

Trách nhiệm	Lưu đồ	Tài liệu
- *Chủ trì:* Đơn vị thực hiện bảo dưỡng theo phân công - *Phối hợp:* + Đơn vị sử dụng + Tổ trưởng, Nhân viên vận hành	Yêu cầu bảo dưỡng	Mục 2
- *Chủ trì:* Người thực hiện bảo dưỡng	Đọc kỹ tài liệu, hướng dẫn bảo dưỡng	Mục 3
- *Chủ trì:* Người thực hiện bảo dưỡng	Chuẩn bị công cụ, dụng cụ, vật tư phục vụ bảo dưỡng	Mục 4
- *Chủ trì:* Người thực hiện bảo dưỡng - *Phối hợp:* Đơn vị sử dụng	Thực hiện bảo dưỡng Không đạt Đạt	Mục 5
- *Chủ trì:* Người thực hiện bảo dưỡng - *Phối hợp:* Đơn vị sử dụng	Nghiệm thu kết quả bảo dưỡng	Mục 6
- *Chủ trì:* Người thực hiện bảo dưỡng	Ghi chép lịch sử bảo dưỡng	Mục 7

Giải thích mục (*) trong lưu đồ:

- Nếu bảo dưỡng lần đầu không đạt: Cần xác định nguyên nhân gốc → Đề xuất phương án xử lý → Tiến hành bảo dưỡng lại.
- Nếu bảo dưỡng lần thứ hai không đạt: Báo cáo lên Chỉ huy đơn vị sử dụng và đơn vị bảo dưỡng phối hợp xử lý.

2. Yêu cầu bảo dưỡng

a. Đối với công việc hàng ngày, hàng tuần - Đơn vị sử dụng thực hiện

STT	Nội dung công việc	Kết quả cần đạt	Tần suất thực hiện	
			Ngày	Tuần
1				
2				
3				
4				
5				
6				

b. Đối với việc bảo dưỡng lớn – Đơn vị chuyên trách thực hiện

STT	Chi tiết công việc	Kết quả cần đạt	Tần suất thực hiện				Thời gian thực hiện (phút)	Số người cần
			Tháng	3 tháng	6 Tháng	1 năm		
Tổng thời gian								

3. Đọc tài liệu hướng dẫn

Trước khi thực hiện bảo dưỡng máy nhân viên bảo dưỡng cần đọc kĩ hướng dẫn bảo dưỡng cho máy và thực hiện đầy đủ tuần tự theo các bước trong hướng dẫn bảo dưỡng.

4. Chuẩn bị công cụ dụng cụ, vật tư

a. *Đối với công việc hàng ngày, hàng tuần*

- *Công cụ, dụng cụ: Công cụ vệ sinh (Chổi, máy hút bụi,…)*
- *Vật tư:*

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Viettel Code
1				
2				
3				

b. Đối với bảo dưỡng lớn

- *Công cụ, dụng cụ:*

STT	Tên công cụ, dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Viettel Code

- *Vật tư:*

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Viettel Code

5. Thực hiện bảo dưỡng/

Chi tiết các nội dung thực hiện theo Chương VI.

6. Nghiệm thu kết quả bảo dưỡng

Đối với bảo dưỡng lớn, đơn vị chuyên trách thực hiện và nghiệm thu với đơn vị sử dụng theo Biểu mẫu nghiệm thu bảo dưỡng của Quy trình quản lý thiết bị sản xuất hiện hành.

7. Lưu hồ sơ, kết quả bảo dưỡng

Đơn vị chuyên trách lưu hồ sơ theo Quy trình quản lý thiết bị sản xuất hiện hành.

VI. NỘI DUNG BẢO DƯỠNG/ *MAINTENANCE CONTENT DETAIL*

1. *Đối với công việc hàng ngày, hàng tuần - Đơn vị sử dụng thực hiện*

STT	Nội dung thực hiện	Hình ảnh minh họa

2. Đối với việc bảo dưỡng lớn – Đơn vị chuyên trách thực hiện

STT	Nội dung thực hiện	Hình ảnh minh họa

STT	Nội dung thực hiện	Hình ảnh minh họa

VII. TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM/*ATTACHMENTS FILE*

Không có.

VIII. TÊN BIỂU MẪU/*FORMS*

STT/ *No*	Tên biểu mẫu/ *Name of Forms*	Mã số/ *Code*	Ghi chú/ *Remarks*

VIII. HỒ SƠ LƯU/*RECORDS*

STT/ ***No***	**Hồ sơ lưu/** ***Name of Records***	**Mã số/** ***Code***	**Trách nhiệm lưu/** ***Responsibility***	**Thời gian lưu/** ***Store period***

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI
TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT THIẾT BỊ VIETTEL
VIETTEL GROUP
VIETTEL MANUFACTURING CORPORATION

HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH…..

Mã số/*Code*: HD.VMC…..
Lần ban hành/*Revision No* :
Ngày hiệu lực/*Issue date*:

PHÂN PHỐI TÀI LIỆU/*DISTRIBUTE TO*

1. Phòng Chính trị	☐	9. Văn phòng	☐
2. Phòng Công nghệ thông tin	☐	10. Trung tâm Đầu tư – Mua sắm	☐
3. Phòng Kế hoạch chiến lược	☐	11. Trung tâm Kinh doanh	☐
4. Phòng Kỹ thuật – Công nghệ	☒	12. Trung tâm Nghiên cứu PTSP	☐
5. Phòng Pháp chế &KSNB	☐	13. XN Cáp quang & phụ kiện VT	☐
6. Phòng Quản lý chất lượng	☒	14. XN Cơ khí	☒
7. Phòng Tài chính	☐	15. XN Lắp ráp và THHT	☐
8. Phòng Tổ chức lao động	☐	16. XN Linh kiện & thiết bị điện tử	☐

PHÊ DUYỆT/ ***APPROVED BY***	**THẨM ĐỊNH/** ***REVIEWED BY***	**SOẠN THẢO/** ***PREPARED BY***

SAMPLE

THÀNH PHẦN THAM GIA XEM XÉT/*CONSIDERED PARTICIPANTS*:

TT/ *No*	HỌ VÀ TÊN/ *NAME*	CHỨC VỤ/ *POSITION*	ĐƠN VỊ/ *DEPARTMENT*	CHỮ KÝ/ *SIGNATURE*
1				
2				
3				
4				

TÓM TẮT SỬA ĐỔI TÀI LIỆU/*REVISION HISTORY*

LẦN SỬA/ ***REVISION NO.***	**NGÀY SỬA/** ***REVISION DATE***	**NỘI DUNG SỬA ĐỔI/** ***DESCRIPTION OF CHANGES***
		Ban hành lần đầu/*First issue*

I. MỤC ĐÍCH/*PURPOSE*

……..

II. PHẠM VI/ *SCOPE*

……..

III. TÀI LIỆU VIỆN DẪN/*REFERENCE*

Hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng của nhà sản xuất (Ghi rõ các tài liệu hướng dẫn)

IV. ĐỊNH NGHĨA VÀ VIẾT TẮT/*DEFINITIONS & ACRONYMS*

1. Định nghĩa/ *Definitions*

……..

2. Viết tắt/*Acronyms*

STT	Chữ viết tắt	Giải nghĩa
1	NV	Nhân viên
2	DVSD	Đơn vị sử dụng
3	QT	Quy trình

V. NỘI DUNG/*CONTENT*

1. Lưu đồ/*Flow chart*

Trách nhiệm	Lưu đồ	Tài liệu
- *Chủ trì:* Đơn vị thực hiện sản xuất + Đơn vị sử dụng + Tổ trưởng, Nhân viên vận hành - Phối hợp: Đơn vị sửa chữa, bảo dưỡng	Yêu cầu sản xuất	Mục 2
- *Chủ trì:* Đơn vị thực hiện sản xuất	Đọc kỹ tài liệu, hướng dẫn sử dụng	Mục 3
- *Chủ trì:* Đơn vị thực hiện sản xuất	Chuẩn bị công cụ, dụng cụ, vật tư phục vụ sản xuất	Mục 4
- *Chủ trì:* Đơn vị thực hiện sản xuất	Kiểm tra các điều kiện đầu vào thiết bị Không đạt Đạt	Mục 5
- *Chủ trì:* Đơn vị thực hiện sản xuất	Tiến hành sản xuất	Mục 6
- *Chủ trì:* Đơn vị thực hiện sản xuất	Tắt máy Dừng sản xuất	Mục 7

Giải thích mục (*) trong lưu đồ:

- Nếu vận hành lần đầu không đạt: Cần xác định nguyên nhân gốc → Đề xuất phương án xử lý → Tiến hành thử nghiệm lại.
- Nếu sửa chữa lần thứ hai không đạt: Báo cáo lên Chỉ huy đơn vị sử dụng và đơn vị bảo dưỡng, sửa chữa phối hợp xử lý.

2. Yêu cầu sản xuất

Xuất phát từ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, của Đơn vị sử dụng, có yêu cầu vận hành máy.

3. Đọc tài liệu hướng dẫn

Trước khi thực hiện vận hành, người vận hành cần đọc kĩ hướng dẫn vận hành cho máy và thực hiện đầy đủ tuần tự theo các bước trong hướng dẫn vận hành.

4. Chuẩn bị công cụ dụng cụ, vật tư

Đơn vị sử dụng, người vận hành thực hiện chuẩn bị đầy đủ các công cụ, dụng cụ, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ sử dụng máy đáp ứng yêu cầu sản xuất cụ thể.

5. Kiểm tra và vận hành thử

Người vận hành kiểm tra điều kiện trước khi vận hành theo Biểu mẫu kiểm tra hàng ngày (BM.01) trong Hướng dẫn bảo dưỡng của thiết bị.

6. Tiến hành sản xuất

Nhân viên vận hành tiến hành sử dụng máy, hướng dẫn sử dụng cơ bản theo các nội dung thực hiện theo Chương VI.

7. Tắt máy, dừng sản xuất.

Người vận hành tắt máy đúng hướng dẫn và tắt MCB cấp nguồn cho thiết bị.

VI. NỘI DUNG THỰC HIỆN/ *OPERATION CONTENT DETAIL*

STT	Nội dung công việc	Hình ảnh minh họa
	Ghi rõ từng nội dung, các bước thực hiện.	Sử dụng mũi tên, ký tự, ảnh để chỉ dẫn từng bước khi vận hành.

VII. TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM/*ATTACHMENTS FILE*

Không có

VIII. TÊN BIỂU MẪU/*FORMS*

Không có

IX. HỒ SƠ LƯU/*RECORDS*

Không có

CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU, DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với hợp đồng trọn gói)	Biểu mẫu đính kèm	X	
2	Mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá)		X	
3	Mẫu số 01C. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với hợp đồng hỗn hợp)		X	
4	Mẫu số 01D. Các dịch vụ liên quan		X	
5	Mẫu số 01E. Vật tư, phụ tùng thay thế		X	
6	Mẫu số 02A. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)			X
7	Mẫu số 02A.1. Bản cam kết tính hợp lệ (áp dụng với Nhà thầu là tổ chức)			X
8	Mẫu số 02B. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
9	Mẫu số 02B.1. Bản cam kết tính hợp lệ (áp dụng với Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
10	Mẫu số 02C. Văn bản thỏa thuận (áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
11	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
12	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)	Scan và đính kèm		X
13	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)			X
14	Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)	Biểu mẫu đính kèm		X
15	Mẫu số 05B. Kê khai năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)			X
16	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
17	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
18	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
19	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
20	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
21	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
22	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
23	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp			X
24	Mẫu số 11.1. Bảng tổng hợp giá dự thầu (Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)			X
25	Mẫu số 12.1A. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)			X
26	Mẫu số 12.1B. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)			X
27	Mẫu số 12.1C. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)			X
28	Mẫu số 13A. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan (áp dụng loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo đơn giá)			X
29	Mẫu số 13B. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan (áp dụng cho loại hợp đồng hỗn hợp)			X
30	Mẫu số 14A. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (Áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)			X
31	Mẫu số 14B. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (Áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu)			X
32	Mẫu số 15A. Bảng kê khai hàng hóa được hưởng ưu đãi			X
33	Mẫu số 15B. Bảng kê khai chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)			X

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
34	Mẫu số 15C. Bảng kê khai chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại việt nam)			X

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 01A

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

(Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Danh mục hàng hóa[1]	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa[2]	Yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa (nếu có)[3]	Địa điểm giao hàng	Ngày giao hàng[4]	
							Ngày giao hàng sớm nhất *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]*	Ngày giao hàng muộn nhất *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]*
1	Máy sốc	Cái	1	Đáp ứng tại chương III		Khu Công nghệ cao hòa lạc - TP Hà Nội	15/10/2027	01/11/2027
2	Máy phun bi	Cái	1	Đáp ứng tại chương III		Khu Công nghệ cao hòa lạc - TP Hà Nội	15/10/2027	01/11/2027
3	Máy cưa vòng bán tự động	Cái	1	Đáp ứng tại chương III		Khu Công nghệ cao hòa lạc - TP Hà Nội	15/10/2027	01/11/2027

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Ghi chú:

(1) Danh mục hàng hóa bao gồm các hạng mục hàng hóa, mỗi hạng mục hàng hóa tương ứng với khối lượng, đơn vị tính và các thông tin khác trong Bảng này. Trường hợp hàng hóa là các giải pháp, hệ thống, gồm nhiều cấu phần hàng hóa, thiết bị khác nhau, Chủ đầu tư xem xét quy định các cấu phần tại bảng này hoặc yêu cầu riêng làm cơ sở để nhà thầu chuẩn bị E-HSDT phù hợp với quy định tại mục Yêu cầu khác thuộc Chương III. Danh mục hàng hóa chi tiết này là căn cứ để xác định phạm vi công việc và giá trị phần nghĩa vụ của từng thành viên trong liên danh (nếu có); xác định giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng; phục vụ xuất hóa đơn, thực hiện các thủ tục nhập kho, ghi nhận tài sản theo quy định.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương III.

(3) Áp dụng trong các trường hợp theo quy định tại Mục 15.6 E-CDNT, chương I E-HSMT. Nhà thầu chào hàng hóa không có nhãn hiệu, xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT thì sẽ bị loại.

Ví dụ về nhóm nước, vùng lãnh thổ: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ...; Liên minh Châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), nhóm các nền kinh tế lớn G20, G8, G7...

Trường hợp Chủ đầu tư không yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ thì để trống nội dung này.

(4) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương III.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 01B

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Danh mục hàng hóa[(1)]	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa[(2)]	Yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa (nếu có)[(3)]	Địa điểm giao hàng	Ngày giao hàng[(4)]	
							Ngày giao hàng sớm nhất *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]*	**Ngày giao hàng muộn nhất** *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]*
1								
2								
…								
	Chi phí dự phòng		a%					

Ghi chú:

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026 - Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

(1) Danh mục hàng hóa bao gồm các hạng mục hàng hóa, mỗi hạng mục hàng hóa tương ứng với khối lượng, đơn vị tính và các thông tin khác trong Bảng này. Trường hợp hàng hóa là các giải pháp, hệ thống, gồm nhiều cấu phần hàng hóa, thiết bị khác nhau, Chủ đầu tư xem xét quy định các cấu phần tại bảng này hoặc yêu cầu riêng làm cơ sở để nhà thầu chuẩn bị E-HSDT phù hợp với quy định tại mục Yêu cầu khác thuộc Chương III. Danh mục hàng hóa chi tiết này là căn cứ để xác định phạm vi công việc và giá trị phần nghĩa vụ của từng thành viên trong liên danh (nếu có); xác định giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng; phục vụ xuất hóa đơn, thực hiện các thủ tục nhập kho, ghi nhận tài sản theo quy định.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương III.

(3) Áp dụng trong các trường hợp theo quy định tại Mục 15.6 E-CDNT, chương I E-HSMT. Nhà thầu chào hàng hóa không có nhãn hiệu, xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT thì sẽ bị loại.

Ví dụ về nhóm nước, vùng lãnh thổ: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ...; Liên minh Châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), nhóm các nền kinh tế lớn G20, G8, G7...

Trường hợp Chủ đầu tư không yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ thì để trống nội dung này.

(4) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương III.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 01C

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA
(áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

I. Danh mục hàng hóa áp dụng loại hợp đồng trọn gói

STT	Danh mục hàng hóa[(1)]	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa[(2)]	Yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa (nếu có)[(3)]	Địa điểm giao hàng	Ngày giao hàng[(4)]	
							Ngày giao hàng sớm nhất *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]*	**Ngày giao hàng muộn nhất** *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]*
1								
2								
…								

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

II. Danh mục hàng hóa áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá

STT	Danh mục hàng hóa(1)	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa(2)	Yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa (nếu có)(3)	Địa điểm giao hàng	Ngày giao hàng(4)	
							Ngày giao hàng sớm nhất *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]*	**Ngày giao hàng muộn nhất** *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]*
1								
2								
…								
	Chi phí dự phòng		a%					

Ghi chú:

(1) Danh mục hàng hóa bao gồm các hạng mục hàng hóa, mỗi hạng mục hàng hóa tương ứng với khối lượng, đơn vị tính và các thông tin khác trong Bảng này. Trường hợp hàng hóa là các giải pháp, hệ thống, gồm nhiều cấu phần hàng hóa, thiết bị khác nhau, Chủ đầu tư xem xét quy định các cấu phần tại bảng này hoặc yêu cầu riêng làm cơ sở để nhà thầu chuẩn bị E-HSDT phù hợp với quy định tại mục Yêu cầu khác thuộc Chương III. Danh mục hàng hóa chi tiết này là căn cứ để xác định phạm vi công việc và giá trị phần nghĩa vụ

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

của từng thành viên trong liên danh (nếu có); xác định giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng; phục vụ xuất hóa đơn, thực hiện các thủ tục nhập kho, ghi nhận tài sản theo quy định.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương III.

(3) Áp dụng trong các trường hợp theo quy định tại Mục 15.6 E-CDNT, chương I E-HSMT. Nhà thầu chào hàng hóa không có nhãn hiệu, xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT thì sẽ bị loại.

Ví dụ về nhóm nước, vùng lãnh thổ: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ...; Liên minh Châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), nhóm các nền kinh tế lớn G20, G8, G7...

Trường hợp Chủ đầu tư không yêu cầu về xuất xứ thì để trống nội dung này.

(4) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương III.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này.

Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56
096327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Mẫu số 01D

CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN [(1)]

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ[(2)]
1	Dịch vụ lắp đặt, nghiệm thu, hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng, bảo trì hàng hóa	01	Gói	Khu Công nghệ cao hòa lạc - TP Hà Nội	Trong vòng 70 ngày kể từ ngày Nhà thầu bàn giao hàng hóa cho Chủ đầu tư tại địa điểm do Chủ đầu tư chỉ định

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không yêu cầu dịch vụ liên quan thì Chủ đầu tư để trống Biểu này.

(2) "Ngày hoàn thành dịch vụ" phải hợp lý, phù hợp với "Ngày giao hàng" tại Mẫu số 01A, 01B, 01C.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 01E

VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ

(Áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư có yêu cầu cụ thể về vật tư, phụ tùng thay thế)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)

Ghi chú:

Chủ đầu tư điền các cột (1), (2), (3), (4) cho phù hợp với yêu cầu tại Mục 15.18 E-CDNT và Mục 4 Chương III.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 02A

ĐƠN DỰ THẦU[(1)]

(Áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)

Ngày:___ *[Nhà thầu điền thông tin]*

Tên gói thầu: ___ *[Nhà thầu điền thông tin]*

Kính gửi: ___ *[Tên Chủ Đầu tư]*

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ *[Nhà thầu điền thông tin]*, Mã số thuế: ___ *[Nhà thầu điền thông tin]* cam kết thực hiện gói thầu ____ *[Nhà thầu điền thông tin]* số E-TBMT:___ *[Nhà thầu điền thông tin]* theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ____ *[Nhà thầu điền]* cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là____ *[Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ *[Nhà thầu điền thông tin* (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT: ____ *[Nhà thầu điền thời gian hiệu lực của E-HSDT phù hợp với quy định tại Mục 17.1 E-CDNT]*

Bảo đảm dự thầu[*]: ___ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu phù hợp với quy định tại Mục 18.2 E-CNDT]*

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu[(2)]: ____ *[ghi thời gian hiệu lực của bảo đảm dự thầu phù hợp với quy định tại Mục 18.2 E-CDNT]*.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

[*] Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Mẫu số 02A.1

BẢN CAM KẾT TÍNH HỢP LỆ

(Kèm theo đơn dự thầu đối với Nhà thầu là tổ chức)

Ngày: ___

Tên gói thầu: [*Nhà thầu điền tên gói thầu*].

Kính gửi: [*Nhà thầu điền tên Chủ đầu tư*].

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___, Mã số thuế: ___ cam kết:

1. Có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; Đối với hộ kinh doanh: Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký thành lập, hoạt động; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; Đối với hộ kinh doanh: Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự [(1)];

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

5. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu của của Tổng Công ty hoặc của Tập đoàn, các Đơn vị thành viên của Tập đoàn tổ chức theo quy định của pháp luật về đấu thầu, quy định mua sắm thường xuyên, quy định, quy chế về lựa chọn nhà thầu của Tổng Công ty và của Tập đoàn; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

7. Có tên trong Danh sách ngắn đối với trường hợp đã lựa chọn được Danh sách ngắn.

8. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm Quy định LCNT khác khi tham dự gói thầu này;

9. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;

10. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

11. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT của E-HSMT;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống, trừ trường hợp bất khả kháng (2).

Ghi chú:

(1) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(2) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: "Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu, bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 9 của Quy định LCNT;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 44 của Quy định LCNT;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng."

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 02B

ĐƠN DỰ THẦU[(1)]

(Áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)

Ngày:___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Tên gói thầu: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Kính gửi: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ *[Đối với nhà thầu là cá nhân, Hệ thống tự động trích xuất tên cá nhân và mã số thuế của cá nhân; đối với nhà thầu là nhóm cá nhân, Hệ thống tự động trích xuất tên của các thành viên và mã số thuế theo Mẫu số 02C]* cam kết thực hiện gói thầu _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* số E-TBMT:___ *[Hệ thống tự động trích xuất]* theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là____ *[Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ *[Hệ thống tự động tính]* (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT: _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Bảo đảm dự thầu*: ___ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]*

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu[(2)]: _____ *[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]*

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 02B.1

BẢN CAM KẾT TÍNH HỢP LỆ

(Kèm theo đơn dự thầu đối với Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)

Ngày: ___

Tên gói thầu: [*Nhà thầu điền tên gói thầu*].

Kính gửi: [*Nhà thầu điền tên Chủ đầu tư*].

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___, Mã số thuế: ___ cam kết:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;

2. Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định;

3. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự [(1)];

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu của của Tổng Công ty hoặc của Tập đoàn, các Đơn vị thành viên của Tập đoàn tổ chức theo quy định của pháp luật về đấu thầu, quy định mua sắm thường xuyên, quy định, quy chế về lựa chọn nhà thầu của Tổng Công ty và của Tập đoàn; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm Quy định LCNT khác khi tham dự gói thầu này;

7. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;

8. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT của E-HSMT;

11. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống, trừ trường hợp bất khả kháng[(2)].

Ghi chú:

(1) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(2) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: "Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu, bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

khai tên chúng tôi trên Hệ thống, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;
- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 9 của Quy định LCNT;
- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 44 của Quy định LCNT;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng."

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 02C

VĂN BẢN THỎA THUẬN

(Áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)

Ngày:___ tháng___năm___

Căn cứ E-HSMT của gói thầu: _____ *[ghi tên gói thầu]* với số E-TBMT:__ *[ghi số thông báo mời thầu của gói thầu]*

Chúng tôi gồm có:

Thành viên thứ nhất:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu:_____Ngày cấp:_____Nơi cấp:_____

Mã số thuế:_____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Thành viên thứ hai:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu:_____Ngày cấp:_____Nơi cấp:_____

Mã số thuế:_____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Thành viên thứ n:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu:_____Ngày cấp:_____Nơi cấp:_____

Mã số thuế:_____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cá nhân với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện thành lập nhóm cá nhân để tham dự thầu gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc ____*[ghi tên Dự án/khoản đầu tư]* do ____*[ghi tên Chủ đầu tư]* tổ chức.

2. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tham gia độc lập hoặc liên danh với cá nhân khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, các thành viên cùng ký hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của nhóm từ chối hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong nhóm;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc ____*[ghi tên Dự án/khoản đầu tư]* như sau:

Phân công ____ *[ghi tên cá nhân]* làm thành viên đứng đầu nhóm, đại diện cho nhóm trong những phần việc sau:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số cá nhân để nộp E-HSDT cho cả nhóm.

[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả nhóm;

- Tham gia và ký các văn bản trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

Điều 3. Hiệu lực của văn bản thỏa thuận

1. Văn bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Văn bản thỏa thuận chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhóm cá nhân không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc ____ *[ghi tên Dự án/khoản đầu tư]* theo thông báo của Chủ đầu tư.

Văn bản thỏa thuận được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU NHÓM CÁ NHÂN *[ký, ghi rõ họ tên]*
CÁC THÀNH VIÊN THUỘC NHÓM CÁ NHÂN *[ký, ghi rõ họ tên]*

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH[(1)]

Ngày: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Gói thầu: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Thuộc Dự án/khoản đầu tư: ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ [(2)]____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ[(2)]____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ *Hệ thống tự động trích xuất]* với số E-TBMT:__ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất:____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai:___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n:____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu___ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc Dự án/khoản đầu tư ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ *[Ghi tên của liên danh]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc Dự án/khoản đầu tư ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ *[Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau[(3)]:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia và ký các văn bản quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây [(4)]:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh *(Hệ thống tự động trích xuất)*	- ___ - ___	- ___% - ___%
2	Tên thành viên thứ 2	- ___ - ___	- ___% - ___%
....	....	....	.....
Tổng cộng		**Toàn bộ công việc của gói thầu**	**100%**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc Dự án/khoản đầu tư ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH
[Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)]

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương này hoặc theo Bảng danh mục hàng hóa chi tiết theo yêu cầu của E-HSMT (nếu có) hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 04A

BẢO LÃNH DỰ THẦU[(1)]

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-CDNT]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ___ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là_____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu_____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc Dự án/khoản đầu tư____ *[ghi tên Dự án/khoản đầu tư]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong___ [(2)] ngày, kể từ ngày____ tháng___ năm___[(3)].

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết[(4)] sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu rút E-HSDT hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 9 của Quy định LCNT hoặc có hành vi khác dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 44 của Quy định LCNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CNDT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-CDNT.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56
396327_Doan Thi Hong Ngoc _ 14:23 12/03/2026
Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 04B

BẢO LÃNH DỰ THẦU[(1)]

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh):___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-CDNT]*

Ngày phát hành bảo lãnh:___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh:___*[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là____ *[ghi tên nhà thầu][(2)]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc Dự án/khoản đầu tư ____ *[ghi tên Dự án/khoản đầu tư]* theo Thư mời thầu/ E-TBMT số____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/ E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong___ [(3)] ngày, kể từ ngày____tháng___ năm___ [(4)].

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết[(5)] sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 9 của Quy định LCNT hoặc có hành vi khác dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 44 của Quy định LCNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ *[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]* vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu liên danh A + B";

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là "nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B +C)", trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là "Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)";

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **E-CDNT**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 05A

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN (1)

Tên nhà thầu: _____*[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	*[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]*		
Ngày ký hợp đồng	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Ngày hoàn thành	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Giá hợp đồng(3)	*[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]*		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	*[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]*	*[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]*	Tương đương ___ VND
Tên Dự án/khoản đầu tư:	*[ghi tên đầy đủ của Dự án/khoản đầu tư có hợp đồng đang kê khai]*		
Tên Chủ đầu tư:	*[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]*		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	*[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]* *[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]* *[ghi địa chỉ e-mail]*		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II(2)			
1. Loại hàng hóa	*[ghi thông tin trong hợp đồng]*		
2. Chủng loại, lĩnh vực hàng hóa	*[ghi thông tin chủng loại, lĩnh vực nếu có]*		
3. Mã HS	*[ghi thông tin về mã HS nếu có]*		
4. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện(3)	*[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]*		
5. Về quy mô thực hiện	*[ghi thông tin trong hợp đồng]*		
6. Các đặc tính khác	*[ghi các thông tin khác (nếu có)]*		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Mẫu số 05B

KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): ____ *[Điền số lượng nhà máy]*

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	*[Ghi tên nhà máy]*
Địa chỉ:	*[Ghi địa chỉ nhà máy]*
Tổng mức đầu tư:	*[Ghi tổng mức đầu tư]*
Công suất thiết kế:	*[Ghi công suất thiết kế]*
Công suất thực hiện:	*[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]*
Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu.	*[Ghi sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng]*
Tiêu chuẩn sản xuất:	*[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]*
Số lao động đang làm việc:	*[Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy]*

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa được kê khai trong Mẫu này.

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 06A

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại, nhà thầu sẽ bị coi là gian lận và bị xử lý theo quy định tại Điều 9 của Quy định LCNT.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	*[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]*	*[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]*
2		
…		

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 06B

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	**Tên**	**Căn cước công dân/Hộ chiếu**	**Vị trí**	**Ngày, tháng, năm sinh**	**Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn**	**Tên người sử dụng lao động**	**Địa chỉ của người sử dụng lao động**	**Chức danh**	**Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại**	**Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)**	**Điện thoại/ Fax/ Email**
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
…											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 06C

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN(1)

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	…	…	…
2				
…	…			

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026 Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 07

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, EPC, EP, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ (1)

Tên nhà thầu: _____
Ngày: _____
Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II			
☐ Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II. ☐ Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm___ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.			
Năm	**Phần việc hợp đồng không hoàn thành**	**Mô tả hợp đồng**	**Tổng giá trị hợp đồng** (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 08

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU[(1)]

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ____ *(nhà thầu điền nội dung này)*		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT		
	Năm 1:	**Năm 2:**	**Năm 3:**
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) [(2)]			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình thương thảo hợp đồng như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Mẫu số 09A

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ[(1)]

(chỉ áp dụng đối với dịch vụ liên quan)

STT	Tên nhà thầu phụ[(2)]	Phạm vi công việc[(3)]	Khối lượng công việc[(4)]	Giá trị % ước tính[(5)]	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ[(6)]
1					
2					
3					
4					
…					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ liên quan thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "Phạm vi công việc". Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT; trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 09B

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU(1)

STT	Tên công ty con, công ty thành viên(2)	Công việc đảm nhận trong gói thầu(3)	Giá trị % so với giá dự thầu(4)	Ghi chú
1				
2				
…				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 10

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP(*)

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm giao hàng	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]*
					Ngày giao hàng sớm nhất *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]*	**Ngày giao hàng muộn nhất** *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]*	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
…							

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7): Nhà thầu điền tương ứng với Mẫu số 01A hoặc 01B hoặc 01C.

Cột (8): Nhà thầu điền

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

(*) *Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.*

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56
396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Mẫu số 11.1

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)

I. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	*(M)* *[Kết chuyển từ Mẫu 12.1A]*
2	Dịch vụ liên quan	*(I)* *[Kết chuyển từ Mẫu 13A]*
	Tổng cộng giá dự thầu *(Kết chuyển sang đơn dự thầu)*	***(M) + (I)***

II. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	*(M)* *[Kết chuyển từ Mẫu 12.1B]*
2	Dịch vụ liên quan	*(I)* *[Kết chuyển từ Mẫu 13A]*
3	Chi phí dự phòng	*(C)=a% x ((M)+(I))*
	Tổng cộng giá dự thầu *(Kết chuyển sang đơn dự thầu)*	***(M) + (I) + (C)***

III. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp

STT	Nội dung	Giá dự thầu
I	**Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng trọn gói**	***(G1)***

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

1.1	Giá hàng hóa	*(M1)* *[Kết chuyển từ Mẫu 12.1C]*
1.2	Dịch vụ liên quan	*(I1)* *[Kết chuyển từ Mẫu 13B]*
II	**Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá**	***(G2)***
2.1	Giá hàng hóa	*(M2)* *[Kết chuyển từ Mẫu 12.1C]*
2.2	Dịch vụ liên quan	*(I2)* *[Kết chuyển từ Mẫu 13B]*
2.3	Chi phí dự phòng	*(C)=a% ((M2)+(I2))*
	Tổng cộng giá dự thầu *(Kết chuyển sang đơn dự thầu)*	***(G1) + (G2)***

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 12.1A

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

(áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu *(đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))*	Thành tiền *đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)=(10)x(11)*
	Hàng hóa thứ 1						-				*M1*
	....						-				
	Hàng hóa thứ n						-				*Mn*
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)											**(M)**

Ghi chú:

(1), (2), (9), (10): Nhà thầu điền tương ứng với Mẫu số 01A hoặc 01B hoặc 01C;

(3), (4), (5), (6), (7), (8), (11), (12): Nhà thầu điền. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 12.1B

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

(áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu *(đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))*	Thành tiền *đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)=(10)x(11)*
	Hàng hóa thứ 1										*M1*
	....										
	Hàng hóa thứ n										*Mn*
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)											**(M)**

Ghi chú:

(1), (2), (9), (10): Nhà thầu điền tương ứng với Mẫu số 01A hoặc 01B hoặc 01C;

(3), (4), (5), (6), (7), (8), (11), (12): Nhà thầu điền. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 12.1C

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

(áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)

I. Hàng hóa áp dụng loại hợp đồng trọn gói

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu *(đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))*	Thành tiền *đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)=(10)x(11)*
	Hàng hóa thứ 1										
	….										
	Hàng hóa thứ n										
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)											**(M1)**

Ghi chú:

(1), (2), (9), (10): Nhà thầu điền tương ứng với Mẫu số 01A hoặc 01B hoặc 01C;

(3), (4), (5), (6), (7), (8), (11), (12): Nhà thầu điền. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

II. Hàng hóa áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ *(quốc gia, vùng lãnh thổ)*	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu *(đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))*	Thành tiền *đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)=(10)x(11)*
	Hàng hóa thứ 1										*M1*
	....										
	Hàng hóa thứ n										*Mn*
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)											**(M2)**

Ghi chú:

(1), (2), (9), (10): Nhà thầu điền tương ứng với Mẫu số 01A hoặc 01B hoặc 01C;

(3), (4), (5), (6), (7), (8), (11), (12): Nhà thầu điền. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 13A

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

(áp dụng loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo đơn giá)

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (Cột 3x7)
1							
2							
..							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							**(I)**

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Nhà thầu điền tương ứng với Mẫu số 01D.
- Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).
- Cột (8): Nhà thầu tự tính.

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tổng Giám đốc Nguyen The Nhiệt đã ký, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Mẫu số 13B

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

(áp dụng cho loại hợp đồng hỗn hợp)

I. Dịch vụ liên quan theo loại hợp đồng trọn gói

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 3x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
..							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							**(I1)**

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Nhà thầu điền tương ứng với Mẫu số 01D.
- Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).
- Cột (8): Nhà thầu tự tính.

396327_Doan Thi Hong Ngoc 14:23 12/03/2026
Tổng Giám đốc Nguyen The Nghia đã ký, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

II. Dịch vụ liên quan theo loại hợp đồng theo đơn giá

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 3x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
..							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							**(I2)**

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Nhà thầu điền tương ứng với Mẫu số 01D.
- Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).
- Cột (8): Nhà thầu tự tính.

396327_Doan Thi Hong Ngoc _ 14:33:29 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:33:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 14A

BẢNG GIÁ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ

(Áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ	Nhà cung cấp	Đơn giá	Thành tiền (đã bao gồm thuế) (cột 4x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng *(Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)*							

Ghi chú:

- Nhà thầu điền các cột từ (1) đến (8). Nhà thầu phải đề xuất và chào giá cho các vật tư, phụ tùng thay thế theo hướng dẫn tại Mục 15.8 E-CDNT và Mục 4 Chương II.

- Tổng chi phí của các vật tư, phụ tùng thay thế nêu trên sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để phục vụ việc so sánh E-HSDT, xếp hạng nhà thầu và là cơ sở để Chủ đầu tư mua sắm trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế theo đúng cam kết với giá không vượt giá đề xuất tại Bảng này trong quá trình thực hiện hợp đồng.

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 14B

BẢNG GIÁ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ

(Áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ	Nhà cung cấp	Đơn giá	Thành tiền (đã bao gồm thuế) (cột 4x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng *(Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)*							

Ghi chú:

- Các cột (1), (2), (3), (4): Nhà thầu điền tương ứng với Mẫu số 01E.
- Nhà thầu điền vào các cột (5), (6), (7), (8).
- Tổng chi phí của các vật tư, phụ tùng thay thế nêu trên sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để phục vụ việc so sánh E-HSDT, xếp hạng nhà thầu và là cơ sở để Chủ đầu tư mua sắm trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế theo đúng cam kết với giá không vượt giá đề xuất tại Bảng này trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 15A

BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI[(1)]

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa có xuất xứ Việt Nam	Kê khai chi phí trong nước	
			Theo Mẫu 15B	Theo Mẫu 15C
	(1)	(2)	(3)	(4)
1	*Hàng hóa thứ 1*	□	□	□
2	*Hàng hóa thứ 2*	□	□	□
...	...			
n	*Hàng hóa thứ n*	□	□	□

Ghi chú:

(1): Nhà thầu điền từ Mẫu số 12.1.

(2), (3), (4): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng với từng loại hàng hóa. Nhà thầu chọn cách kê khai chi phí sản xuất trong nước theo Mẫu số 15B (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại) hoặc Mẫu số 15C (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam).

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 15B

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

(trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT	Giá trị thuế các loại	Kê khai các chi phí nhập ngoại	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	(III)	G* = (I) – (II) – (III)	D(%)=G*/G Trong đó G = (I) – (II)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	*Hàng hóa thứ 1*					
2	*Hàng hóa thứ 2*					
...	*...*					
n	*Hàng hóa thứ n*					

Ghi chú:

(1): Nhà thầu kê khai các hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

(2): Nhà thầu điền đơn giá mà nhà thầu đã chào (đơn giá bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

(3), (4): Nhà thầu tự kê khai.

(5), (6): Nhà thầu tự tính.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 15C

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI[(1)]

(trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)

STT	Tên hàng hóa	Giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa (G)	Chi phí sản xuất trong nước (G*)	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước D(%)=G*/G
	(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**
1	*Hàng hóa thứ 1*			
2	*Hàng hóa thứ 2*			
...	*...*			
n	*Hàng hóa thứ n*			

Ghi chú:

(1) Nhà thầu kê khai các hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

(2) (3) (4) Nhà thầu kê khai và tính toán.

96327_Doan Thi Hong Ngoc_14:2...12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56
96327_Doan Thi Hong Ngoc_14:...
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:...

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

CHƯƠNG V. HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

I. Điều kiện hợp đồng

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại **Hợp đồng**; 1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. "Nhà thầu" là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **Hợp đồng**; 1.4. "Nhà thầu phụ" là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện dịch vụ liên quan; 1.5. "Tài liệu hợp đồng" là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. "Giá hợp đồng" giá trị ghi trong hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. "Ngày" là ngày dương lịch; "năm" là 365 ngày; 1.8. "Hàng hóa" gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại.; 1.9. "Dịch vụ liên quan" bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, tích hợp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ…; 1.10. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.11. "Địa điểm giao hàng" là: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc- Hà Nội. 1.12 "Thời gian thực hiện hợp đồng" được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng (ngoại trừ các nghĩa vụ quy định tại Điều 6 của Văn bản hợp đồng).
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	Tất cả các tài liệu sau đây (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau và được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: 1. Văn bản hợp đồng kèm theo các Phụ lục hợp đồng; Phụ lục 1: Danh mục hàng hóa, dịch vụ và giá cả Phụ lục 2: Phụ lục về kỹ thuật (chỉ tiêu kỹ thuật, mô tả hàng hóa,

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	catalog,…) Phụ lục 3: Phụ lục về nghiệm thu hàng hóa 2. Điều kiện Hợp đồng; 3. Biên bản thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có); 4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 5. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; 6. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có); 7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có); 8. Các tài liệu khác (nếu có)
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Thông báo	4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thuật ngữ "bằng văn bản" có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin. Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: Ông Nguyễn Thế Nghĩa Chức vụ: Tổng Giám đốc - Địa chỉ: Thôn An Bình - Xã An Khánh - Hà Nội - Điện thoại: 024.626.503.65 - Fax: 024.626.503.65 - Địa chỉ email: vmc_thau@viettel.com.vn 4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	Chậm nhất tại thời điểm hợp đồng có hiệu lực Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư một (01) bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được cấp bởi một ngân hàng uy tín của Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Bảo đảm được thực hiện bằng cách phát hành bảo lãnh ngân hàng vô điều kiện, không hủy ngang theo "Mẫu Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng" của Ngân hàng và được Chủ đầu tư chấp thuận, giá trị bằng 5% giá hợp đồng và hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ba mươi (30) ngày sau ngày Chứng nhận nghiệm thu kỹ thuật (TAC) được ký và đóng dấu bởi Chủ đầu tư, và Chủ đầu tư đã nhận được bảo lãnh bảo hành có hiệu lực. Mọi chi phí liên quan tới bảo đảm do Nhà thầu chịu. Trong mọi trường hợp, nếu Bảo đảm thực hiện Hợp đồng hết hiệu lực trước ngày Chứng nhận nghiệm thu kỹ thuật (TAC) thì Nhà thầu sẽ có trách nhiệm gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo đảm thêm tối thiểu một (01) tháng cho mỗi lần gia hạn hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Mọi chi phí liên quan đến việc gia hạn bảo đảm

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	sẽ do Nhà thầu chịu. Bảo đảm là vô điều kiện và không hủy ngang (trả tiền khi có yêu cầu) theo mẫu quy định tại E-HSMT hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ Đầu tư trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng. 5.3. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hết hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ tự động được giải tỏa sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày Chứng nhận nghiệm thu kỹ thuật (TAC) được ký và đóng dấu bởi Chủ đầu tư và Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh bảo hành có hiệu lực theo quy định tại Mục 14 Điều kiện Hợp đồng dưới đây.
6. Ký hợp đồng thầu phụ	6.1. Danh sách nhà thầu phụ: Không có Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trên để thực hiện dịch vụ liên quan nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ Đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ Đầu tư chấp thuận; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu. 6.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.
7. Giải quyết tranh chấp	7.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng. 7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng trong thời gian: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế như sau: Các bên có quyền đưa tranh chấp ra tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội theo quy định của pháp luật để giải quyết. Mọi án phí và các chi phí liên quan khác của Bên còn lại sẽ do Bên thua kiện chịu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

8. Phạm vi cung cấp	Hàng hóa và dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo phạm vi cung cấp như sau: Theo quy định tại Biểu mẫu 01A và 01D.
9. Tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	9.1. Tiến độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có): Theo quy định tại Chương III 9.2. Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây: a. [Đối với hàng hóa nhập khẩu] Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu hoặc nước thứ ba phát hành: 01 bản gốc và 01 bản sao chứng thực; hoặc 02 bản sao chứng thực. Đối với C/O được cấp dưới dạng điện tử, C/O cần phải xác minh được thông tin trên trang web của cơ quan có thẩm quyền cấp C/O: 02 bản sao; b. [Đối với hàng hóa sản xuất trong nước] Giấy chứng nhận xuất xưởng do nhà sản xuất phát hành: 01 bản gốc và 01 bản sao chứng thực; hoặc 02 bản sao chứng thực; c. Hóa đơn GTGT cho toàn bộ hàng hóa và dịch vụ (nếu có): theo quy định của pháp luật; d. Phiếu đóng gói chi tiết (Packing list) do nhà sản xuất hoặc nhà thầu phát hành: 01 bản gốc; e. Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) do nhà sản xuất hoặc đại diện của nhà sản xuất cấp: 01 bản gốc và 01 bản sao chứng thực; hoặc 02 bản sao chứng thực. Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.
10. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có) trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 Điều kiện Hợp đồng và theo tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 Điều kiện Hợp đồng.
11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	11.1. Loại hợp đồng: Trọn gói 11.2. Giá hợp đồng: Cố định, là toàn bộ chi phí để hoàn thành việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.
12. Thuế, phí, lệ phí	12.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư. 12.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho Nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí. 12.3. Điều chỉnh thuế: Được phép
13. Tạm ứng	13.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	quy định tại Mục 13.2 dưới đây, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. 13.2. Tạm ứng: 30% giá Hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh tạm ứng bằng giá trị tạm ứng của Chủ đầu tư cho Nhà thầu với điều kiện Hợp đồng đã được ký kết bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên và Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng. Toàn bộ số tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách khấu trừ vào thanh toán đợt 1. Trước khi thực hiện tạm ứng, Nhà thầu có trách nhiệm gửi Công văn Đề nghị tạm ứng cho Chủ đầu tư trước thời hạn thanh toán 02 tuần. Trường hợp Nhà thầu chậm trễ trong việc gửi Công văn thì Chủ đầu tư có quyền trì hoãn việc tạm ứng với thời gian tương ứng. Nhà thầu có trách nhiệm nộp 1 bảo lãnh tạm ứng với giá trị bằng với khoản tạm ứng theo mẫu được Chủ đầu tư chấp thuận. Bảo lãnh tạm ứng phải được cấp bởi một ngân hàng uy tín của Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Bảo lãnh được thực hiện bằng cách phát hành bảo lãnh ngân hàng vô điều kiện, không hủy ngang theo như "Mẫu Bảo lãnh tạm ứng" của Ngân hàng và được Chủ đầu tư chấp thuận. Bảo lãnh sẽ có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng đến ngày Nhà thầu giao đầy đủ hàng theo hợp đồng và được Chủ đầu tư đánh giá đạt chất lượng cộng thêm 15 ngày hoặc đến khi đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng sẽ được trả lại Nhà thầu hoặc sẽ được tự động giải tỏa trong vòng 10 ngày kể từ ngày hết hiệu lực của Bảo lãnh. Nếu Nhà thầu không thực hiện Hợp đồng hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư thì số tiền Bảo lãnh đó sẽ phải được trả ngay cho Chủ đầu tư khi có yêu cầu của Chủ đầu tư. Tất cả các chi phí đối với việc Bảo lãnh này phải do Nhà thầu chịu. 13.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm đảm bảo rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng.
14. Thanh toán	14.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Điều 9 Điều kiện Hợp đồng và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	14.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định dưới đây: Phương thức thanh toán: Thanh toán theo hình thức chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam vào tài khoản chính thức của Nhà thầu được quy định tại phần đầu của Hợp đồng. (Trường hợp sử dụng một tài khoản khác hoặc ký Hợp đồng với liên danh các nhà thầu thì phải nêu rõ tài khoản nhận thanh toán tại Điều này) Đợt 1: Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán 70% giá trị Hợp đồng trừ đi giá trị tạm ứng 30% giá Hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được Công văn đề nghị thanh toán đợt 1 của Nhà thầu với điều kiện hai bên ký Biên bản bàn giao hàng hóa tổng thể. Đợt 2: Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng trong vòng 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được Công văn đề nghị thanh toán đợt 2 của Nhà thầu với điều kiện hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng đồng thời Nhà thầu bàn giao đầy đủ chứng từ, tài liệu theo quy định tại Hợp đồng. Trước mỗi đợt thanh toán và khi Nhà thầu đã thực hiện tất cả các nghĩa vụ của hợp đồng tính đến thời điểm thanh toán đó, Nhà thầu có trách nhiệm gửi Công văn Đề nghị thanh toán cho Chủ đầu tư trước thời hạn thanh toán 02 tuần. Trường hợp Nhà thầu chậm trễ trong việc gửi Công văn thì thời hạn thanh toán được xác định kể từ thời điểm Nhà thầu cung cấp Công văn theo quy định. Nhà thầu cam kết không hủy ngang tài khoản thanh toán trong suốt quá trình thực hiện. 14.3. Đồng tiền thanh toán là VND.
15. Quyền sở hữu trí tuệ	Quyền sở hữu trí tuệ đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Chủ đầu tư một cách trực tiếp hoặc thông qua Nhà thầu bởi một bên thứ ba thì quyền sở hữu trí tuệ đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó.
16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	16.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu,

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	dữ liệu hoặc thông tin đó. 16.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. 16.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 Điều kiện Hợp đồng không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. 16.4. Nhà thầu cam kết không được sử dụng kết quả lựa chọn nhà thầu và hợp đồng của gói thầu để làm hợp đồng tương tự và điều kiện năng lực khi tham gia dự thầu các gói thầu khác của Chủ đầu tư khác; trường hợp bắt buộc phải chứng minh năng lực bằng các hợp đồng tương tự có yêu cầu bảo mật thì nhà thầu phải báo cáo và được Chủ đầu tư cho phép bằng văn bản. 16.5. Các quy định tại Mục 16 Điều kiện Hợp đồng không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ. 16.6. Các quy định tại Mục 16 Điều kiện Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục 2 Hợp đồng; nếu tại Phụ lục 3 Hợp đồng không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.
18. Đóng gói hàng hoá	18.1. Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm giao hàng theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh,

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng. 18.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm các chỉ dẫn của Chủ đầu tư và các yêu cầu như sau: Hàng hóa khi giao phải được đóng gói nguyên đai, nguyên kiện, không móp méo. Hàng hóa phải được dán nhãn theo đúng quy định của pháp luật. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp hàng hóa có số serial cho toàn bộ thiết bị (chi tiết đến từng bộ phận có thể tháo rời). Số serial kèm theo mã vạch phải được dán ra phía ngoài ở mặt trước của các thiết bị để thuận tiện cho việc kiểm tra, thống kê của Chủ đầu tư.
19. Bảo hiểm	Trừ trường hợp có quy định khác, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định như sau: Nhà thầu chịu mọi chi phí và trách nhiệm liên quan tới bảo hiểm hàng hóa cho tới khi hàng hóa được giao xong cho Chủ đầu tư.
20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	20.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm giao hàng. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm giao hàng, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng 20.2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây: Chi tiết theo quy định tại Chương III 20.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu thương thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt quá mức giá mà Nhà thầu áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các hợp đồng khác.
21. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa	21.1. Nhà thầu phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra đối với hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại **Phụ lục 3 Hợp đồng** và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra. 21.2. Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác địa điểm giao hàng, hoặc địa điểm giao hàng hoặc bất kỳ địa điểm nào khác theo quy định tại **Phụ lục 3 Hợp đồng**. Theo quy định tại Mục 21.3 Điều kiện Hợp đồng, trường hợp tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác thì

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	cán bộ kiểm tra phải được cung cấp tất cả phương tiện và hỗ trợ cần thiết, kể cả việc tiếp cận bản vẽ và dữ liệu sản xuất; Chủ đầu tư không phải chịu bất kỳ chi phí nào cho các phương tiện và hỗ trợ này. 21.3. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra quy định tại Mục 21.2 Điều kiện Hợp đồng, với điều kiện là Chủ đầu tư chịu tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc tham dự, bao gồm cả chi phí đi lại, lưu trú. 21.4. Trước khi tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm tra, thử nghiệm. Trường hợp phải được sự chấp thuận của bên thứ ba hoặc nhà sản xuất để Chủ đầu tư tham gia kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải có văn bản đồng ý của các bên liên quan này. 21.5. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tiến hành thử nghiệm, kiểm tra ngoài hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo hợp đồng, Chủ đầu tư xem xét điều chỉnh ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng. 21.6. Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư báo cáo kết quả của tất cả các thử nghiệm, kiểm tra. 21.7. Chủ đầu tư có quyền từ chối bất kỳ hàng hóa, bộ phận hàng hóa nào không đáp ứng yêu cầu trong các buổi kiểm tra, thử nghiệm hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng. Nhà thầu phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 21.4 Điều kiện Hợp đồng. 21.8. Việc Nhà thầu thực hiện thử nghiệm, kiểm tra hàng hóa, bộ phận hàng hóa, việc Chủ đầu tư hay đại diện của Chủ đầu tư tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra, hay việc báo cáo kết quả thử nghiệm, kiểm tra theo quy định tại Mục 21.6 Điều kiện Hợp đồng, không miễn trừ cho Nhà thầu nghĩa vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.
22. Phạt và	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định như

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

bồi thường thiệt hại	sau: 22.1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng 1.1. Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 Điều kiện hợp đồng, nếu Nhà thầu không thể giao hàng, cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1% giá trị của phần hàng hóa/dịch vụ chậm cung cấp nếu giao hàng hóa chậm/dịch vụ chậm cung cấp đủ 07 ngày và 0,2% giá trị của phần hàng hóa/dịch vụ chậm cung cấp với mỗi ngày chậm trễ tính từ ngày thứ 8 trở đi. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ vào giá Hợp đồng đến 8% tổng giá trị phần nghĩa vụ vi phạm và/ hoặc yêu cầu Nhà thầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và hợp đồng (nếu có). Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 Điều kiện hợp đồng. 1.2. Trong trường hợp hàng hóa (gồm cả trường hợp đã bổ sung hoặc thay thế) không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của Hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt toàn bộ hoặc một phần của Hợp đồng, Nhà thầu phải chịu phạt 8% tổng giá trị Hợp đồng/ phần giá trị Hợp đồng bị chấm dứt. 1.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chậm trễ trong việc phối hợp thực hiện hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền gia hạn, điều chỉnh thời gian giao hàng, thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trễ do lỗi của Chủ đầu tư. 1.4. Ngoại trừ các trường hợp phạt vi phạm đã nêu trên tại Hợp đồng, trường hợp Nhà thầu vi phạm bất kì nghĩa vụ, cam kết, bảo đảm nào theo quy định của Hợp đồng thì Nhà thầu phải chịu phạt 8% phần giá trị Hợp đồng bị vi phạm. Trường hợp không xác định được giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm thì Nhà thầu phải chịu phạt 8% tổng giá trị Hợp đồng. Giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm được tính trên giá Hợp đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. 22.2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Trong trường hợp vi phạm hợp đồng, bên vi phạm hợp đồng có trách nhiệm bồi thường cho bên còn lại toàn bộ thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật. Chi phí bồi thường thiệt hại bao gồm nhưng không hạn chế ở doanh thu, thu nhập bị mất, các chi phí vận chuyển, đi lại, ăn ở của

Tổng Giám đốc Nguyễn The Nghia đã ký, 12/03/2026 14:23 12/03/2026 Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026 396327_Doan Thi Hong Ngoc

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	nhân viên, chi phí thay thế Hàng hóa, chi phí giám định rủi ro, chi phí luật sư. Mức bồi thường thiệt hại sẽ căn cứ theo thiệt hại phát sinh.
23. Bảo hành	23.1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu. 23.2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam. 23.3. Thời hạn bảo hành và địa điểm áp dụng bảo hành quy định như sau: –Thời hạn bảo hành là: 720 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư ký "Chứng nhận nghiệm thu kỹ thuật (TAC)". Trong trường hợp hàng hóa có sự cố, Nhà thầu có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật liên hệ với Chủ đầu tư không muộn hơn 04 tiếng kể từ khi Chủ đầu tư thông báo bằng điện thoại/email để khắc phục sự cố tại địa điểm lắp đặt của Chủ đầu tư. Thời gian phản hồi hoặc xử lý sự cố là 48 giờ. Nếu sự cố không khắc phục được tại địa điểm của Chủ đầu tư thì Nhà thầu có trách nhiệm sửa chữa/thay thế hàng hóa mới trong vòng 07 ngày kể từ ngày Nhà thầu nhận được thông báo bằng điện thoại/email của Chủ đầu tư. Để đảm bảo cho hoạt động bình thường của Chủ đầu tư, trong thời gian chờ sửa chữa/thay thế, Nhà thầu có trách nhiệm cho Chủ đầu tư mượn thành phần/ bộ phận/chi tiết tương đương với thành phần/ bộ phận/ chi tiết đang chờ sửa chữa/ thay thế trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo bằng điện thoại/email của Chủ đầu tư. Trong thời gian bảo hành, nếu hàng hóa có sự cố mà Nhà thầu không cử cán bộ đến khắc phục sự cố kịp thời hoặc không hoặc chậm bổ sung/thay thế hàng hóa mới/tương đương làm ảnh hưởng tới hoạt động của hệ thống của Chủ đầu tư thì Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo Mục 22 Điều kiện của Hợp đồng. Hàng hóa được sửa chữa/thay thế trong thời gian bảo hành sẽ được bảo hành tiếp trong thời gian bằng 1/2 thời gian bảo hành ban đầu kể từ ngày sửa chữa/thay thế hoặc từ ngày sửa chữa/thay thế đến hết thời hạn bảo hành như quy định tại điều này, tuỳ trường hợp nào dài hơn, chi tiết theo phụ lục đính kèm. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ mọi quy tắc bảo hành. Nếu các lỗi do Chủ đầu tư gây ra như phá vỡ niêm phong bảo hành, dùng không đúng quy trình kỹ thuật, hoặc các lỗi xảy ra ngoài thời gian bảo hành thì Nhà thầu vẫn phải có trách nhiệm sửa chữa bảo hành

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	thiết bị trong khoảng thời gian như quy định nhưng chi phí sẽ do Chủ đầu tư chịu. Chi phí hàng hóa thay thế không cao hơn đơn giá quy định trong Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Giá sửa chữa và linh phụ kiện thay thế không được vượt quá 20% so với đơn giá hàng hóa mới trong Hợp đồng. Chi phí gửi hàng lỗi đi do Chủ đầu tư chịu, chi phí nhận hàng về do Nhà thầu chịu. Nhà thầu phải cam kết cung cấp các vật tư thay thế cho công việc bảo trì, sửa chữa, hàng hóa của hợp đồng trong vòng 05 năm kể từ ngày ký Hợp đồng. Ngoài các nghĩa vụ về bảo hành thiết bị như quy định ở điều này, Nhà thầu còn có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật từ xa với thời gian 24/7 trong suốt thời gian bảo hành như quy định nếu được Chủ đầu tư yêu cầu. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày ngày kể từ ngày ký "Chứng nhận nghiệm thu kỹ thuật (TAC)", Nhà thầu phải xuất trình cho Chủ đầu tư một (01) Bảo lãnh Bảo hành có giá trị tối thiểu là 5% tổng giá trị Hợp đồng và có hiệu lực đến hết một tháng sau khi hết hạn bảo hành. Bảo lãnh Bảo hành phải được cấp bởi một ngân hàng uy tín của Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Bảo lãnh Bảo hành phải được phát hành dưới dạng bảo lãnh ngân hàng vô điều kiện, không hủy ngang theo mẫu "Mẫu Bảo lãnh Bảo hành" của Ngân hàng hoặc theo mẫu được Chủ đầu tư chấp thuận. Bảo lãnh Bảo hành sẽ được trả lại Nhà thầu hoặc được tự động được giải toả trong vòng 10 ngày kể từ ngày hết hiệu lực của Bảo lãnh. Nếu Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ bảo hành theo Hợp đồng mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư thì số tiền Bảo lãnh đó sẽ phải được trả ngay cho Chủ đầu tư khi có yêu cầu của Chủ đầu tư. Tất cả các chi phí đối với việc Bảo lãnh này phải do Nhà thầu chịu. Một tháng trước ngày hết hạn Bảo lãnh, nếu có bất cứ số tiền phạt nào mà Nhà thầu chưa thanh toán, Chủ đầu tư có trách nhiệm kéo dài thời gian hiệu lực của Bảo lãnh thêm 03 tháng. Bảo lãnh chỉ được giải tỏa nếu tất cả số tiền phạt đã được Nhà thầu thanh toán. - Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc– Thành phố Hà Nội. 23.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	23.5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại Mục 23.3 Điều kiện Hợp đồng và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế. 23.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại Mục 23.3 Điều kiện Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Chủ đầu tư tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo hợp đồng.
24. Bồi thường vi phạm quyền sở hữu trí tuệ	24.1. Với điều kiện là Chủ đầu tư tuân thủ Mục 24.2 Điều kiện Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Chủ đầu tư và nhân sự của Chủ đầu tư không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới: a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà thầu thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam; b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa. Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng. 24.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với Chủ đầu tư liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 24.1 Điều kiện Hợp đồng, Chủ đầu tư có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà thầu. Nhà thầu có thể nhân danh Chủ đầu tư giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan. 24.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trường hợp Nhà thầu không thông báo cho Chủ đầu tư về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Chủ đầu tư sẽ tự giải quyết. 24.4. Trường hợp được yêu cầu, Chủ đầu tư hỗ trợ Nhà thầu giải

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà thầu hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh. 24.5. Chủ đầu tư có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà thầu, nhà thầu phụ, nhân sự của Nhà thầu không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Chủ đầu tư hoặc thay mặt Chủ đầu tư.
25. Thay đổi liên quan đến pháp lý	Trừ trường hợp có quy định khác tại hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của nhà thầu khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại Mục 11 Điều kiện Hợp đồng.
26. Bất khả kháng	26.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. 26.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế. 26.3. Trong hợp đồng này, sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. 26.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia các bằng chứng xác thực về sự kiện bất khả kháng đó và chứng minh bên đó đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép nhưng không thể khắc phục được. Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng. 26.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.
27. Sửa đổi hợp đồng	27.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng: a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư; b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; c) Thay đổi địa điểm giao hàng; d) Thay đổi dịch vụ liên quan. đ) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28 Điều kiện Hợp đồng. 27.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 27.1 Điều kiện Hợp đồng làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng. 27.3. Trường hợp Nhà thầu cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số… tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	hóa Nhà thầu đề xuất trong E-HSDT và đáp ứng yêu cầu E-HSMT thì Nhà thầu phải thông báo trước bằng văn bản cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi. 27.4. Trường hợp cần thực hiện các dịch vụ liên quan chưa nêu trong hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu tiến hành thương thảo, bảo đảm đơn giá phù hợp giá cả thị trường. 27.5. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng. 27.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây: a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết; b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu; c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng. 27.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các chức năng cần thiết của hàng hóa: a) Rút ngắn thời gian giao hàng; b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư; c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của hàng hóa trong hợp đồng; d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư. Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ: 0% giá trị giảm giá hợp đồng. Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.
28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	28.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 Điều kiện Hợp đồng, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà thầu,

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

	Chủ đầu tư phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng. 28.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 26 Điều kiện Hợp đồng, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ liên quan chậm có nghĩa vụ chịu phạt và bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 22 Điều kiện Hợp đồng.
29. Chấm dứt hợp đồng	29.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau: (i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 28 Điều kiện Hợp đồng; (ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng; (iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi vi phạm trong lựa chọn nhà thầu như quy định tại Quy chế LCNT hiện hành của Tập đoàn trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng; b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a khoản này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phụ trội phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt. 29.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu và không phải chịu bất kỳ trách nhiệm bồi thường nào. Nhà thầu có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, thiết bị, sản phẩm, tài sản được bàn giao từ hợp đồng (nếu có) trong vòng bảy (07) ngày từ ngày nhận thông báo. Quyền của Chủ đầu tư theo điều này không ảnh hưởng đến quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại và các biện pháp khắc phục khác theo hợp đồng và pháp luật.

Tổng Giám đốc Nguyễn The Nghĩa đã ký, 12/03/2026 14:23 12/03/2026 Doan Thi Hong Ngoc _ 14:23 12/03/2026 _ 0396327

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

30. Hạn chế xuất khẩu	Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà thầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thực hiện dịch vụ và không phải chịu phạt theo Mục 22 Điều kiện Hợp đồng với điều kiện là Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể lựa chọn gia hạn thời gian giao hàng hoặc chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng theo Mục này, các bên không phải bồi thường cho bên còn lại do việc chấm dứt hợp đồng đó, Nhà thầu có trách nhiệm: a) Hoàn trả cho Chủ Đầu tư toàn bộ số tiền mà Chủ Đầu tư đã thanh toán, bao gồm cả khoản tạm ứng (nếu có); b) Thu hồi toàn bộ hàng hóa (nếu đã giao) theo yêu cầu của Chủ đầu tư và chịu mọi chi phí liên quan đến việc thu hồi; c) Bồi hoàn cho Chủ Đầu tư các chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh trực tiếp liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng đến thời điểm chấm dứt (bao gồm nhưng không giới hạn: chi phí lưu kho, chi phí vận chuyển nội địa, chi phí kiểm định/kiểm tra, chi phí chuẩn bị lắp đặt, và các chi phí tương tự); d) Không yêu cầu Chủ Đầu tư thanh toán bất kỳ khoản chi phí/tiền phạt/bồi thường nào.

II. Các biểu mẫu hợp đồng:

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 16: Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Chủ đầu tư gửi cho nhà thầu trên Hệ thống	**X**	
2	Mẫu số 17: Giấy ủy quyền	Bản gốc, nộp cho Chủ đầu tư trong giai đoạn đối chiếu tài liệu (nếu có)		**X**
3	Mẫu số 18: Dự thảo Hợp đồng	Chủ đầu tư đính kèm trong E-HSMT	**X**	
4	Mẫu số 19: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	Bản gốc, nộp cho Chủ đầu tư trong giai đoạn ký hợp đồng		**X**
5	Mẫu số 20: Bảo lãnh tạm ứng	Bản gốc, nộp cho Chủ đầu tư trong giai đoạn thực hiện hợp đồng		**X**

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Mẫu số 16

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG(1)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[điền tên Nhà thầu trúng thầu]* (sau đây gọi tắt là "Nhà thầu")

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số___ ngày___ tháng___ năm___ của _____ *[điền tên chủ đầu tư]* (sau đây gọi tắt là "Chủ đầu tư") về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu_____ *[điền tên, số hiệu gói thầu]*, Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu____ *[điền tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì điền tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu]* với giá hợp đồng là _____ *[điền giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện gói thầu là___ *[điền thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng:___ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm(2)____ *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Chương IV của E-HSMT với số tiền___ và thời gian hiệu lực___ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian hiệu lực]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày___tháng___năm___(3) mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư…) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 17

GIẤY ỦY QUYỀN [(1)]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____*[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của ____ *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại ____*[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho____ *[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____*[ghi tên gói thầu]* thuộc Dự án/khoản đầu tư____*[ghi tên Dự án/khoản đầu tư]* do____*[ghi tên Chủ đầu tư]* tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng ....][(2)].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____*[ghi tên nhà thầu]*. ____*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____*[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[(3)]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ___bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng,… và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 18

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

HỢP ĐỒNG[(1)]

____, ngày ____ tháng ____ năm____

Hợp đồng số: _____ *[Các đơn vị có thể đặt số Hợp đồng theo quy tắc của đơn vị]*

Gói thầu: 03-09/VMC/2026 Mua sắm thiết bị gia công sau đúc.

Thuộc dự án: 09/VMC/2025-DA Dự án dây chuyền Đúc mẫu chảy chân không vật liệu Inconel.

- Căn cứ *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;*

- Căn cứ Quyết định ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu hiện hành – ghi số, ngày quyết định

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu];

- Căn cứ biên bản thương thảo đã được Chủ Đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên Mua)

Tên **Chủ đầu tư**: _____

Địa chỉ:_____

Điện thoại :_____

Mã số thuế : _____

Đại diện là ông/bà : _____

Chức vụ : _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ [trường hợp được ủy quyền].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên Bán)

---

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với Điều kiện Hợp đồng.
(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Tên nhà thầu : _____

Địa chỉ : _____

Điện thoại :_____

Mã số thuế : _____

Đại diện là ông/bà : _____

Chức vụ : _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ [trường hợp được ủy quyền].

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa, *dịch vụ liên quan [với trường hợp phạm vi cung cấp có dịch vụ liên quan]* với các nội dung sau :

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa, dịch vụ liên quan được nêu chi tiết tại Phụ lục 1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ và giá cả kèm theo.

Điều 2. Trách nhiệm của Bên Mua

Bên Mua cam kết thanh toán cho Bên Bán theo giá hợp đồng quy định tại Điều 4 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại Điều kiện hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại Điều kiện hợp đồng.

Bên Mua có trách nhiệm Bàn giao bản vẽ layout nhà xưởng cho Bên Bán trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời gian Bên Mua chậm bàn giao bản vẽ layout nhà xưởng cho Bên Bán sẽ được cộng tương ứng vào thời gian nhà thầu thực hiện bàn giao bản vẽ, thiết kế mặt bằng và biện pháp thi công.

Bên Mua có trách nhiệm thẩm định bản vẽ, thiết kế mặt bằng và biện pháp thi công trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận bàn giao bản vẽ, thiết kế mặt bằng và biện pháp thi công từ Bên Bán. Thời gian Bên Mua chậm thẩm định hồ sơ sẽ được cộng tương ứng vào thời gian thực hiện lắp đặt cho Bên Bán.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên Bán

Bên Bán cam kết cung cấp cho Bên Mua đầy đủ các loại hàng hóa, dịch vụ liên quan như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong Điều kiện hợp đồng:

Ngoài ra, Bên Bán có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

- Trách nhiệm đảm bảo an toàn thông tin: Tất cả các hàng hóa cung cấp theo Hợp đồng này phải đảm bảo không có khả năng cản trở, gây rối loạn, gây mất an toàn thông tin, an ninh mạng, cơ sở hạ tầng mạng viễn thông, mạng công nghệ thông tin tại Việt Nam và trên thế giới. Trường hợp Bên Mua hoặc cơ quan nhà

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

nước phát hiện bất kỳ sản phẩm nào của hãng sản xuất thiết bị, phần mềm của Bên Bán gây ra hoặc có nguy cơ cản trở, gây rối loạn, gây mất an toàn thông tin, mất an toàn cơ sở hạ tầng mạng viễn thông, mạng công nghệ thông tin tại Việt Nam hoặc trên thế giới, Bên Mua có quyền hủy bỏ/chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng và Bên Bán phải chịu các chế tài phạt vi phạm và/hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng. Bên Bán chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật và phí tổn liên quan.

- Bên Bán có trách nhiệm cùng Bên Mua ký Biên bản thanh lý hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên mua ký Chứng nhận nghiệm thu kỹ thuật (TAC) với điều kiện Bên Bán đã hoàn thành trách nhiệm xử lý các khoản phạt và bồi thường thiệt hại (nếu có) phát sinh theo Hợp đồng này. Nếu quá 07 ngày kể từ ngày Bên Mua ký Chứng nhận nghiệm thu kỹ thuật (TAC) mà Bên Bán vẫn không giải quyết dứt điểm các khoản phạt và bồi thường thiệt hại (nếu có) thì coi như Bên Bán đồng ý với khoản phạt, bồi thường đó và chấp nhận các quyết định và hình thức xử lý vi phạm của Bên Mua.

- Trường hợp Hợp đồng bị chấm dứt một phần hoặc toàn bộ do Bên Bán vi phạm Hợp đồng như quy định tại Mục 29 Điều kiện Hợp đồng, Bên Bán có trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Bên Mua như quy định tại Mục 22 Điều kiện Hợp đồng và phải trả lại cho Bên Mua các khoản tiền mà Bên Mua đã thanh toán cho Bên Bán (nếu có) đối với phần bị chấm dứt. Sau đó, Bên Bán có trách nhiệm lấy lại hàng hóa bị chấm dứt theo Hợp đồng tại kho/địa điểm chỉ định của Bên Mua. Đối với phần Hợp đồng không bị chấm dứt (nếu có), hai bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng.

- Khi Bên Bán vi phạm Hợp đồng và phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại và/hoặc phạt vi phạm, Bên Mua có quyền gửi giấy đòi tiền bồi thường thiệt hại và/hoặc phạt vi phạm cho Bên Bán. Bên Bán có trách nhiệm trả tiền bồi thường và/hoặc phạt vi phạm trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được giấy đòi tiền hoặc Bên Mua sẽ khấu trừ các khoản bồi thường và/hoặc phạt vi phạm đó từ khoản phải trả cho Bên Bán và/hoặc các biện pháp bảo đảm, thư bảo lãnh do Bên Bán thực hiện, tùy theo quyết định của Bên Mua.

- Nếu một Bên thứ ba khiếu nại do quyền sở hữu trí tuệ của họ bị xâm phạm bởi các hàng hóa của Hợp đồng, Bên Mua sẽ thông báo ngay cho Bên Bán và Bên Bán phải ưu tiên đảm bảo các hàng hóa tranh chấp/ vi phạm không làm ảnh hưởng đến các sản phẩm, hoạt động của Bên Mua, đồng thời Bên Bán sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và chịu các chi phí trực tiếp hay gián tiếp do việc vi phạm bản quyền này gây ra, không ngoại trừ các chi phí cho việc:

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

+ Xin chấp thuận cho Bên Mua sử dụng quyền sở hữu trí tuệ từ bên thứ ba đó;

+ Sửa đổi các phần vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ;

+ Thay thế các phần vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba bằng các phần khác không vi phạm;

+ Lấy lại tất cả các phần của hàng hóa có liên quan việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba và hoàn lại cho Bên Mua mọi chi phí có liên quan

+ Bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên Mua nếu hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên Mua bị ảnh hưởng do việc vi phạm sở hữu trí tuệ của Bên Bán.

- [Trong trường hợp Bên Bán là nhà thầu liên danh]: Nghĩa vụ của các thành viên trong liên danh tại toàn bộ Hợp đồng là nghĩa vụ liên đới, theo đó, Bên Mua có quyền yêu cầu bất cứ thành viên nào thuộc liên danh phải thực hiện một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm thanh toán các khoản phạt, bồi thường thiệt hại và bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác phát sinh (nếu có).

- Bên Bán có trách nhiệm bàn giao bản vẽ, thiết kế mặt bằng và biện pháp thi công cho Bên Mua trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận được bàn giao bản vẽ layout nhà xưởng từ Bên Bán. Trường hợp bản vẽ, thiết kế mặt bằng và biện pháp thi công không phù hợp, Bên Bán có trách nhiệm khắc phục trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên Mua.

- Các trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. **Giá hợp đồng**: ___*[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế): _____

- Giá trị thuế :_____]

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm), đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.

2. **Phương thức thanh toán:** Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 13 và 14 Điều kiện Hợp đồng.

Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng: ... ngày từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

2. Thời gian giao hàng: Toàn bộ hàng hóa được giao đến kho/địa điểm chỉ định của Bên Mua trong vòng .... [ghi số ngày] ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

3. Các mốc thời gian khác: (nếu có)

Điều 6. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được đại diện có thẩm quyền của hai bên ký và đóng dấu. *[trường hợp ký hợp đồng điện tử thì bỏ nội dung"đóng dấu"]*.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi các bên hoàn tất việc thực hiện các nghĩa vụ nêu tại Hợp đồng này.
3. Nếu có những điểm trong Hợp đồng này mất hiệu lực pháp lý thì phần còn lại của Hợp đồng vẫn có hiệu lực ràng buộc các bên.
4. Mọi sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung cho Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi được làm thành văn bản và có chữ ký đầy đủ của đại diện có thẩm quyền của hai bên. Phụ lục sửa đổi Hợp đồng sẽ được coi là một phần không tách rời của Hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền của hai bên ký.
5. Hai bên thống nhất, các quy định về An toàn thông tin (nếu có), Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng, Quyền tác giả, Bồi thường vi phạm sáng chế, Luật áp dụng, Giải quyết tranh chấp sẽ duy trì hiệu lực áp dụng kể cả khi Hợp đồng đã thanh lý hoặc chấm dứt trong bất kỳ trường hợp nào.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Bên Mua giữ 02 bộ, Bên Bán giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau *[trường hợp ký hợp đồng điện tử thì bỏ nội dung này]*.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
[.....]	**[……..]**
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

PHỤ LỤC 1 – DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ VÀ GIÁ CẢ

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại HSMT/HSYC/HSMCG và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc].

TT	Mã Viettel	Tên hàng hóa	Mô tả	Mã nhà sản xuất/ Mã hàng hóa	NSX	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (VNĐ)	Thành tiền chưa bao gồm thuế GTGT (VNĐ	Thuế GTGT	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (VNĐ)	Thời gian giao hàng (nếu có)
1													
2													
3													
..													
...													
…													
n													
	Tổng cộng thành tiền đã bao gồm thuế GTGT												
		Bằng chữ: ……/.											

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

PHỤ LỤC 2: PHỤ LỤC VỀ KỸ THUẬT

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

PHỤ LỤC 3: PHỤ LỤC VỀ NGHIỆM THU HÀNG HÓA

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

1. Kiểm tra số lượng và chủng loại hàng hoá sau khi giao hàng:

Khi giao nhận hàng, Bên Bán có trách nhiệm cử đại diện có đủ năng lực, kinh nghiệm về hàng hóa đến địa điểm giao hàng của Bên Mua và đại diện của hai Bên sẽ cùng kiểm tra: số lượng, chủng loại, xuất xứ, năm sản xuất, số serial, quy cách hàng hoá trong vòng **05 ngày** và hai Bên sẽ lập Biên bản bàn giao hàng hóa cho từng đợt giao hàng (nếu hàng hóa giao thành nhiều đợt) hoặc Biên bản hiện trường (nếu hàng hóa bàn giao sai quy định Hợp đồng) và:

Nếu kết quả kiểm tra về số lượng, chủng loại, xuất xứ, số serial, năm sản xuất và quy cách hàng hoá chứng tỏ rằng hàng hoá không phù hợp với văn bản Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng, E-HSDT, E-HSMT thì Bên Mua có quyền lựa chọn:

(i) Từ chối hàng hoá đã nhận, chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng và Bên Bán phải hoàn trả ngay cho Bên Mua các khoản tiền mà Bên Mua đã thanh toán cho Bên Bán, nhận lại hàng hóa, đồng thời phải chịu phạt tám phần trăm (8%) giá trị phần Hợp đồng bị chấm dứt hoặc 8% giá Hợp đồng trong trường hợp chấm dứt toàn bộ Hợp đồng. Hoặc

(ii) Đồng ý cho Bên Bán bổ sung hoặc thay thế hàng hoá mới phù hợp với quy định của Hợp đồng trong vòng **20 ngày** kể từ ngày hai Bên lập Biên bản hiện trường, đồng thời Bên Bán phải chịu phạt giao hàng chậm kể từ ngày đến hạn bàn giao hàng hóa như quy định tại Điều 5 của hợp đồng cho đến ngày bàn giao thực tế, với mức phạt theo quy định tại Mục 22 Điều kiện hợp đồng. Bên Bán chịu mọi chi phí liên quan đến việc bổ sung hoặc thay thế hàng hóa mới;

(iii) Sau khi thay thế hoặc bổ sung như mục (ii) nêu trên, mà hàng hoá vẫn không đáp ứng quy định của Hợp đồng, Bên Mua có quyền từ chối hàng hóa do Bên Bán cung cấp và chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng. Bên Bán có nghĩa vụ nhận lại hàng hóa do Bên Mua từ chối, chịu mọi chi phí phát sinh từ việc tiếp nhận lại hàng hóa hoặc chậm tiếp nhận gây ra và bị phạt theo quy định tại Mục 22 Điều kiện hợp đồng.

Nếu kết quả kiểm tra về số lượng, chủng loại, xuất xứ, số serial, năm sản xuất và quy cách hàng hoá chứng tỏ rằng hàng hoá phù hợp với Hợp đồng, đại diện có thẩm quyền của hai Bên sẽ lập và ký "Biên bản bàn giao hàng hoá tổng thể" trong vòng **ba (03) ngày** kể từ ngày hoàn thành kiểm tra hàng hóa của Hợp đồng với điều kiện Bên Bán đã xuất trình và giao đủ các chứng từ phù hợp theo quy định tại hợp đồng.

2. Kiểm tra, đánh giá sau khi lắp đặt (TAM)

2.1. Lắp đặt Hàng hóa

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Trước khi có kế hoạch lắp đặt hàng hóa, Bên Bán có trách nhiệm thông báo cho Bên Mua trước tối thiểu 15 ngày để Bên Mua chuẩn bị mặt bằng lắp đặt hàng hóa. Bên Mua có trách nhiệm cung cấp mặt bằng và hàng hoá lắp đặt cho Bên Bán tại địa điểm lắp đặt. Bên Bán có trách nhiệm hoàn thành lắp đặt, cài đặt, tích hợp hàng hóa trong vòng **15 ngày** kể từ ngày Biên bản bàn giao mặt bằng và hàng hoá lắp đặt được đại diện hai bên ký.

Trường hợp Bên Mua chậm bàn giao mặt bằng cho Bên Bán, thời gian thực hiện lắp đặt của Bên Bán sẽ được cộng tương ứng với thời gian Bên Mua chậm bàn giao mặt bằng.

Biên bản hoàn thành lắp đặt sẽ được ký bởi đại diện của hai bên trong vòng **05 ngày** kể từ ngày Bên Bán hoàn thành công việc lắp đặt hàng hóa.

2.2. Kiểm tra, đánh giá kỹ thuật sau khi lắp đặt

- Hai bên sẽ tiến hành và hoàn thành kiểm tra, đo các thông số kỹ thuật trong vòng **05 ngày** kể từ ngày hoàn thành lắp đặt, cài đặt, tích hợp hàng hóa và lập thành Biên bản ghi nhớ kiểm tra kỹ thuật (TAM).
- Nếu kết quả kiểm tra xác định hàng hoá phù hợp với quy định tại Hợp đồng, Biên bản ghi nhớ kiểm tra kỹ thuật (TAM) sẽ được ký bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên trong vòng **05 ngày** kể từ ngày hoàn thành kiểm tra, đo kiểm.
- Bất cứ thời điểm nào trong quá trình đánh giá kiểm tra kỹ thuật nêu trên, Bên Mua phát hiện và xác định hàng hoá không phù hợp như quy định của Hợp đồng, Bên Bán bằng chi phí của mình, có trách nhiệm khắc phục, bổ sung hoặc sửa chữa/thay thế hàng hoá lỗi hoặc thay thế toàn bộ hàng hóa của Hợp đồng bằng hàng hóa đáp ứng quy định của Hợp đồng trong thời gian thực hiện như quy định tại Hợp đồng. Trong mọi trường hợp, nếu thời gian khắc phục lỗi của Bên Bán chậm so với tiến độ theo quy định thì Bên Bán sẽ chịu phạt chậm như quy định tại Mục 22 Điều kiện hợp đồng của Hợp đồng.
- Trong tất cả các trường hợp, các thiết bị được khắc phục/sửa chữa/thay thế/bổ sung sẽ được kiểm tra lại. Sau khi khắc phục/sửa chữa/bổ sung/thay thế mà hàng hoá vẫn không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định trong Hợp đồng; hoặc Bên Bán khắc phục vượt quá khoảng thời gian đạt mức phạt tối đa tại Mục 22 Điều kiện hợp đồng so với tiến độ thực hiện Hợp đồng, Bên Mua có quyền chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng và Bên Bán chịu trách nhiệm như quy định tại Mục 22, 29 Điều kiện hợp đồng và Điều 4 của văn bản Hợp đồng.

3. Kiểm tra, đánh giá hàng hóa khi có tải (TAT)

- Hàng hóa được đưa vào vận hành để kiểm tra kỹ thuật khi có tải trong thời gian **05 ngày** kể từ ngày hai bên ký Biên bản ghi nhớ kiểm tra kỹ thuật (TAM), sau

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

đây gọi là "thời gian chạy có tải". Phương pháp, chỉ tiêu kiểm tra được quy định tại Phụ lục 2 đính kèm hợp đồng.

- Sau khi kết thúc thời gian chạy có tải, Bên Mua thực hiện kiểm tra đánh giá lại tổng thể các chỉ tiêu kỹ thuật của hàng hóa và các phạm vi công việc khác liên quan (nếu có). Trường hợp kết quả kiểm tra đánh giá hàng hóa đáp ứng theo quy định của Hợp đồng thì Biên bản kiểm tra kỹ thuật giai đoạn TAC (TAT) của Hợp đồng sẽ được ký bởi đại diện của hai bên không muộn hơn **10 ngày** kể từ ngày kết thúc thời gian chạy có tải.

4. Ký Chứng nhận nghiệm thu kỹ thuật (TAC)

Nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện nghiệm thu, hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng, bảo trì hàng hóa trong vòng **27 ngày** kể từ ngày Biên bản hoàn thành lắp đặt được ký. Biên bản nghiệm thu dịch vụ nghiệm thu, hướng dẫn vận hành, bảo hành, bảo trì hàng hóa sẽ được ký bởi đại diện của hai bên trong vòng **5 ngày** kể từ ngày hoàn thành dịch vụ.

TAC của Hợp đồng sẽ được phát hành bởi đại diện có thẩm quyền của Bên Mua trong vòng **10 ngày** kể từ ngày Biên bản nghiệm thu dịch vụ nghiệm thu, hướng dẫn vận hành, bảo hành, bảo trì hàng hóa được ký bởi đại diện của hai bên, với điều kiện Bên Bán đã hoàn thành hết các phạm vi công việc khác theo quy định của Hợp đồng (nếu có).

5. Các nội dung khác

- Bất cứ thời điểm nào trong quá trình đánh giá kiểm tra kỹ thuật như quy định tại Mục II, III nêu trên, Bên Mua phát hiện và xác định hàng hoá không phù hợp như quy định của Hợp đồng, Bên Bán bằng chi phí của mình, có trách nhiệm khắc phục, bổ sung hoặc sửa chữa/thay thế hàng hoá lỗi hoặc thay thế toàn bộ hàng hóa của Hợp đồng bằng hàng hóa đáp ứng quy định của Hợp đồng trong thời gian thực hiện như quy định tại Hợp đồng. Trong mọi trường hợp, nếu thời gian khắc phục lỗi của Bên Bán chậm so với tiến độ theo quy định thì Bên Bán sẽ chịu phạt chậm như quy định tại Mục 22 A-ĐKC và Mục 22 A-ĐKCT của Hợp đồng.
- Trong tất cả các trường hợp, các thiết bị được khắc phục/sửa chữa/thay thế/bổ sung sẽ được kiểm tra lại. Sau khi khắc phục/sửa chữa/bổ sung/thay thế mà hàng hoá vẫn không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định trong Hợp đồng; hoặc Bên Bán khắc phục vượt quá **20 ngày** so với tiến độ thực hiện Hợp đồng, Bên Mua có quyền chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng và Bên Bán chịu trách nhiệm như quy định tại Mục 22, 29 A-ĐKC và Mục 22 A-ĐKCT và Điều 4 của văn bản Hợp đồng.
- Trường hợp kết quả kiểm tra cho thấy hàng hóa không phù hợp với Hợp đồng, Bên Bán nhận được thông báo của Bên Mua yêu cầu thu hồi toàn bộ lô hàng lỗi trong trường hợp phải sửa chữa/thay thế/bổ sung hoặc trả lại hàng, Bên Bán

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

có trách nhiệm thu hồi hàng lỗi tại kho của Bên Mua trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo trên. Nếu không, Bên Bán sẽ chịu toàn bộ các phí, chi phí liên quan đến việc lưu kho của lô hàng lỗi.

- Trong mọi trường hợp khi có sự cố phát sinh, theo yêu cầu của Bên Mua, Bên Bán phải liên hệ với Bên Mua hoặc cử kỹ sư có kinh nghiệm hoặc chuyên gia của hãng đến cùng tìm nguyên nhân (nếu có yêu cầu của Bên Mua), đề xuất phương án giải quyết, khắc phục để hạn chế thiệt hại cho các bên trong vòng 48h kể từ khi có yêu cầu của Bên Mua.

396327_Doan Thi Hong Ngoc_14:23 12/03/2026
Tong Giam doc Nguyen The Nghia da ky, 12/03/2026 14:12:56

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 19

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi là "Chủ đầu tư")

Theo đề nghị của ____ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là "Hợp đồng"); (1)

Theo quy định trong E-HSMT *(hoặc hợp đồng)*, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng(2)]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là____ *[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5 Điều kiện hợp đồng thuộc Mẫu số 18 của E-HSMT]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày___ tháng__ năm___ (3).

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của____ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") là nhà thầu trúng thầu gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số__ *[ghi số hợp đồng]* ngày__ tháng___ năm___ (sau đây gọi là "Hợp đồng")."

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5 Điều kiện hợp đồng thuộc Mẫu số 18 của E-HSMT.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Số và ký hiệu: 4841/QĐ-VMC
Ngày ban hành: 12/03/2026

Mẫu số 20

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG (1)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi:___ *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi là "Chủ đầu tư ")

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện hợp đồng, ___ *[ghi tên và địa chỉ của nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại ___ *[ghi địa chỉ của ngân hàng(2)]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ___*[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 13 Điều kiện hợp đồng]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày___ tháng___ năm___ (3).

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 13 Điều kiện hợp đồng.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hết hiệu lực theo quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của Viettel. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm